

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ THỪA THIÊN HUẾ
ĐẾN NĂM 2045, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26 /01/2024 của
Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung Đô thị
Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065)*

Thừa Thiên Huế, 01/2024

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ THỪA THIÊN HUẾ
ĐẾN NĂM 2045, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065**

- Cấp phê duyệt:

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định phê duyệt số 108/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2024

- Cơ quan thẩm định:

BỘ XÂY DỰNG

Báo cáo thẩm định số 10/BC-BXD ngày 19 tháng 01 năm 2024

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và trình duyệt:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Tờ trình số 424/TTr-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024

**Cơ quan chủ đầu tư
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
GIÁM ĐỐC**

**Cơ quan tư vấn lập quy hoạch:
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ
NÔNG THÔN QUỐC GIA
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Đại Viên

Phạm Thị Nhâm

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ THỪA THIÊN HUẾ
ĐẾN NĂM 2045, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065**

- Cấp phê duyệt: **Thủ tướng Chính phủ**
- Cơ quan thẩm định: **Bộ Xây dựng**
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: **Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế**
- Cơ quan tư vấn quy hoạch: **Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn Quốc gia – BXD**

- Phó Viện trưởng:	KTS. Phạm Thị Nhâm	
- Chủ nhiệm đồ án:	KTS. Phạm Thị Nhâm	
- Đồng chủ nhiệm:	PGS.TS.KTS Hoàng Vĩnh Hưng	
- Phó Chủ nhiệm đồ án:	Ths.KS. Đoàn Trọng Tuấn	
	Ths.KTS. Vũ Nguyệt Minh	
- Kiến trúc:	KTS. Tống Thị Mai Liên	
	KTS. Nguyễn Ngọc Sơn	
	Ths.KTS. Đoàn Văn Quân	
	Ths.KTS. Lê Trung Hiếu	
	Ths.KTS. Vũ Tuấn An	
	KTS. Đặng Ngọc Mai	
	KTS. Hà Thị Diệu Hoàng	
	KTS Ngô Thanh Tuyền	
	KTS. Đinh Thị Quỳnh	
- Kinh tế đô thị:	CN. Nguyễn Văn Thắng	
	KS. Chu Phương Lan	
- Giao thông:	KS. Bùi Văn Sử	
	KS. Phạm Thế Anh Bích	
- Chuẩn bị kỹ thuật:	Ths.KS. Đỗ Hoàng Hiệp	
	Ths.KS. Nguyễn Thanh Huyền	
- Cấp nước:	Ths.KS. Trương Quỳnh Phương	
	KS. Nguyễn Huyền My	
- Cấp điện, TTLL:	Ths.KS. Võ Thanh Tùng	
	KSĐT. Doãn Văn Giang	
- VSMT, ĐMC:	Ths.KS Hoàng Đình Giáp	
	KS. Cung Việt Dũng	
- Quản lý kỹ thuật:	Ths.KTS. Lê Kiều Thanh	
	Ths.KTS. Nguyễn Xuân Anh	
	KS. Lê Thanh Bình	
	Ths.KS. Trương Minh Ngọc	
	Ths.KS. Đoàn Trọng Tuấn	
	TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	

MỤC LỤC

1. Lời mở đầu	1
2. Mục đích, yêu cầu của quy định quản lý	1
3. Cơ sở để lập quy định quản lý	2
4. Giải thích từ ngữ.....	2
PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
1. Đối tượng và phạm vi áp dụng	5
1.1. Đối tượng	5
1.2. Phạm vi áp dụng.....	5
2. Tính chất, tầm nhìn	5
2.1. Tính chất:.....	5
2.2. Tầm nhìn:	5
3. Quy mô dân số.....	6
4. Quy mô đất đai.....	6
5. Quy định kiểm soát phát triển không gian toàn đô thị	6
5.1. Hành chính đô thị	6
5.2. Kiểm soát không gian tổng thể:	7
5.3. Quy định quản lý khu vực đô thị:.....	10
5.4. Quy định quản lý vùng nông thôn:.....	14
5.5. Quy định quản lý không gian xanh đô thị	15
5.6. Quy định về thiết kế đô thị và kiến trúc các khu vực trong đô thị.....	16
6. Quy định quản lý, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hoá.....	20
7. Quy định chung về phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế	20
7.1. Khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp	20
7.2. Khu vực khai thác khoáng sản	22
7.3. Mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch.....	23
7.4. Nông, lâm, ngư nghiệp:.....	24
8. Quy định chung về phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:.....	25
9. Quy định quy hoạch hạ tầng kỹ thuật	31
9.1. Giao thông.....	31
9.2. Cao độ nền và phòng chống thiên tai	34
9.3. Thoát nước mặt	35
9.4. Cấp nước	36
9.5. Cấp điện, chiếu sáng đô thị	37
9.6. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.....	37
9.7. Thoát nước thải	39
9.8. Chất thải rắn	40
9.9. Nghĩa trang.....	40
9.10. Không gian ngầm.....	41

9.11. Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khu vực cấm xây dựng, hành lang bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật.....	42
9.12. Quy định về môi trường.....	43
9.13. Quy định xây dựng đợt đầu và các dự án ưu tiên	44
PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	48
1. Quản lý phát triển phát triển khu vực quận phía Bắc sông Hương	48
1.1. Quy định về quy mô.....	48
1.2. Nội dung quản lý.....	49
1.3. Tổ chức thực hiện	53
2. Quản lý phát triển phát triển khu vực quận phía Nam sông Hương.....	53
2.1. Quy định về quy mô.....	53
2.2. Nội dung quản lý.....	54
2.3. Tổ chức thực hiện	59
3. Quản lý phát triển phát triển khu vực quận Hương Thủy	59
3.1. Quy định về quy mô.....	59
3.2. Nội dung quản lý.....	60
3.3. Tổ chức thực hiện	64
4. Quản lý phát triển khu vực quận Hương Trà.....	64
4.1. Quy định về quy mô.....	64
4.2. Nội dung quản lý.....	65
4.3. Tổ chức thực hiện	69
5. Quy định các khu vực khác ngoài khu vực đô thị trung tâm	69
5.1. Quản lý phát triển khu vực đô thị Chân Mây.....	69
5.1.1. Quy định về phạm vi, quy mô, tính chất.....	69
5.1.2. Định hướng phát triển.....	70
5.1.3. Quy định phát triển hạ tầng kỹ thuật	71
5.2. Quản lý phát triển đô thị Phong Điền	72
5.2.1. Quy định về quy mô, tính chất.....	72
5.2.2. Định hướng phát triển.....	73
5.2.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung	74
5.3. Quản lý phát triển đô thị Quảng Điền	75
5.3.1. Quy định về quy mô, tính chất.....	75
5.3.2. Định hướng phát triển:.....	76
5.3.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung	76
5.4. Quản lý phát triển khu vực đô thị Phú Vang.....	77
5.4.1. Quy định về quy mô, tính chất.....	77
5.4.2. Định hướng phát triển:.....	78
5.4.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung	79
5.5. Quản lý phát triển khu vực huyện Phú Lộc – Nam Đông.....	80
5.5.1. Quy định về quy mô, tính chất.....	80
5.5.2. Định hướng phát triển.....	81
5.5.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung	81

5.6. Quản lý phát triển khu vực huyện A Lưới	83
5.6.1. Quy định về quy mô, tính chất.....	83
5.6.2. Định hướng phát triển.....	83
5.6.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung	84
PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	86
1. Quy định về tính pháp lý và chuyển tiếp	86
2. Quy định về trách nhiệm quản lý	87
3. Tổ chức thực hiện.....	87
4. Phân công trách nhiệm.....	88
5. Quy định công bố thông tin.....	89
6. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành	89

MỞ ĐẦU

1. Lời mở đầu

Quy định quản lý quy hoạch chung đô thị theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26 /01/2024.

Nội dung quy định quản lý theo quy hoạch gồm 3 phần:

Phần I - Quy định chung: gồm các quy định hướng dẫn cho việc quản lý và xây dựng trên địa bàn đô thị Thừa Thiên Huế cũng như xác định khu vực tự nhiên cần bảo vệ, khu vực hạn chế phát triển, khu nội đô lịch sử, hành lang an toàn kỹ thuật cũng như việc xác định các phân vùng quản lý phát triển.

Phần II - Quy định cụ thể: gồm các chỉ dẫn cụ thể cho việc quản lý, kiểm soát phát triển về tính chất, quy mô, định hướng phát triển không gian, hạ tầng,...đồng thời đưa ra các khuyến cáo và nghiêm cấm về xây dựng phát triển đô thị cho từng khu vực cụ thể.

Phần III – Tổ chức thực hiện: gồm các hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện, phân công trách nhiệm và quy định khác có liên quan.

Quy định quản lý được sử dụng kết hợp với thuyết minh, bản vẽ của Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Mục đích, yêu cầu của quy định quản lý

Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 là cơ sở cho việc:

- Lập và phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch; Quy hoạch chung đô thị trực thuộc và quy hoạch chung các khu chức năng; Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch các khu vực phát triển đô thị, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch nông thôn và một trong những cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thiết kế công trình có liên quan trên địa bàn toàn đô thị;

- Lập chương trình, kế hoạch đầu tư và xây dựng ngắn hạn và dài hạn của toàn đô thị cũng như các quận, thành phố, thị xã, huyện, thị trấn, các khu chức năng, khu đô thị, khu dân cư nông thôn...;

- Quản lý kiến trúc, cảnh quan, bảo tồn, tôn tạo, cải tạo, xây dựng mới, di dời (nếu có) các công trình trên địa bàn toàn đô thị phù hợp với các đồ án quy hoạch đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch đô thị và phát triển kiến trúc trên địa bàn toàn đô thị.

- Là phần không tách rời của hệ thống bản vẽ theo danh mục tại Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

3. Cơ sở để lập quy định quản lý

-Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009 (Văn bản hợp nhất 16/VBHN_VPQH năm 2020 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị); Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan;

-Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

-Nghị định số 03/VBHN-BXD ngày 30/5/2023 về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

-Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

-Hồ sơ Đồ án quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26 /01/2024;

-Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng chuyên ngành có liên quan khác.

4. Giải thích từ ngữ

Trong Đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và Quy định quản lý, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- Toàn đô thị: Là không gian theo ranh giới hành chính của tỉnh Thừa Thiên Huế hiện hữu, trong đó xét đến khu vực ven biển có hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển theo đồ án quy hoạch;

- Khu vực đô thị trung tâm: Bao gồm 03 đơn vị hành chính hiện hữu (TP Huế, TX Hương Thủy, TX Hương Trà), là không gian dự kiến trở thành 04 quận trong tương lai (Quận phía Bắc sông Hương, quận phía Nam sông Hương, quận Hương Thủy, quận Hương Trà), được khớp nối với đô thị mới An Vân Dương;

- Trung tâm đô thị: Là khu vực trung tâm hiện hữu của thành phố Huế (bao gồm khu phố có giá trị lịch sử, kiến trúc và phụ cận) và khu vực dự kiến mở rộng về phía biển; có mật độ xây dựng cao, có khả năng kết nối các hoạt động kinh tế - xã hội với mạng lưới trung tâm cấp quận huyện và trung tâm các đô thị khác trong vùng và quốc gia; có hoạt động đô thị đa dạng như: hỗn hợp, thương mại, dịch vụ, văn hoá, y tế, giáo dục, hành chính, nhà ở mật độ cao, khu phố thương mại truyền thống, chợ truyền thống, công trình có giá trị về lịch sử văn hoá...;

- Khu trung tâm mới cấp thành phố: Là khu vực trung tâm mới của Khu vực đô thị trung tâm, phát triển mới các chức năng như: Trung tâm hành chính, chính trị, văn hoá, gắn với đô thị mới, khu vực thương mại, tài chính - CBD...; Có hệ số sử dụng đất cao; được kết nối thuận tiện với hệ thống giao thông công cộng và khả năng kết nối các hoạt động kinh tế - xã hội khác;

-Khu vực phát triển đô thị: Bao gồm các chức năng trung tâm hành chính, dịch vụ cộng đồng, thương mại, văn hóa, giải trí, cây xanh, đơn vị ở... được quy định theo đồ án quy hoạch và các quy định có liên quan về phát triển đô thị;

-Khu vực phát triển đô thị có kiểm soát: Bao gồm các chức năng dịch vụ cộng đồng, thương mại, văn hóa, giải trí, cây xanh, đơn vị ở... được kiểm soát phát triển về hoạt động xây dựng để đảm bảo không gian cho thích ứng, phòng chống biến đổi khí hậu cũng như gìn giữ các không gian mở;

-Khu vực công cộng dịch vụ cấp vùng, cấp tỉnh: Bao gồm các chức năng trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ cộng đồng, văn hóa, y tế... theo phân cấp của đồ án quy hoạch này và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan;

-Khu vực Kinh thành, Hoàng thành, di tích: Bao gồm các chức năng, công trình di tích, và các chức năng khác trong ranh giới bảo vệ, được bảo tồn phát huy giá trị theo đồ án quy hoạch chuyên ngành hoặc đồ án quy hoạch cấp dưới;

-Khu vực nghiên cứu đào tạo cấp vùng, cấp tỉnh: Bao gồm các chức năng về nghiên cứu, đào tạo theo phân cấp của đồ án quy hoạch này và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan;

-Khu vực phát triển du lịch tập trung: Bao gồm các chức năng dịch vụ du lịch, dân cư hiện hữu, dân cư mới hoạt động du lịch cộng đồng, được khoanh vùng nghiên cứu, cụ thể hoá trong quy hoạch cấp dưới, từ đó xác định khu vực phát triển du lịch, dịch vụ phù hợp với hiện trạng khu vực.

-Khu vực phát triển khu công nghiệp và công nghệ cao: Bao gồm các chức năng: khu công nghiệp, công nghệ cao, công viên khoa học công nghệ, chức năng hoạt động công nghệ cao khác theo quy định pháp luật về khu công nghệ cao;

-Khu vực cây xanh cảnh quan, cách ly: Bao gồm các chức năng sân golf, cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly khu công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, cây xanh khác không phục vụ hoạt động thường ngày của đô thị theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.

-Khu vực an ninh, quốc phòng: Bao gồm các chức năng an ninh, quốc phòng hiện hữu và dự kiến bố trí mới theo quy hoạch này và các quy hoạch có liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt.

-Khu vực dân cư nông thôn: Chức năng chính là khu dân cư nông thôn, các khu vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, được phát triển mở rộng, quy hoạch mới điểm dân cư nông thôn, đảm bảo các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, phù hợp với tập quán sinh hoạt và không gian văn hoá truyền thống của mỗi địa phương.

-Khu vực dân cư nông thôn có kiểm soát phát triển: Chức năng chính là dân cư nông thôn, du lịch, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nghỉ trang, khai thác khoáng sản, nghỉ trang, chưa sử dụng... kiểm soát các chỉ tiêu xây dựng đảm bảo thích ứng, phòng chống biến đổi khí hậu, giữ gìn các không gian mở.

-Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Bao gồm các chức năng phục vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị như nghỉ trang, hạ tầng cấp nước, thoát nước thải, sân bay, bến, cảng, hạ tầng cung cấp năng lượng...

-Khu vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Bao gồm các chức năng nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, các khu dân cư nông thôn hiện hữu và các khu vực chức năng khác phục vụ phát triển nông thôn, được quy định ở đồ án quy hoạch cấp thấp hơn;

-Khu vực rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản: Chức năng theo quy định về rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

Đối với khu vực đô thị trung tâm, các loại đất được định nghĩa phù hợp với Quy chuẩn xây dựng về quy hoạch và làm rõ như sau:

-Đất phát triển đô thị mới: Là ô đất sử dụng cho mục đích phát triển đô thị mới được xác định trong Quy hoạch chung, được đầu tư xây dựng từng bước đạt các tiêu chí của đô thị tương ứng theo quy định của pháp luật.

-Đất dự trữ phát triển: đất được phân theo từng mục đích sử dụng và chia thành từng giai đoạn trong một khoảng thời gian nhất định, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của kinh tế và xã hội tại địa phương;

-Đất nông nghiệp: Là khu vực sản xuất nông nghiệp, cho phép hình thành các điểm tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất gắn với chế biến sản phẩm nông nghiệp, làng nghề truyền thống, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, các loại hình chức năng phụ trợ sản xuất nông nghiệp khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, kết hợp khai thác các mô hình du lịch trải nghiệm để khai thác hiệu quả sử dụng đất trên cơ sở đảm bảo không gian thoát lũ cho tổng thể khu vực.

-Đất công nghiệp, kho tàng: Là khu vực phát triển chức năng chính như Khu, cụm công nghiệp, kho tàng, logistics, cảng và bến ...; cho phép phát triển các chức năng như nhà ở công nhân, các công trình thiết chế công đoàn và các chức năng khác phục vụ công nghiệp, nhưng phải đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn và điều kiện sống cho người lao động. Được xác định cụ thể trong quy hoạch cấp dưới.

-Đất dịch vụ, du lịch: Là khu vực sử dụng phát triển du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng, giải trí... và các chức năng cho ngành du lịch;

-Đất dịch vụ, công cộng đô thị: Là khu vực xây dựng công trình dịch vụ - công cộng; công trình hỗn hợp; công trình đa chức năng (giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, y tế, thể thao, văn hoá, thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí, trụ sở văn phòng làm việc...) có quy mô phục vụ cấp đô thị và cấp vùng.

-Công trình dịch vụ - công cộng đô thị: Là các công trình phục vụ nhu cầu thiết yếu của cư dân đô thị, đảm bảo chỉ tiêu theo quy hoạch và được xác định trong các khu đất dịch vụ - công cộng đô thị, đất đơn vị ở, đất thương mại dịch vụ của đồ án Quy hoạch chung và các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng có liên quan.

-Khu hỗn hợp, đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ công cộng đô thị): Là khu vực có đất để xây dựng các công trình hỗn hợp, công trình đa chức năng, nhà ở, thương mại, dịch vụ, văn phòng, ... Trong đó, đất sử dụng hỗn hợp tại trung tâm đô thị gồm các chức năng ở kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí... Các chức năng và tỷ trọng cụ thể được xác định trong quy hoạch cấp dưới, trong đó tỷ lệ đất ở trong đất hỗn hợp đảm bảo các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế quy định.

-Đất đơn vị ở đô thị, khu dân cư nông thôn đô thị hóa hiện hữu cải tạo chỉnh trang: Là đất đô thị hiện hữu hoặc khu ở mới nhỏ lẻ liền kề các khu ở hiện trạng thuộc ranh giới quận và phường hoặc khu dân cư nông thôn trong phạm vi đô thị hóa, được cải tạo chỉnh trang, bổ sung các khu ở xen ghép, các chức năng đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo các quy hoạch cấp dưới, quy hoạch chuyên ngành có liên quan do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

-Đất đơn vị ở phát triển mới: Là khu vực, ô đất phát triển mới cho chức năng chính là đơn vị ở, được cụ thể hóa tại các quy hoạch cấp dưới, đảm bảo các chỉ tiêu theo cấp loại đô thị và các chỉ tiêu quy định trong đồ án này.

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1.1. Đối tượng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động liên quan đến quy hoạch, kiến trúc và đầu tư xây dựng trên địa bàn đô thị Thừa Thiên Huế đảm bảo theo đúng đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được phê duyệt.

Quy định này là cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý quy hoạch, kiến trúc, xây dựng của tỉnh Thừa Thiên Huế xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc, quản lý đầu tư xây dựng và là căn cứ để xác lập nhiệm vụ và đồ án: Các đô thị và các khu chức năng; Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị; Các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật,... tất cả các khu vực khác trong và ngoài đô thị tuân thủ định hướng Quy hoạch chung.

1.2. Phạm vi áp dụng

Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 4.947,11 km² (494.710,95 ha), ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Trị; Phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng; Phía Tây giáp nước CHDCND Lào; Phía Đông giáp Biển Đông. Quy định này cũng đảm bảo tính đồng bộ với không gian ven biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ ngày 01/7/2021, theo Nghị Quyết 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021, tỉnh Thừa Thiên Huế có 9 đơn vị hành chính cấp huyện (6 huyện, 2 thị xã và 1 thành phố); 141 đơn vị hành chính phường/xã (95 xã, 39 phường và 7 thị trấn). Tên gọi, phạm vi, quy mô các đơn vị hành chính được xác định trong các đề án riêng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tính chất, tầm nhìn

2.1. Tính chất:

Là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương có tiêu chí đặc thù; Là đô thị phát triển trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô, bản sắc văn hóa Huế; đô thị đặc sắc về sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh; Là cực tăng trưởng của vùng động lực miền Trung về kinh tế biển, kinh tế du lịch, trung tâm lớn của cả nước về khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế đa ngành chất lượng cao; trung tâm du lịch quốc tế; trung tâm về phát triển công nghiệp và cảng biển của quốc gia; trong đó du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng; Là địa bàn chiến lược về quốc phòng và an ninh khu vực miền Trung và cả nước.

2.2. Tầm nhìn:

Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố Festival nằm trong nhóm dẫn đầu của hệ thống đô thị Việt Nam, phát triển mạnh về văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, hướng đến hội nhập với các đô thị nổi bật tâm cờ Châu Á và thế giới; có trình độ phát triển kinh tế cao trên cơ sở hệ thống hạ tầng giao thông liên hoàn, kết nối thuận lợi với quốc tế bằng đường bộ, đường thủy, đường không và đường sắt tốc độ cao; có nền sản xuất phát triển, hệ thống dịch vụ và logistics hiệu quả.

3. Quy mô dân số

Dân số đô thị được xác định trên cơ sở Niên giám thống kê và các phương pháp thống kê phù hợp, phục vụ đồ án quy hoạch. Quy mô dân số toàn đô thị được dự báo như sau:

- Năm 2030: Dân số toàn đô thị khoảng 1.500.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi); tỷ lệ đô thị hóa khoảng 70%; số khách du lịch dự kiến đạt 10-12 triệu lượt;
- Năm 2045: Dân số toàn đô thị khoảng 1.850.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi); chỉ tiêu đô thị hóa khoảng 75%; số khách du lịch dự kiến đạt 14-18 triệu lượt;
- Tầm nhìn đến năm 2065: Dân số toàn đô thị có thể dung nạp tối đa khoảng 2.300.000 người.

Ghi chú:

- *Trường hợp sử dụng các phương pháp thống kê khác tại thời điểm lập các đề án, dự án phải có cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý phù hợp và phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận.*
- *Phân bố dân số tại các đơn vị hành chính theo từng giai đoạn phát triển xem Đồ án quy hoạch và Quyết định phê duyệt quy hoạch.*

4. Quy mô đất đai

Chỉ tiêu sử dụng đất đô thị Thừa Thiên Huế được áp dụng các yếu tố đặc thù của đô thị di sản, văn hoá, cảnh quan, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng cho các khu vực phát triển mới của đô thị. Cụ thể:

- Đất xây dựng đến năm 2030 khoảng 41.500 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 10.500 ha, chỉ tiêu đất dân dụng bình quân đạt 97-100 m²/ người; Đất ngoài dân dụng khoảng 31.000 ha, trong đó đất điểm dân cư nông thôn khoảng 6.400 ha;
- Đất xây dựng đến năm 2045 khoảng 52.600 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 13.900 ha, chỉ tiêu đất dân dụng bình quân đạt 95-100 m²/ người; Đất ngoài dân dụng khoảng 38.700 ha, trong đó đất điểm dân cư nông thôn khoảng 5.100 ha. Phân bổ sử dụng đất theo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Ghi chú:

- *Các thành phần đất đai toàn đô thị xem căn cứ theo phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch.*
- *Chỉ tiêu quy mô dân số, đất đai nêu trên là cơ sở để tính toán quy mô dân số trong các Đồ án quy hoạch cấp dưới. Việc phân bố dân số và diện tích đất xây dựng đô thị sẽ được tính toán cụ thể theo quy định Luật Xây dựng, Luật quy hoạch đô thị và các văn bản pháp luật khác có liên quan.*

5. Quy định kiểm soát phát triển không gian toàn đô thị

5.1. Hành chính đô thị

- Từ nay đến năm 2025: Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với 09 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 02 quận (trong đó thành phố Huế hiện hữu chia thành quận phía Bắc sông Hương và quận phía Nam sông Hương), 03 thị xã (thị xã Hương Thủy hiện hữu, thị xã Hương Trà hiện hữu và thị xã Phong Điền thành lập mới) và 04 huyện (Phú Vang, Quảng Điền, A Lưới và dự kiến sáp nhập huyện Phú Lộc với huyện Nam Đông). Trong đó thị xã Phong Điền, thị xã Hương Thủy, thị xã

Hương Trà là các đô thị trực thuộc có vai trò đề bảo tồn, hỗ trợ khu vực đô thị trung tâm, phát huy giá trị đặc sắc Cố đô và di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận;

- Từ sau năm 2025 đến năm 2030: Thành phố trực thuộc Trung ương với các đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 03 quận (quận phía Bắc sông Hương, quận phía Nam sông Hương, quận Hương Thủy), 02 thị xã (Hương Trà, Phong Điền) và các huyện (Phú Vang, Quảng Điền, A Lưới, huyện Phú Lộc - Nam Đông); đầu tư xây dựng đô thị Chân Mây (gồm Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và phần mở rộng) đạt tiêu chí đô thị loại III để phát triển kinh tế, bảo tồn, hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc cố đô và di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận;

- Từ sau năm 2030 đến năm 2045: Thành phố trực thuộc Trung ương với các đơn vị hành chính cấp huyện: 04 quận (quận phía Bắc sông Hương, quận phía Nam sông Hương, quận Hương Thủy, quận Hương Trà), 01 thành phố (Chân Mây), thị xã Phong Điền và các huyện; Tập trung xây dựng thành phố Chân Mây trở thành đô thị mới, động lực phát triển kinh tế - xã hội sau năm 2030;

- Từ sau năm 2045 đến năm 2065: Ổn định và nâng cao chất lượng đô thị với mô hình khu vực đô thị trung tâm gồm 04 quận (quận phía Bắc sông Hương, quận phía Nam sông Hương, quận Hương Thủy, quận Hương Trà); 01 thành phố (Chân Mây); các thị xã và các huyện.

(Tên gọi thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị hành chính trực thuộc cấp huyện, cấp xã sẽ được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện các đề án sắp xếp, thành lập đơn vị hành chính).

Ghi chú:

- Các đơn vị hành chính đô thị theo các giai đoạn phát triển xem phụ lục 3 của quyết định phê duyệt.

- Tên gọi thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị hành chính trực thuộc sẽ được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện các đề án sắp xếp, thành lập đơn vị hành chính.

5.2. Kiểm soát không gian tổng thể:

a. Mô hình, cấu trúc không gian đô thị:

- Phát triển theo mô hình “Chuỗi đô thị theo hàng lang kinh tế, hành lang giao thông kết hợp với các trung tâm động lực”. Các đô thị được phát triển đồng bộ, có vai trò hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc Cố đô và di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận;

- Cấu trúc không gian đô thị Thừa Thiên Huế gồm “Một hệ thống di sản đồng bộ, Hai không gian sinh thái cảnh quan, Ba hành lang kinh tế, Ba trọng điểm phát triển đô thị và Bốn phân vùng quản lý phát triển”, phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó:

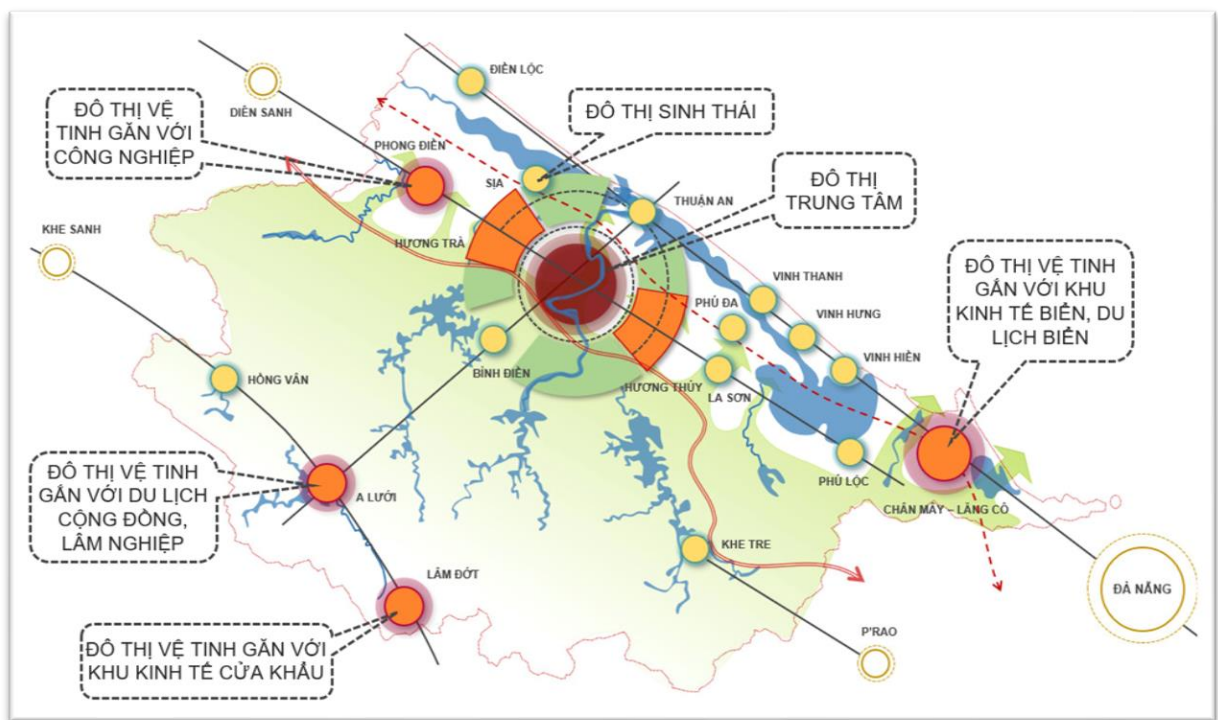
+ Một hệ thống di sản gồm: Các di sản văn hóa đã được UNESCO công nhận, các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh; các di sản khảo cổ học; các di sản chiến tranh cách mạng nổi bật là di sản gắn liền với Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Hồ Chí Minh ở

Thừa Thiên Huế; các di sản đô thị, đô thị cổ và làng cổ, nhà vườn, các không gian văn hóa lễ hội đặc trưng...;

+ Hai không gian sinh thái cảnh quan gồm: Không gian sinh thái đồi, núi phía Tây tỉnh từ Bạch Mã đến Nam Đông, A Lưới, Phong Điền và không gian đầm phá Tam Giang - Cầu Hai kết hợp với vùng ven biển. Liên kết không gian ven biển và không gian đồi núi qua các hành lang cảnh quan chính của sông Hương, sông Bồ, sông Ô Lâu, hệ thống sông địa phương;

+ Ba hành lang kinh tế gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam gắn với Quốc lộ 1, cao tốc đường bộ và đường sắt Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Đông - Tây với hệ thống cảng biển gắn với các cửa khẩu qua đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ (49, 49D, 49E, 49F); Hành lang kinh tế đô thị hướng biển và thúc đẩy các liên kết về không gian nội vùng với tỉnh Quảng Trị và thành phố Đà Nẵng qua hệ thống đường ven biển, quốc lộ 49B, đường sắt tốc độ cao;

+ Ba trọng điểm phát triển đô thị gồm: (1) Khu vực đô thị trung tâm gồm thành phố Huế hiện hữu và vùng mở rộng phía Hương Thủy, Hương Trà; (2) Đô thị cửa ngõ phía Nam tại Chân Mây; (3) Đô thị cửa ngõ phía Bắc tại Phong Điền. Các đô thị khác được gắn kết trong các vùng sinh thái với hệ thống hạ tầng đô thị hoàn chỉnh;



Hình 1: Sơ đồ khung cấu trúc không gian tổng thể toàn đô thị

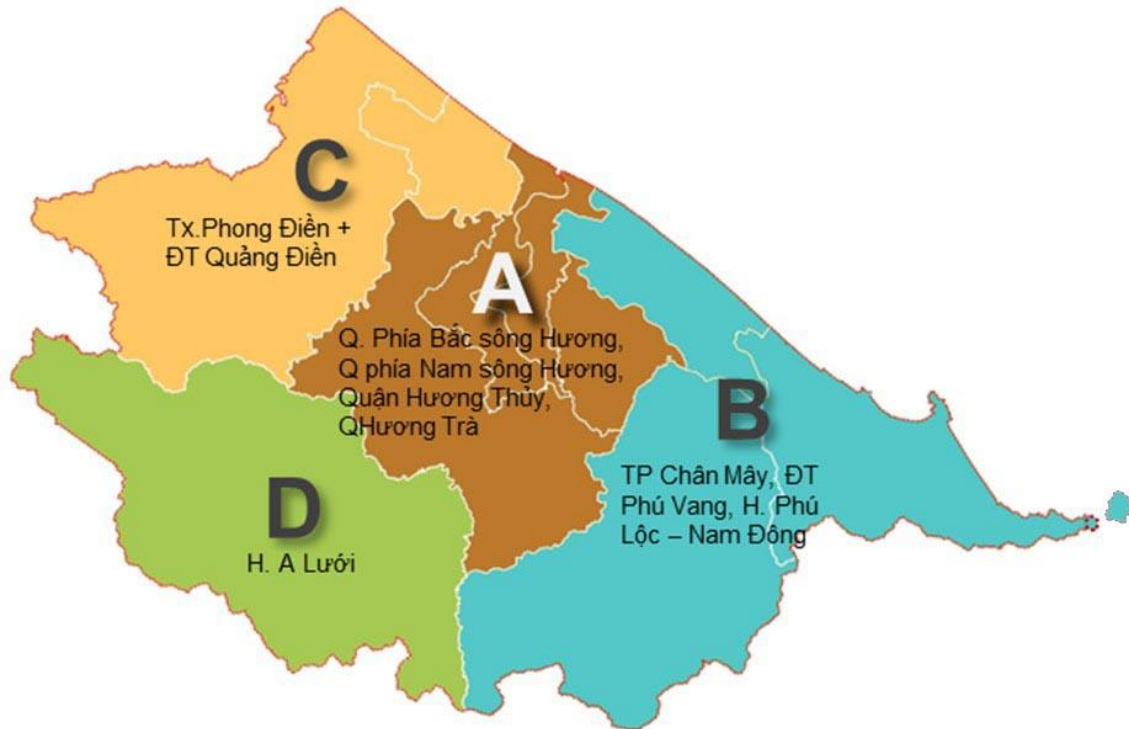
b. Phân khu vực phát triển:

Phân vùng phát triển dựa trên cấu trúc không gian tổng thể, yếu tố địa hình cảnh quan và điều kiện thực trạng kinh tế xã hội chia thành 04 vùng quản lý phát triển như sau:

- Vùng không gian đô thị trung tâm, bao gồm quận phía Bắc sông Hương, quận phía Nam sông Hương, quận Hương Thủy, quận Hương Trà (Phân vùng A);

- Vùng không gian phía Nam, bao gồm đô thị Chân Mây, huyện Phú Vang, huyện Phú Lộc - Nam Đông (Phân vùng B);

- Vùng không gian phía Bắc, bao gồm đô thị Phong Điền và huyện Quảng Điền (Phân vùng C);
- Vùng không gian phía Tây là huyện A Lưới (Phân vùng D).



Hình 2: Phân vùng quản lý phát triển toàn đô thị

c. Phân vùng quản lý đô thị - nông thôn:

***Khu vực đô thị và dự kiến phát triển đô thị**

- Khu vực đô thị trung tâm:

+ Phạm vi: Được phát triển mở rộng trên nền tảng Thành phố Huế (khớp nối đồng bộ khu đô thị mới An Vân Dương) và thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà hiện hữu.

+ Quy mô: Diện tích khoảng 108.650 ha; Dân số đến năm 2030 khoảng 850.000 người, đến năm 2045 khoảng 1.010.000 người;

- Dự kiến khu vực phát triển đô thị tại các đô thị trực thuộc:

Khu vực phát triển đô thị tập trung chủ yếu ở vùng giữa phá Tam Giang và đường bộ cao tốc Bắc - Nam, kéo dài từ Phong Điền tới Chân Mây – Lăng Cô. Dải không gian hẹp ven biển (khu vực giữa Biển Đông và phá Tam Giang) ưu tiên phát triển một số đô thị mới tại các khu đầu mối hạ tầng giao thông để tạo động lực lan tỏa (Vĩnh Tu, Phú Thuận, Vĩnh Thanh, Vĩnh Hiền, Vĩnh Hưng,...), khu vực còn lại ưu tiên phát triển các chức năng đặc thù (du lịch, làng nghề cá...) ở mật độ trung bình và thấp.

Khu vực phát triển đô thị: Chủ yếu tập trung mở rộng tại khu vực đô thị trung tâm hiện hữu của thành phố Huế, phường Tứ Hạ tại Hương Trà, phường Phú Bài tại Hương Thủy và các thị trấn trung tâm huyện. Khu vực phát triển đô thị được mở rộng theo các dải gắn với trục giao thông chính nối kết các trung tâm đô thị.

Đối với đô thị Chân Mây: Là động lực phát triển phía Đông Nam với hạt nhân là Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, hình thành khu vực phát triển đô thị gắn với thị trấn

Phú Lộc hiện hữu và các khu chức năng ven đầm Cầu Hai, thị trấn Lăng Cô và các đô thị loại V được cấp thẩm quyền chấp thuận.

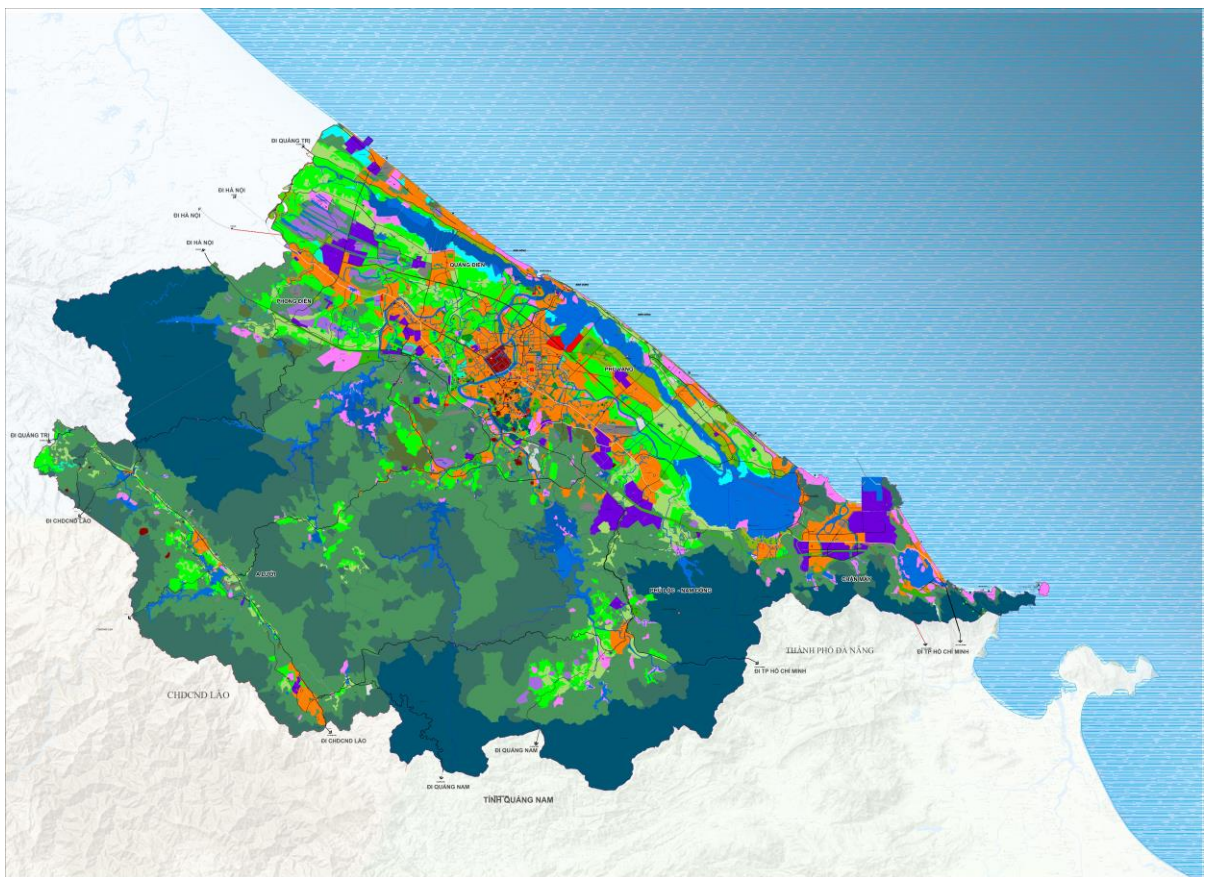
Đối với đô thị Phong Điền: Là đô thị cửa ngõ, đô thị công nghiệp, mở rộng các khu vực phát triển đô thị trên nền tảng khu vực trung tâm Phong Điền, Phong An, nối kết với khu vực ven biển tại Điền Hòa, Điền Hải...

Đối với khu vực phía Tây ven đường Hồ Chí Minh, các thị trấn A Lưới, Khe Tre cùng Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt, đô thị Hồng Vân: Tiếp tục đóng vai trò là các trung tâm, được coi là các đô thị phía Tây Nam của Khu vực đô thị trung tâm.

***Vùng nông thôn và dự kiến phát triển nông thôn**

Bao gồm khu vực nông thôn các huyện Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc – Nam Đông, A Lưới và các xã thuộc thị xã, thành phố.

Vùng nông thôn được quản lý phát triển theo quy định về nông thôn mới và các quy định khác có liên quan trên cơ sở kiểm soát không gian chung của đồ án này.



Hình 3: Sơ đồ Định hướng phát triển không gian đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065

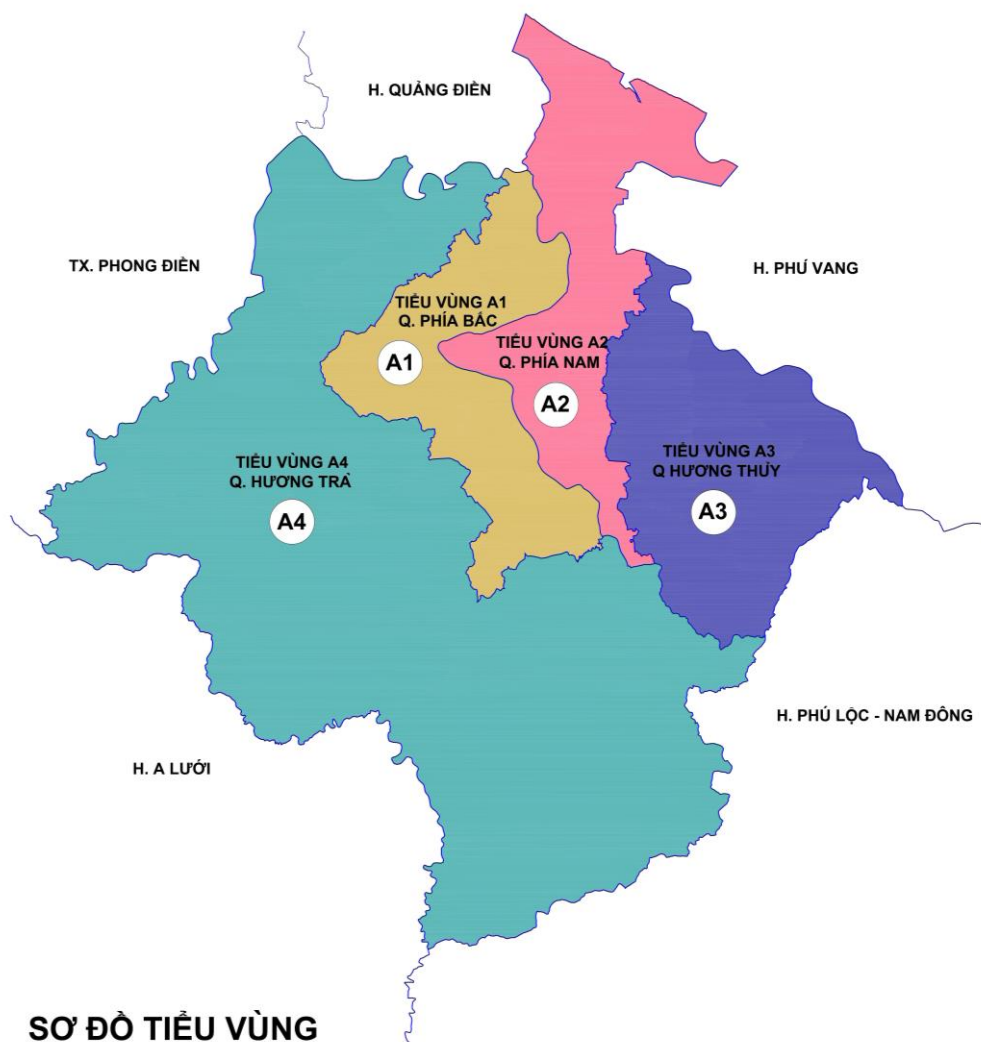
5.3. Quy định quản lý khu vực đô thị:

- a. Khu vực đô thị trung tâm:
Khu vực đô thị trung tâm bao gồm 04 phân khu để kiểm soát phát triển, gồm:

- Quận phía Bắc sông Hương
- Quận phía Nam sông Hương
- Quận Hương Thủy
- Quận Hương Trà



Hình 4: Sơ đồ phân vùng toàn đô thị



Hình 5: Sơ đồ tiểu vùng khu vực đô thị trung tâm

- Quận phía Bắc sông Hương: Là phân khu A1, gồm các tiểu khu từ A1.1 đến A1.5;

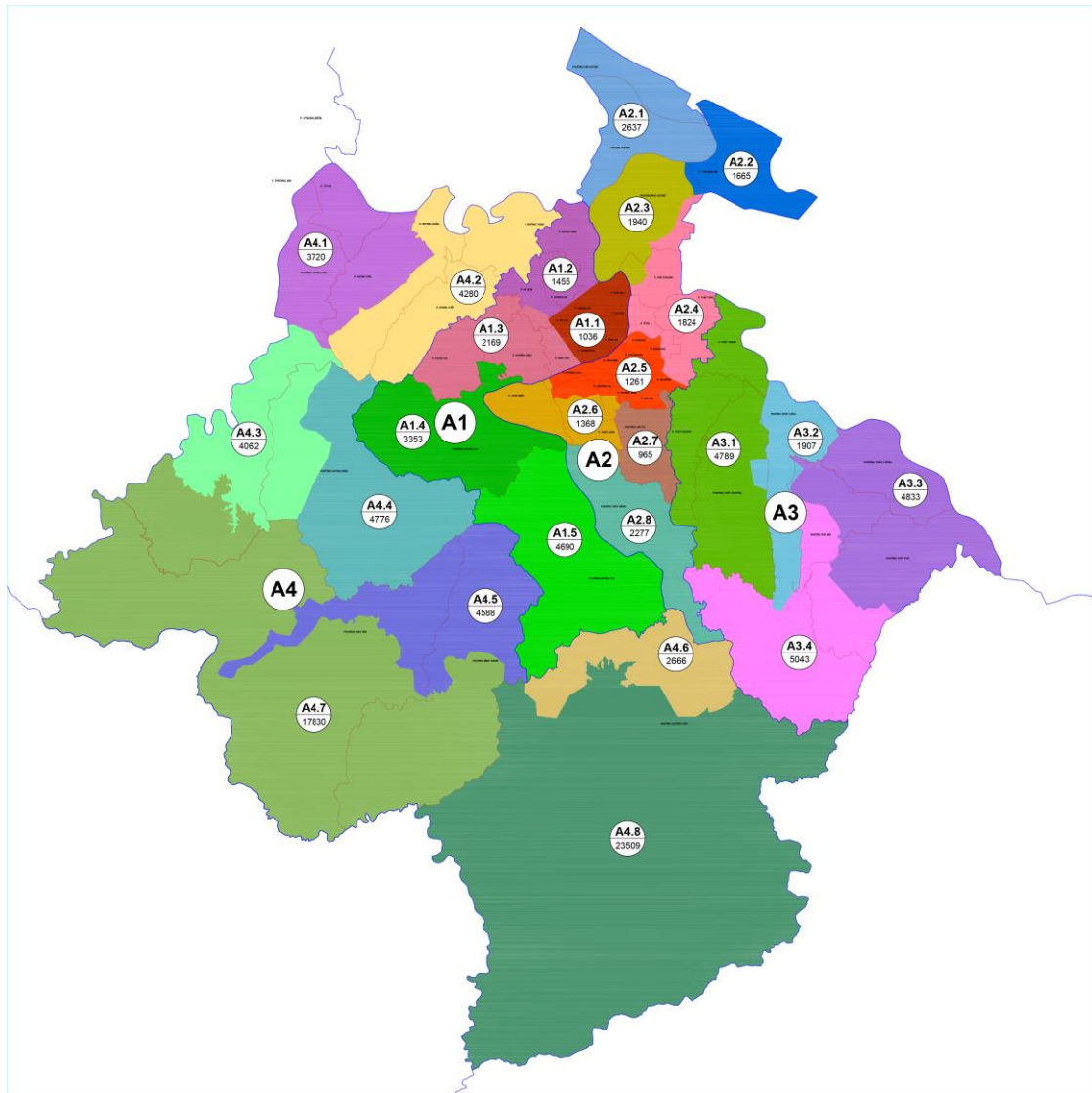
- Quận phía Nam sông Hương: Là phân khu A2, gồm các tiểu khu từ A2.1 đến A2.8;
- Quận Hương Thủy: Là phân khu A3, gồm các tiểu khu từ A3.1 đến A3.4;
- Quận Hương Trà: Là phân khu A4, gồm các tiểu khu từ A4.1 đến A4.8;

Bảng thống kê các tiểu vùng khu vực trung tâm

TT	Vùng, khu, tiểu khu	Đơn vị hành chính
1	Phân khu A1	Quận phía Bắc sông Hương
1.1	Tiểu khu A1.1	P. Thuận Lộc, P. Tây Lộc, P. Đông Ba, P. Thuận Hòa P. Gia Hội, Phú Hậu
1.2	Tiểu khu A1.2	P. Hương Vinh, P. Hương Sơ, P. An Hòa
1.3	Tiểu khu A1.3	P. Hương An, P. Hương Long, P. Kim Long
1.4	Tiểu khu A1.4	P. Hương Hồ
1.5	Tiểu khu A1.5	P. Hương Thọ
2	Phân khu A2	Quận phía Nam sông Hương
2.1	Tiểu khu A2.1	P. Hải Dương, P. Hương Phong
2.2	Tiểu vùng A2.2	P. Thuận An
2.3	Tiểu khu A2.3	P. Phú Dương
2.4	Tiểu khu A2.4	P. Phú Thượng, P. Vĩ Dạ, P. Xuân Phú, P. An Đông, P. Thủy Vân
2.5	Tiểu khu A2.5	P. Phú Hội, P. Phú Nhuận, P. Vĩnh Ninh, P. Phường Đức, P. An Cựu, một phần P. An Đông, Phước Vĩnh, một phần P. Thủy Xuân, một phần P. Trường An, một phần P. Xuân Phú.
2.6	Tiểu khu A2.6	P. Thủy Biều, một phần P. Thủy Xuân, một phần P. Trường An, một phần P. Phường Đức
2.7	Tiểu khu A2.7	P. An Tây
2.8	Tiểu khu A2.8	P. Thủy Bằng
3	Phân khu A3	Quận Hương Thủy
3.1	Tiểu khu A3.1	P. Thủy Thanh, P. Thủy Phương, P. Thủy Dương
3.2	Tiểu khu A3.2	P. Thủy Châu, một phần P. Thủy Phương, một phần P. Phú Bài
3.3	Tiểu khu A3.3	Một phần P. Phú Bài, P. Thủy Lương, một phần P. Thủy Phù, Thủy Tân
3.4	Tiểu khu A3.4	P. Phú Sơn, một phần P. Phú Bài, một phần P. Thủy Phù

TT	Vùng, khu, tiểu khu	Đơn vị hành chính
4	Phân khu A4	Quận Hương Trà
4.1	Tiểu vùng A4.1	P. Tứ Hạ, P. Hương Văn, P. Hương Vân
4.2	Tiểu vùng A4.2	P. Hương Toàn, P. Hương Xuân, P. Hương Chữ
4.3	Tiểu vùng A4.3	Một phần P. Hương Vân
4.4	Tiểu vùng A4.4	Một phần P. Hương Bình
4.5	Tiểu vùng A4.5	Một phần P. Bình Tiến, một phần Bình Thành
4.6	Tiểu vùng A4.6	Một phần P. Dương Hòa
4.7	Tiểu vùng A4.7	Một phần P. Bình Tiến, một phần Bình Thành
4.8	Tiểu vùng A4.8	Một phần phường Dương Hòa

Ghi chú: Tên các phường và phạm vi hành chính cụ thể sẽ được thực hiện trong các đề án thành lập quận, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Hình 6: Phân khu vực quản lý cho Khu vực đô thị trung tâm

b. Khu vực các đô thị khác:

- Đô thị Chân Mây:

+ Phạm vi: Gồm Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và phần mở rộng về phía Bắc thuộc huyện Phú Lộc hiện hữu.

+ Quy mô: Diện tích khoảng 44.700 ha, dân số đến năm 2030 khoảng 140.000 người, đến năm 2045 khoảng 220.000 người (được xác định cụ thể trong đề án thành lập thành phố Chân Mây);

- Đô thị Phong Điền:

+ Phạm vi: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Phong Điền hiện hữu.

+ Quy mô: Diện tích khoảng 94.600 ha; Dân số đến năm 2030 khoảng 125.000 người, đến năm 2045 khoảng 160.000 người;

- Các đô thị khác:

+ Đô thị Phú Vang: Diện tích khoảng 23.500 ha, dân số đến năm 2030 khoảng 132.000 người, đến năm 2045 khoảng 160.000 người;

+ Đô thị Quảng Điền: Diện tích khoảng 16.300 ha, dân số đến năm 2030 khoảng 91.000 người, đến năm 2045 khoảng 108.000 người;

- Các thị trấn và đô thị loại V:

+ Các Thị trấn: Khe Tre; A Lưới; Sịa, Phú Đa, Phú Lộc, Lăng Cô.

+ Các đô thị loại V khác: Đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các xã Quảng Thành (Thanh Hà), Lộc Vĩnh, Lộc Tiến, Lộc Thủy, Vinh Thanh, Vinh Hiền, Lộc Sơn (La Sơn), Vinh Hưng; Nâng cấp các xã Quảng Công, Quảng Ngạn, Quảng Phú, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Hồ, Phú An, Hồng Vân, Lâm Đốt... theo tiêu chí đô thị loại V.

Ghi chú: Diện tích, ranh giới và tên đô thị sẽ được làm rõ trong giai đoạn lập Đề án nâng cấp đô thị, được cấp thẩm quyền phê duyệt phù hợp quy định pháp luật. Quy mô đô thị trong trường hợp ranh giới khác với quy hoạch này thì phải phân bổ lại theo phạm vi ranh giới lập quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.4. Quy định quản lý vùng nông thôn:

- Hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn cấp huyện. Xây dựng nông thôn mới tiệm cận với tiêu chí của đô thị, tạo điều kiện để nông thôn tham gia vào quá trình đô thị hoá.

- Các xã thuộc huyện và khu vực nông thôn của các thị xã, thành phố: Tái cấu trúc các khu định cư nông thôn hiện hữu và hình thành một số điểm dân cư nông thôn mới, dân cư mới có hạ tầng đồng bộ tương đương đô thị; chuyển đổi từ mô hình kinh tế từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng trồng cây chuyên canh, cánh đồng mẫu lớn, vùng trồng cây dược liệu và khai thác tốt các vùng rừng sản xuất. Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, phát triển công nghiệp sạch thân thiện với môi trường; gìn giữ vùng sinh thái nông nghiệp có giá trị và bảo vệ bản sắc văn hóa nông thôn.

- Khu vực đất nông nghiệp kí hiệu trên bản đồ 1/25.000 và 1/10.000 cho phép phát triển các chức năng hỗ trợ khu vực nông thôn, có các chức năng phù hợp với khái niệm của đề án, đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan.

5.5. Quy định quản lý không gian xanh đô thị

a. Quy định về chỉ tiêu đất đai

Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị của khu vực đô thị trung tâm đạt 9 m²/người; các đô thị khác đạt 5 m²/người và phải đảm bảo theo chỉ tiêu của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.

Đất cây xanh đơn vị ở được xác định trong quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, trong đó bao gồm các chỉ tiêu cây xanh nhóm nhà ở và phải được đề xuất phù hợp với tổng chỉ tiêu cây xanh toàn đô thị, chỉ tiêu loại đô thị theo quy định pháp luật về cấp và loại đô thị.

b. Cây xanh sử dụng công cộng:

- Khu vực đô thị hiện hữu: Giữ gìn các quỹ đất cây xanh công viên, tăng cường đầu tư chỉnh trang các công viên lớn hiện hữu. Đối với khu vực Kinh thành, di tích và vùng đệm xung quanh di tích, núi Ngự Bình, đồi Vọng Cảnh, núi Kim Phụng,... có phương án sử dụng hỗn hợp vừa phát huy giá trị văn hóa, vừa hình thành các không gian xanh công cộng phục vụ đô thị; Tạo lập không gian cây xanh, vườn hoa, nơi đỗ xe ở vị trí phù hợp. Tăng cường các điểm nghỉ ngơi, vui chơi và mua sắm thích hợp với không gian truyền thống.

- Khu vực xây dựng mới: Phát triển mới các khu công viên cây xanh, thể dục thể thao tập trung trong khu đô thị, bổ sung công viên trung tâm, khu thể thao tập trung cho đô thị Hương Trà, Hương Thủy, Phong Điền, Phú Vang và các đô thị loại V khác.

c. Cây xanh chuyên đề:

Cây xanh sử dụng hạn chế, cây xanh chuyên dụng: Hoàn thiện sân gôn Thiên An, Laguna, Lăng Cô, Vinh Xuân; phát triển 11 sân gôn mới theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt, các công viên chuyên đề cho du lịch và dịch vụ;

Các khu vực công viên chuyên đề: Bố trí công viên văn hóa đa năng, công viên vườn tượng, công viên vui chơi giải trí, Công viên đầm phá quốc gia” Tam Giang – Cầu Hai ...theo quy hoạch cấp dưới;

Khuyến khích bổ sung, chuyển đổi đất các chức năng xanh khác sang cây xanh phục vụ đô thị, đảm bảo không mâu thuẫn với đồ án quy hoạch chung về hoạt động xây dựng.

d. Cây xanh chuyên dùng (cây xanh sinh thái và cây xanh cách ly)

Hành lang cây xanh cách ly bố trí trên vành đai công nghiệp và các tuyến giao thông đối ngoại, xung quanh các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, được kết nối với hệ thống không gian chung toàn thành phố.

Mặt nước: Giữ gìn, khôi phục và bổ sung thêm hệ thống sông, hồ, đầm nước để cân bằng môi trường sinh thái, tăng cường khả năng tiêu thoát nước đô thị, phát huy giao thông thủy và phục vụ các hoạt động du lịch và vui chơi giải trí.

e. Quản lý không gian xanh đô thị:

- Các khu vực không gian xanh kí hiệu trên bản đồ 1/25.000 và 1/10.000 sẽ được cụ thể hoá trong QHC đô thị trực thuộc, QHC khu chức năng, QHPK (1/2000, 1/5000) và QHCT (1/500) các nội dung: ranh giới, diện tích, phân loại đất theo nhu cầu đầu tư xây dựng.v.v...

- Lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng hệ thống công viên cấp đô thị bao gồm các công viên xây dựng mới, cải tạo chỉnh trang, công viên kết hợp với hoạt động đô thị

khác; được khoanh vùng cắm mốc xác định ranh giới trên cơ sở quy hoạch phân khu quy hoạch chung thị trấn. Đối với công viên hiện hữu, như: Công viên 3/2, công viên Cồn Dã Viên, công viên Vĩ Dạ, công viên Lý Tự Trọng, ... quản lý sử dụng chặt chẽ theo quy hoạch, không chuyển đổi chức năng sử dụng đất công viên công cộng thành các chức năng ở, thương mại dịch vụ cấp đô thị. Đối với khu vực quy hoạch đất công viên, cây xanh đã có nhà ở hoặc chức năng khác hiện hữu, xây dựng lộ trình triển khai công viên, cây xanh phù hợp kế hoạch, quy hoạch cấp dưới và nguồn lực trên cơ sở hài hòa với hiện trạng dân cư và các chức năng hiện hữu.

- Đối với cây xanh: Ban hành các cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, đầu tư và phát triển hệ thống cây xanh. Trong khu vực đô thị hiện hữu lập danh mục và đánh giá hệ thống cây xanh hiện có; lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, thay thế hàng năm. Nghiêm cấm việc chuyển đổi chức năng đất trồng cây xanh sử dụng công cộng sang chức năng ở và chức năng dịch vụ cấp đô thị. Các hoạt động xây dựng phải tuân thủ chỉ tiêu về mật độ xây dựng, tầng cao, chức năng sử dụng theo quy chuẩn xây dựng về quy hoạch.

- Các công trình trong phạm vi các khu cây xanh: Được phép xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ, hạ tầng phục vụ khu vực cây xanh,....Không được phép bố trí chức năng ở, không được phép xây dựng, lấn chiếm, san lấp các đầm, hồ, ao, kênh mương, lạch thuộc hệ thống thoát nước, cảnh quan môi trường hiện có.

- Đối với hệ thống sông, hồ:

- + Sông cảnh quan: Hệ thống sông hiện hữu phải đảm bảo các tiêu chí về cảnh quan và tiêu thoát lũ, trong đó quản lý chặt chẽ không gian hai bên các sông chính như: Sông Hương, sông Ô Lâu, sông Truồi, sông An Cựu, sông Lợi Nông...

- + Nguồn nước mặt cho đô thị được phép khai thác từ các sông Hương, sông Bồ, sông Tả Trạch, sông Ô Lâu, hồ Truồi, suối Tà Rê và từ nước đập khe Mệ và đập Bo Ghe và các suối khác trong khu vực; trong hành lang bảo vệ nguồn nước chỉ được xây dựng hệ thống cây xanh cảnh quan và các công trình theo quy định pháp luật về tài nguyên nước; tuyên truyền, khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ nguồn nước;

- + Sông, hồ khác: Đảm bảo hành lang bảo vệ đê; nghiêm cấm các hành vi lấp hồ, lấn chiếm lòng hồ, chuyển đổi chức năng không gian mặt nước, khai thác mặt nước làm ảnh hưởng chất lượng nước cũng như cảnh quan chung; xung quanh hồ phải được xây dựng đường bao quanh để bảo vệ và tăng cường không gian tiếp cận mặt nước.

5.6. Quy định về thiết kế đô thị và kiến trúc các khu vực trong đô thị

Quy định thiết kế đô thị tổng thể

- Xây dựng đô thị Huế hài hòa giữa công tác bảo tồn không gian kiến trúc cảnh quan, giữ gìn cấu trúc vùng lõi đô thị hiện hữu, tôn vinh các giá trị của quần thể di tích Cố đô Huế và các di sản kiến trúc đặc trưng, bổ sung những giá trị mới mang tính thời đại để xây dựng hình ảnh thành phố trực thuộc Trung ương năng động, giàu bản sắc, hội nhập, nâng cao vị thế trong nước và quốc tế;

- Định hướng thiết kế đô thị trên nền tảng khung cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng, trong đó: Sông Hương là trục cảnh quan chính của đô thị lịch sử; khu vực đồi núi và vùng sinh thái phía Tây Nam là không gian nền của đô thị; hệ thống đầm phá Tam Giang và biển Đông là cửa ngõ của hướng biển.

- Tổ chức trung tâm di sản văn hóa, trung tâm hành chính, các trung tâm kinh tế rõ nét; Xác lập các cửa ngõ đô thị, trục không gian, không gian mở, quảng trường, điểm nhân đô thị, có tương quan về chiều cao, khối tích công trình khu vực đô thị hiện hữu; Kết nối mật thiết đô thị và nông thôn để gìn giữ những tập quán quần cư, không gian các làng cổ, làng nghề truyền thống, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa nổi bật của Huế.

- Khai thác các không gian đồi núi, rừng thông, lâm viên trong đô thị phải đảm bảo không làm ảnh hưởng thay đổi địa hình tự nhiên, lớp phủ thực vật (được phép san nền và cải tạo không gian cục bộ); Các khu vực đồi thấp có điểm nhìn xuống sông, hồ lớn, có điểm nhìn đẹp ... được nghiên cứu bố trí không gian dân dụng (ở, công cộng dịch vụ, giải trí) trong các quy hoạch cấp dưới, đảm bảo chiều cao công trình, mật độ xây dựng phù hợp với không gian tự nhiên và đáp ứng QCVN về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tuân thủ luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan.

Quản lý: Đối với các khu vực đã có quy hoạch và thiết kế đô thị riêng triển khai quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan theo quy hoạch và thiết kế đô thị đã được phê duyệt. Đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị riêng thì việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan theo hướng dẫn thiết kế đô thị tổng thể của đồ án quy hoạch chung được duyệt.

Các công trình, dự án phát triển đô thị phải bảo đảm sự đồng bộ giữa phân bố quy mô dân số với phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, cấp đô thị; phải được quản lý đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan, bảo đảm hiệu quả, an toàn, bảo vệ môi trường thành phố.

Ưu tiên quỹ đất phát triển công trình đầu mối hạ tầng cấp đô thị. Khuyến khích xây dựng khu dân cư cao tầng dành mặt đất bố trí cây xanh và bãi đỗ xe, phát triển kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng. Phát triển cây xanh đường phố và cây xanh trong khuôn viên công trình nhằm tăng mật độ không gian cây xanh. Khuyến khích phát triển không gian ngầm và hạ tầng ngầm, nghiên cứu khoanh 1 số khu vực hạn chế và cấm xe ô tô cá nhân.

Các vùng cảnh quan đặc trưng,

- Vùng cảnh quan khu vực đô thị trung tâm: Khu vực nội đô lịch sử được kiểm soát thông qua mật độ dân cư và đánh giá tác động của dự án tái thiết lên các điểm di tích, các không gian lịch sử bị tác động. Các khu phát triển mới, xem xét phát triển dạng mật độ thấp để hài hòa với cảnh quan chung. Khu vực Kinh thành, phân tiếp giáp với di tích, hai bên sông Hương được kiểm soát tầng cao. Khu vực nội đô mở rộng về phía biển, phía Hương Thủy, Hương Trà chỉ kiểm soát tại các điểm nhân và điểm nhìn đô thị. Khu vực dự trữ phát triển sẽ được sử dụng, chuyển đổi khi có nhu cầu đầu tư phát triển đô thị và an sinh xã hội, trước mắt sử dụng như tính chất hiện trạng;

- Vùng cảnh quan đô thị khác: Hình thành các trung tâm rõ nét theo hướng hiện đại, gắn với các chức năng chính của mỗi đô thị, làm nổi bật đặc trưng riêng từng đô thị. Tổ chức các điểm cửa ngõ nhận diện cho mỗi đô thị. Chi tiết sẽ thực hiện ở quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung từng đô thị và quy hoạch phân khu hoặc thiết kế đô thị riêng;

- Vùng cảnh quan nông thôn: Gìn giữ cảnh quan làng xóm, không gian văn hóa truyền thống. Kiểm soát ranh giới làng, xóm không phát triển tự phát đến vùng nông nghiệp;

- Vùng cảnh quan tự nhiên: Thiết lập các phân vùng cảnh quan tự nhiên theo tính chất biển đảo kết nối với hệ đầm phá từ Lăng Cô tới Phong Điền phục vụ du lịch và kinh tế biển; theo tính chất sinh thái núi từ Bạch Mã tới Phong Điền, ưu tiên giữ độ phủ xanh và hệ sinh thái.

Các trục và không gian cảnh quan

- Xây dựng các trục hướng tâm như QL1A kết nối các chuỗi đô thị, QL49 từ A Lưới tới Thuận An, trục đường Tổ Hữu kéo dài đi sân bay, đường Thủy Dương – Thuận An hướng biển, đường QL1A – Sịa nối khu vực đô thị trung tâm với Quảng Điền, đường Thủy Vân – Phú Đa và 03 đường vành đai mới thành trục không gian kiến trúc cảnh quan đô thị có không gian mở, cây xanh và các điểm nhấn, tạo lập hình ảnh cho khu vực đô thị trung tâm;

- Các trục không gian cảnh quan tự nhiên bao gồm trục cảnh quan sông Hương, không gian đầm phá tự nhiên Tam Giang - Cầu Hai, không gian ven biển từ Phong Điền đến Phú Lộc.

- Quảng trường đô thị: Cải tạo nâng cấp các quảng trường văn hóa, thương mại có giá trị về lịch sử, kiến trúc như quảng trường Ngọ Môn, Nam Giao, Ngự Bình, quảng trường Ngã sáu Hùng Vương, quảng trường văn hóa thể thao Bà Triệu... Phát triển mới quảng trường biển Thuận An, Chân Mây - Lăng Cô; quảng trường văn hoá, giải trí gắn với sông Hương, sông Như Ý. Hình thành các quảng trường hành chính chính trị, văn hoá, thương mại, giải trí khu vực gắn với trung tâm hành chính chính trị quận phía Nam tại khu đô thị mới An Vân Dương (Khu hành chính tập trung), quận phía Bắc sông Hương tại Hương Long, khu vực Chân Mây, Hương Trà, Hương Thủy, Phong Điền, các huyện và trung tâm chuyên ngành;

- Các cửa ngõ đô thị: Nút cửa ngõ phía Bắc tại đô thị Phong Điền; Nút cửa ngõ phía Nam tại đô thị Chân Mây; 02 nút cửa ngõ phía Tây: đô thị Lâm Đốt và Hồng Vân. Cửa ngõ phía biển là cảng Thuận An, Chân Mây; cửa ngõ hàng không là sân bay Phú Bài. Kiến trúc cảnh quan các công trình cửa ngõ được thiết kế hiện đại, tạo yếu tố nhận biết về không gian, công trình, khai thác các giá trị văn hóa của đô thị Huế để tạo lập ngôn ngữ kiến trúc riêng. Đối với các đô thị khác, xác định khu vực cửa ngõ phù hợp với kết nối giao thông đối ngoại, giá trị văn hóa, kiến trúc cảnh quan của từng đô thị;

- Các khu vực điểm nhấn:

+ Gắn với đô thị lõi: khu vực ngã sáu Hùng Vương;

+ Gắn với tuyến đường vành đai 2: Khu vực TOD Huế; Khu trung tâm hành chính mới tại An Vân Dương; Khu vực giao cắt giữa đường vành đai 2 và tuyến đường nối trung tâm với sân bay;

+ Gắn với trung tâm của chuỗi các đô thị dọc tuyến đường quốc lộ 1A như: đô thị Phong Điền, đô thị Tứ Hạ, đô thị Bắc Sông Hương, đô thị Nam Sông Hương, đô thị La Sơn, đô thị Chân Mây;

+ Một số điểm nhấn cấp khu vực gắn với khu vực trung tâm lõi được xác định trong giai đoạn ngắn hạn như sau: Các điểm nhấn ưu tiên thực hiện: 22-24 và 26-28 Lê Lợi, khu đất Khách sạn Century – Hương Giang, khu đất Sở Giao thông vận tải, khu đất Ga Huế hiện hữu, khu đất 05-07-09 Lý Thường Kiệt, khu đất 27 Trần Cao Vân, khu vực Ngã 6 Hùng Vương,... Các điểm nhấn này sẽ xác định trong quy hoạch phân khu hoặc các đồ án cụ thể.

Quy định về chiều cao công trình

- Quy định về chiều cao công trình và điểm nhấn cao tầng, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng xác định trong quy chế quản lý kiến trúc, các quy hoạch cấp dưới và thiết kế đô thị riêng;

- Chiều cao xây dựng: Được xác định cụ thể trong Quy chế quản lý kiến trúc và các quy hoạch cấp dưới, trong đó khống chế chiều cao (ngoại trừ vị trí các điểm nhấn đô thị): Khu vực trong đường vành đai 1 không quá 25 tầng, khu vực trong đường vành đai 2 không quá 45 tầng; các khu vực còn lại không khống chế tầng cao.

Quy định về mật độ xây dựng

Mật độ xây dựng: Khu đô thị nội đô hiện hữu, các khu vực đô thị mở rộng, các dự án đô thị mới, các khu du lịch nghỉ dưỡng ưu tiên mật độ thấp và được xác định trong quy hoạch cấp dưới, đảm bảo phù hợp và tuân thủ theo quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Quy định về hệ số sử dụng đất

Hệ số sử dụng đất: Trung bình từ 3,5-4,0 lần, khu trung tâm đô thị từ 8-10 lần và không vượt quá 13 lần; các lô đất xây dựng các công trình có yêu cầu đặc biệt về kiến trúc cảnh quan, điểm nhấn đô thị được quy định riêng phù hợp quy chuẩn xây dựng.

Đối với khu vực các cửa ngõ

- Cửa ngõ khu vực ranh giới thành phố: Cải tạo cảnh quan tuyến đường giao thông phù hợp với khu vực lân cận, xây dựng các công trình tạo hình mang đậm nét đặc trưng của thành phố Huế, bảng hiệu hướng dẫn tại các điểm trung tâm dễ nhận biết nhất điểm bắt đầu của thành phố

- Cửa ngõ khu vực dẫn vào trung tâm các đô thị: Xây dựng quảng trường công cộng để liên kết cảnh quan các không gian trong đô thị, tại các khu vực công trình điểm nhấn và cảnh quan xung quanh.

- Cửa ngõ về công trình giao thông chính: Tạo cảnh quan như kiến trúc phù hợp với đặc trưng của Huế và từng đô thị, trồng cây xanh đường phố từ các công trình giao thông đầu mối từ Cảng Thuận An, ga Huế, sân bay Phú Bài và các trục chính, trục cảnh quan đô thị (được xác định cụ thể tại các quy hoạch cấp dưới cho từng khu vực).

Đối với khu vực đặc trưng, khu vực có công trình biểu tượng, công trình điểm nhấn

- Quy hoạch, quản lý khu trung tâm, điểm di tích lịch sử, khu du lịch, tòa nhà kiến trúc nổi tiếng nơi tập trung đông người và có lưu lượng giao thông lớn theo dự án landmark là dự án bố trí công trình tiêu biểu cho hình ảnh của đô thị trung tâm, qua đó đảm bảo phát triển cảm nhận về hình ảnh đô thị đặc trưng của khu vực cho người dân.

- Biểu trưng có thể được hình thành với hình dạng phong phú như công trình kiến trúc trọng điểm, công trình tạo hình, không gian mở,....

- Tại khu vực mới phát triển lấp đặt công trình biểu trưng mới tại trung tâm của từng khu vực.

- Xem xét mở rộng không gian công cộng đáp ứng nhu cầu tập trung đông đúc của người dân cùng với bố trí công trình biểu trưng.

Một số điểm nhấn chính được thể hiện thông qua hệ thống bản vẽ đính kèm theo hồ sơ đồ án Quy hoạch chung. Điểm nhấn ở các vị trí khác được cụ thể bằng việc đề xuất xây dựng công trình hoặc cụm công trình kiến trúc, hoặc không gian kiến trúc cảnh quan tại các quy hoạch cấp dưới.

6. Quy định quản lý, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hoá

Thắng cảnh tự nhiên: Duy trì và phục hồi đa dạng sinh học, không gian sinh thái đồi, núi phía Tây tỉnh từ Bạch Mã đến Nam Đông, A Lưới, Phong Điền và không gian đầm phá Tam Giang - Cầu Hai kết hợp với vùng ven biển. Liên kết không gian ven biển và không gian đồi núi qua các hành lang cảnh quan chính của sông Hương, sông Bồ, sông Ô Lâu, hệ thống sông địa phương;

Đối với khu vực các đồi núi: Được quản lý, khai thác theo các quy định pháp luật hiện hành, bảo vệ cảnh quan, tránh san gạt phá vỡ địa hình tự nhiên; có các quy định quản lý cụ thể hoặc kết hợp với quy hoạch chuyên ngành như quy hoạch bảo tồn, quy hoạch môi trường.

Bảo tồn phát huy giá trị không gian văn hoá: Các di sản văn hóa đã được UNESCO công nhận, các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh; các di sản khảo cổ học; các di sản chiến tranh cách mạng nổi bật là di sản gắn liền với Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế; các di sản đô thị, đô thị cổ và làng cổ, nhà vườn, các không gian văn hóa lễ hội đặc trưng...;

Khu vực bảo tồn gồm Quần thể di tích cố đô Huế - di sản văn hóa thế giới; di tích lịch sử, làng nghề truyền thống,... được quy định cụ thể việc bảo tồn, phục hồi tài nguyên văn hóa, lịch sử. Cải tạo hệ thống giao thông, mở rộng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch như công trình thương mại, công trình chỉ dẫn. Bảo tồn các yếu tố chính về cảnh quan thiên nhiên toàn đô thị theo quy hoạch. Cải tạo các công trình đã xây dựng, ưu tiên định hướng về chiều cao xây dựng và mật độ xây dựng thấp (trừ các trung tâm đô thị, khu thương mại dịch vụ tập trung). Cải tạo và thiết kế các công trình xây dựng kiến trúc nhà truyền thống tại các khu phố cổ.

Lập danh mục và xác định phạm vi bảo vệ cụ thể các công trình bảo tồn; xây dựng kế hoạch cải tạo, trùng tu.

7. Quy định chung về phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế

7.1. Khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp

Quy mô, phân bố không gian:

Tổng diện tích đất phát triển công nghiệp, kho tàng: năm 2030 khoảng 7.761 đến năm 2045 khoảng 9.647 ha.

Danh mục các khu, cụm công nghiệp căn cứ Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung và quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với phân bổ đất đai theo từng giai đoạn phát triển.

Phân bố trên không gian, quy mô sơ bộ xem Phụ lục 1.

Quy định quản lý phát triển

- Hoàn thiện, lấp đầy các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã được quy hoạch (06 khu công nghiệp nằm ngoài Khu kinh tế và các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt) với tổng quy mô khoảng 5.600 ha; tiếp tục bổ sung, mở rộng không gian khu công nghiệp tại La Sơn, huyện Phú Lộc, Khu công nghiệp Phong Điền, Quảng Điền (thuộc huyện Phong Điền và huyện Quảng Điền) và các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô khi được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đảm bảo các điều kiện theo quy định, các khu công nghiệp quy hoạch mới có quy mô diện tích khoảng 2.640 ha;

- Hoàn thiện 09 cụm công nghiệp hiện có và dự kiến mở rộng tại chỗ với quy mô khoảng 470 ha; bổ sung mới khoảng 19 cụm công nghiệp với tổng quy mô khoảng 930 ha.

- Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, khu chức năng phát triển khoa học công nghệ:

+ Đẩy mạnh đầu tư phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt theo quy hoạch chung xây dựng các khu kinh tế được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu là động lực phát triển đột phá về kinh tế - xã hội vùng;

+ Hình thành Khu công nghệ cao Thừa Thiên Huế tại xã Lộc Bồn và xã Xuân Lộc, huyện Phú Lộc với quy mô khoảng 1.100 ha; Phát triển khu công nghệ thông tin tập trung khoảng 90ha tại khu vực đô thị trung tâm; Khu công viên khoa học khoảng 240 ha tại Hương Trà; khu Y tế công nghệ cao khoảng 100 ha tại Phong Điền.

Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô:

- Vị trí địa lý: Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô gồm thị trấn Lăng Cô và các xã Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Vĩnh thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Phía Bắc và Đông Bắc giáp biển Đông, phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng, phía Tây giáp xã Lộc Bình, xã Lộc Trì (huyện Phú Lộc), được xác định theo Quyết định số 04/2006/QĐ-TTg ngày 05/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quy mô diện tích: Diện tích khoảng 27.108 ha.

- Chức năng chính: Khu kinh tế, động lực phát triển phía Nam đô thị Thừa Thiên Huế với lợi thế cảng biển, trở thành đầu mối giao thông đường biển quan trọng, cung cấp các dịch vụ cảng nước sâu và điều phối hàng hoá trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; một trong những trung tâm giao thương quốc tế lớn và hiện đại; đô thị du lịch, nghỉ dưỡng và thương mại mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế của vùng động lực miền Trung; đô thị công nghiệp với trọng tâm phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo có năng suất và giá trị gia tăng cao.

- Yêu cầu quản lý: Trong thời gian lập Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đến năm 2045, việc triển khai lập, chuyển tiếp các đề án, dự án, các quy hoạch phải tuân thủ các định hướng, tính chất, đồ án quy hoạch chung Khu kinh tế và các quy chuẩn quy phạm hiện hành.

Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt

- Vị trí địa lý thuộc: xã Lâm Đốt của huyện A Lưới, tỉnh Thừa thiên Huế. Phía Bắc giáp xã Hương Phong, huyện A Lưới; phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với đường biên giới dài 32km; phía Đông giáp xã Hương Nguyên, huyện A Lưới; phía Tây giáp xã Đông Sơn, huyện A Lưới được xác định theo Quyết định số 64/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy mô diện tích khoảng 10.184 ha.

- Chức năng chính: Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm thương mại – dịch vụ – công nghiệp – đô thị và nông lâm nghiệp.

- Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt vai trò là cửa ngõ giao thương quốc tế, đầu mối giao thông và giao lưu văn hóa với nước bạn Lào; là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ, du lịch của vùng phía Tây tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Yêu cầu quản lý: việc triển khai lập, chuyển tiếp các đề án, dự án, các quy hoạch phải tuân thủ các định hướng, tính chất, đồ án quy hoạch chung Khu kinh tế và các quy chuẩn quy phạm hiện hành.

Ghi chú: Phạm vi, ranh giới các khu chức năng của Khu kinh tế được xác định cụ thể trong Đồ án quy hoạch chung Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7.2. Khu vực khai thác khoáng sản

- Vị trí địa lý: Các khu vực khai thác khoáng sản được xác định theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- Về vị trí và ranh giới :

+ Đối với các khu vực khai thác khoáng sản quy mô lớn được xác định theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Đối với các khu vực khai thác khoáng sản quy mô nhỏ thuộc các quy hoạch trên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ được cập nhật về ranh giới, ký hiệu, các nội dung cụ thể sẽ được làm rõ trong các quy hoạch cấp dưới;

+ Đối với các khoáng sản thông thường, khoáng sản nhỏ lẻ nằm ngoài các quy hoạch trên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chưa được thể hiện trong đồ án quy hoạch chung, việc xác định vị trí, ranh giới, bổ sung mới cần phù hợp với quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến định hướng các khu chức năng được xác định trong đồ án quy hoạch chung.

- Về định hướng phát triển:

+ Đối với các khu vực quy hoạch khai thác khoáng sản mà chưa đến thời kỳ khai thác (hoặc khu vực dự trữ khoáng sản theo Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ), cho phép khai thác các quỹ đất để phát triển nông nghiệp, dịch vụ, xây dựng công trình tạm..., tuân thủ theo định hướng của quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

+ Đối với khu vực đang khai thác (hoặc đang tiến hành các thủ tục để tiến hành khai thác) trước thời điểm Quy hoạch chung được phê duyệt, cho phép tiếp tục triển khai theo quy định pháp luật. Các khu vực chưa phù hợp với định hướng quy hoạch chung đẩy nhanh tiến độ khai thác để thực hiện theo kỳ quy hoạch chung (trước năm 2045).

+ Đối với khu vực khai thác xong và hoàn nguyên mỏ trước khi kỳ quy hoạch đô thị kết thúc (trước năm 2045), cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng sau khi đóng cửa

mỏ. Ưu tiên phát triển các chức năng công viên cây xanh, trồng rừng cải tạo, phục hồi môi trường.

7.3. Mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch

Quy mô, phân bố không gian:

- Quy mô đất thương mại, dịch vụ, du lịch toàn đô thị khoảng 7.000-7.100 ha. Quy mô buồng phòng quy hoạch đến năm 2030 khoảng 24.000 - 30.000 phòng, đến năm 2045: khoảng 60.000 - 70.000 phòng; Số khách du lịch năm 2030 dự kiến đạt 10-12 triệu lượt; năm 2045 dự kiến đạt 14-18 triệu lượt.

- Phân bố không gian:

+ Trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm tài chính, ngân hàng, trung tâm thương mại quốc tế, khu hội chợ triển lãm tại khu đô thị mới An Vân Dương, Chân Mây, khu vực trung tâm đô thị phía Nam sông Hương. Các khu vực dịch vụ hỗn hợp đa chức năng đồng bộ, hiện đại bố trí trong khu vực đô thị trung tâm và tại khu vực mở rộng đô thị về hướng biển.

+ Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương, Khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Tân - Phong Điền là không gian du lịch cấp quốc gia và cấp vùng; Phân bố các không gian du lịch sinh thái tại vùng ven biển và ven đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tại vùng sinh thái núi phía Tây như Bạch Mã, Phong Điền, Nam Đông, A Lưới; Không gian du lịch văn hóa gắn với các di tích, làng cổ, làng nghề ...; không gian du lịch đô thị gắn với các Quận trong khu vực đô thị trung tâm; Du lịch cộng đồng gắn với khu vực nông thôn.

+ Du lịch gắn với các hoạt động thể thao, phát triển sân golf cao cấp tại các khu vực có địa hình đặc trưng như Phong Điền, Phú Vang, Nam Đông, Hương Trà, Hương Thủy... Trong đó khu vực Thủy Dương ưu tiên khai thác các quỹ đất du lịch để phát triển chuỗi sân golf cao cấp, phục vụ cho khu vực trung tâm đô thị hiện hữu.

+ Các khu vực thương mại, dịch vụ khác được phân bố trên toàn đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ thích hợp với cấp loại đô thị và mật độ dân cư.

+ Phát triển du lịch phải đảm bảo cân bằng sinh kế cho người dân, đảm bảo điều kiện sống cho các đối tượng khác nhau trong xã hội (bao gồm cả khách du lịch, lao động phục vụ, các thành phần dân số không chính thức...);

+ Phát triển du lịch phải gắn liền với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, gìn giữ các không gian xanh ven sông, rừng phòng hộ, đảm bảo phát triển bền vững;

+ Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu vực dự kiến phát triển du lịch: Phạm vi và quy mô được cụ thể hóa ở các bước quy hoạch tiếp theo.

- Quy định quản lý:

+ Phát triển dịch vụ hiện đại: Phát triển kinh doanh cảng hàng không và vận tải hàng không gắn với nâng cấp sân bay Phú Bài; Đầu tư, hình thành các trung tâm logistics tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô với tổng diện tích khoảng 170 - 180 ha; hình thành các cảng cạn, trung tâm phân phối hàng hóa tại Cảng hàng không quốc tế Phú Bài, khu kinh tế A Đốt, cửa khẩu Hồng Vân, Hồng Thái, cảng cạn Chân Mây, cảng cạn Phú Lộc bố trí các điểm dịch vụ tại khu vực đầu mối giao thông để trở thành các trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ đô thị.

+ Hoàn thiện các trung tâm thương mại cấp đô thị như trung tâm thương mại AEON Mall Huế, trung tâm thương mại quận Bắc sông Hương, Nam sông Hương, Chân Mây - Lăng Cô,...; bổ sung, bố trí mới các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ gắn với các trung tâm đô thị có mật độ cao tại các quận, các thị xã, thị trấn với diện tích tương ứng với quy mô phục vụ.

+ Khai thác hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên, nhân văn và di sản văn hoá của Thành phố, nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch hiện có và phát triển các điểm đến du lịch mới. Yêu cầu phát triển hệ thống các điểm, cụm, khu du lịch, khách sạn cùng với các điểm tham quan, mua sắm, vui chơi giải trí, ẩm thực đa dạng trên khắp địa bàn.

+ Bố trí công trình, chức năng và hình thành các tuyến du lịch theo các loại hình như: Du lịch ven biển, ven sông; Du lịch sinh thái, cộng đồng; Du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh; Du lịch hội thảo và sự kiện (MICE); Du lịch thể thao; Du lịch chữa bệnh, làm đẹp; Du lịch đô thị; Du lịch ẩm thực...

+ Phát triển du lịch văn hóa, di sản, tâm linh, du lịch hội thảo, chăm sóc sức khỏe, ẩm thực và lễ hội, thể thao gắn với quần thể di tích cố đô Huế và các khu vực trung tâm đô thị; Xây dựng các không gian du lịch ảo tại các bảo tàng số, Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế; Phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe tại khu vực biển, đầm phá; Tiếp tục phát triển các loại hình du lịch tham quan, khám phá, trải nghiệm tại khu vực phía Tây gắn với các thị trấn, đô thị sinh thái, các khu vực bảo tồn thiên nhiên, hồ thủy điện và thủy lợi, các khu vực trồng và khai thác dược liệu; Du lịch cộng đồng gắn với các thôn, bản thuộc A Lưới, Nam Đông và vùng làng xóm nông thôn, khu vực ven đầm phá Tam Giang – Cầu Hai...

7.4. *Nông, lâm, ngư nghiệp:*

Quy mô, phân bố không gian

- Khu vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong đồ án quy hoạch bao gồm các chức năng nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, các khu dân cư nông thôn hiện hữu và các khu vực chức năng khác phục vụ phát triển nông thôn. Diện tích đất nông nghiệp trong quy hoạch có tổng quy mô khoảng 51.200 ha, chủ yếu là đất trồng lúa, đất trồng cây nông nghiệp khác. Vị trí các chức năng nông nghiệp được xác định trong quy hoạch cấp dưới, quy hoạch chuyên ngành.

- Phân bố không gian nông nghiệp chủ yếu tại vùng đồng bằng ven biển, các khu vực địa hình tương đối bằng phẳng của vùng phía Tây đô thị Thừa Thiên Huế; Các khu vực nông nghiệp xen kẽ trong phạm vi ranh giới các phường, quận chưa có nhu cầu sử dụng đất cho phát triển khu chức năng đô thị.

Quy định quản lý

Hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp vùng, cấp khu vực tại Phong Điền, Hương Trà, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc – Nam Đông và A Lưới; phát triển điểm dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với quy hoạch nông thôn mới các xã;

Xây dựng hệ thống chợ đầu mối nông sản, thủy sản ở Huế, Hương Trà, Phong Điền, Phú Lộc, Hương Thủy. Xây dựng trung tâm dịch vụ nghề cá, các điểm công nghiệp và làng nghề chế biến thủy hải sản tại Phong Điền, Chân Mây, Phú Vang và Quảng Điền; bố trí khu neo đậu tàu tránh bão vùng giáp bờ ở Phú Hải, Thuận An.

Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nằm trong khu vực phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp đô thị tương ứng quyết định thời điểm dừng triển khai sản xuất

đề ưu tiên quỹ đất cho xây dựng chức năng đô thị theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật.

Trong các đô thị được phép tồn tại các khu vực sản xuất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho đô thị, phải đảm bảo các tiêu chí cho sản xuất, kiểm soát các thông số môi trường để không ảnh hưởng đến khu vực đô thị, khu dân cư kế cận.

8. Quy định chung về phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

Quy hoạch chung quy định về vị trí, quy mô, tính chất ...các hệ thống công trình hạ tầng xã hội bao gồm công trình về nhà ở, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, du lịch, dịch vụ... Phát triển trên nguyên tắc nâng cấp, mở rộng các công trình hiện có hoặc chuyển đổi quỹ đất một số công trình cho mục đích sử dụng đất phát triển hạ tầng xã hội của đô thị. Xây dựng mạng lưới liên kết các công trình phục vụ xã hội như cơ sở y tế, hệ thống quảng trường, khu cây xanh, công viên, thể thao, thương mại, dịch vụ du lịch và phải được chính xác hóa trong quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Dành quỹ đất bố trí các công trình hạ tầng xã hội trong các khu ở, đô thị mới tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, phù hợp đối với từng chuyên ngành.

a. Hành chính, chính trị:

Trung tâm hành chính, chính trị toàn đô thị tập trung tại khu A – Khu Đô thị mới An Vân Dương quy mô khoảng 13- 15 ha. Sắp xếp, di dời các công trình hành chính, chính trị đáp ứng với mục tiêu bảo tồn di tích, phát triển kinh tế của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nâng cấp và quy hoạch mới cơ quan hành chính chính trị cấp huyện cho quận phía Bắc sông Hương, quận Hương Thủy, đô thị Chân mây, huyện Phú Lộc – Nam Đông. Xây mới, mở rộng, cải tạo trung tâm hành chính cấp huyện cho các huyện Hương Trà, Phong Điền, Phú Vang, A Lưới, Quảng Điền.

Xây mới cơ quan hành chính chính trị cấp huyện cho quận phía Bắc sông Hương, quận Hương Thủy, đô thị Chân Mây, huyện Phú Lộc – Nam Đông. Mở rộng, cải tạo trung tâm hành chính cấp huyện cho các huyện Hương Trà, Phong Điền, Phú Vang, A Lưới, Quảng Điền.

Ranh giới, diện tích và chức năng chính trong trung tâm hành chính, chính trị mới cấp thành phố được cụ thể hóa trong QHPK (1/2000) và QHCT (1/500).

b. Đơn vị ở

Chỉ tiêu:

Đất đơn vị ở toàn đô thị đến năm 2045 khoảng 8.500-9.500 ha, chỉ tiêu đất đơn vị ở mới bình quân toàn đô thị tối đa 55 m²/người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở các phân khu căn cứ quy mô quy hoạch và dân số được phân bổ để xác định cho các đồ án quy hoạch cấp dưới.

Quản lý đơn vị ở:

- Khu vực đô thị hiện hữu

+ Nâng cấp hệ thống hạ tầng nhằm cải thiện điều kiện sống trong các đơn vị ở, khu ở; tái thiết các khu chung cư cũ, di dời cơ sở sản xuất ô nhiễm trong các khu dân cư ra các khu, cụm công nghiệp; Điều chỉnh chức năng sử dụng đất một số khu vực đô thị trung tâm để dành diện tích xây dựng công viên cây xanh, công trình công cộng, hạ tầng xã hội và các chức năng đô thị khác. Giữ gìn không gian nhà vườn, cấu trúc nhà ở truyền thống thấp tầng, các phố và làng cổ như khu vực Bao Vinh, Kim Long, Phước Tích,...;

+ Khu vực làng xóm đô thị hoá: Nâng cấp và phát triển hạ tầng làng xóm kết nối liên thông với hệ thống hạ tầng chung, giữ gìn các không gian văn hóa truyền thống làng xã. Rà soát quỹ đất trống, đất xen ghép, nghĩa địa trong đô thị để từng bước chuyển đổi thành không gian xanh, nông nghiệp đô thị, công trình hạ tầng xã hội và các tiện ích đô thị khác;

+ Đối với khu phố cũ: cải thiện chất lượng ở (nhà ở, môi trường ở): Xấp xếp lại quỹ đất bên trong các ô phố, mở rộng đường giao thông, dẫn dân ra các khu đô thị mới. Dành quỹ đất tổ chức các không gian mở như phố đi bộ kết hợp dịch vụ, cây xanh, bãi đỗ xe. Khuyến khích giữ lại các biệt thự, nhà vườn. Lập quy chế kiểm soát phát triển, chú trọng đến các vấn đề sau: Quy định tầng cao tối đa của nhà ở riêng lẻ cải tạo; Các phong cách kiến trúc được áp dụng cho mặt đứng nhà tuyến phố, tầng cao khối nhà ...Đảm bảo không gian ở truyền thống như: khu bán hàng, khu ở, khu phụ, sân trong... Đảm bảo về thông thoáng, ánh sáng.

+ Đối với Khu đô thị cũ, cải tạo nâng cấp: Sắp xếp lại quỹ đất bên trong các ô phố, mở rộng đường giao thông, dẫn dân ra các khu đô thị mới. Dành quỹ đất tổ chức các không gian mở như phố đi bộ kết hợp dịch vụ, cây xanh, bãi đỗ xe. Khuyến khích giữ lại các biệt thự, nhà vườn.

+ Kiểm soát việc chuyển đổi chức năng các khu vực đất nông nghiệp, đất vườn liền kề với đất ở; Kiểm soát việc phân lô tách thửa trong các khu vực đô thị hiện hữu thông qua các quy định quản lý quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của từng khu vực, đặc biệt là các khu vực ven sông Hương, khu Kinh thành Huế, không gian lân cận các di tích, các danh lam thắng cảnh...

- Khu đô thị mới:

+ Xây dựng các khu đô thị mới đồng bộ hiện đại đáp ứng các yêu cầu chỉ tiêu trong quy chuẩn xây dựng, đảm bảo các chức năng về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở, công viên, cây xanh tạo không gian, cảnh quan hài hòa giữa khu vực mới và cũ,... Hình thành các khu đô thị mới tại vùng đồng bằng tại khu vực Hương Thủy theo cấu trúc đảo đô thị và đảm bảo hành lang tiêu thoát lũ;

+ Phát triển nhà ở xã hội: Đáp ứng quy định về tỷ lệ đất trong mỗi dự án phát triển nhà ở, đảm bảo có chất lượng và giá thành phù hợp với nhu cầu ở của người có thu nhập thấp. Phát triển nhà ở công nhân gắn với các khu công nghiệp, tập trung tại Phong Điền, Hương Trà, Hương Thủy, Lộc Sơn, Chân Mây... có đầy đủ các thiết chế văn hóa, xã hội. Nhà ở xã hội phải được tính toán phù hợp với nhu cầu, tốc độ phát triển các khu, cụm công nghiệp.

- Làng xóm đô thị hoá:

+ Kiểm soát việc chuyển đổi chức năng các khu vực đất nông nghiệp, đất vườn liền kề với đất ở;

+ Nâng cấp và phát triển hạ tầng làng xóm kết nối liên thông với hệ thống hạ tầng chung, giữ gìn các không gian văn hóa truyền thống làng xã. Rà soát quỹ đất trống, đất xen ghép, nghĩa địa trong đô thị để từng bước chuyển đổi thành không gian xanh, nông nghiệp đô thị, công trình hạ tầng xã hội và các tiện ích đô thị khác.

Quản lý nhà ở

- Nhà ở khu vực hiện hữu:

+ Đối với nhà ở riêng lẻ, dân tự xây: Khi cải tạo phải đảm bảo phù hợp với không gian, kiến trúc, cảnh quan của khu vực; kiểm soát chặt việc cấp phép nhà ở riêng lẻ, đảm bảo sự phù hợp quy hoạch, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, kiểm soát quy hoạch và kiến trúc, đảm bảo thông thoáng, an toàn không cháy nổ.

+ Đối với việc cải tạo nhà cũ trên các tuyến phố: Cải tạo theo hướng thống nhất về ngôn ngữ kiến trúc, màu sắc, biển quảng cáo, hệ thống thoát nước mái, ban công, tuân thủ theo quy định quản lý và thiết kế đô thị riêng được phê duyệt.

+ Đối với hệ thống nhà vườn: bảo tồn và gìn giữ hệ thống nhà vườn hiện hữu, giữ gìn những đặc trưng cơ bản, không gian kiến trúc và khai thác các giá trị truyền thống; Khuyến khích du lịch sinh thái đối với khu nhà vườn Phú Mộng – Kim Long. Khuyến khích phát triển thêm mô hình nhà vườn tại khu vực ven sông, trong phạm vi hành lang xanh; Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc của đô thị Thừa Thiên Huế trong đó có quy định quản lý cụ thể các trục chính như các tuyến phố (đọc đường Kim Long, đường Đặng Thái Thân, đường Triệu Quang Phục...); trục cảnh quan sông Ngự Hà, sông Đông Ba,...

+ Đối với nhà ở chung cư không thuộc diện nguy hiểm cần phá dỡ: cải tạo chỉnh trang để đảm bảo an toàn cho công trình cũng như đảm bảo hình thức kiến trúc; xử lý các khu vực lấn chiếm trái phép để bổ sung sân chơi, cây xanh và các không gian sinh hoạt cộng đồng.

+ Đối với khu chung cư cũ ở các quận trung tâm thành phố Huế: Sau khi tái thiết khuyến khích xây dựng nhà ở có tầng cao phù hợp với cảnh quan xung quanh, tầng cao tối đa được quy định cho từng khu vực, dành không gian dưới đất trồng cây xanh và sân chơi, bổ sung thêm các chức năng công cộng, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật. Các chung cư riêng lẻ sau khi tái thiết đảm bảo kiến trúc phù hợp với cảnh quan chung của khu vực, kết nối được với hạ tầng chung của đô thị.

+ Đối với nhà ở tại các điểm đô thị hóa tại vùng nông thôn: Đáp ứng các nhu cầu nhà ở tại chỗ (nhà ở lô phố, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...). Giảm sức ép về nhà ở cho các làng truyền thống có mật độ cao.

+ Đối với nhà ở nông thôn, khuyến khích bảo tồn không gian kiến trúc truyền thống. Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở nông thôn điển hình, đáp ứng tiện nghi và sinh hoạt hiện đại, thống nhất về ngôn ngữ kiến trúc, kiểm soát về mật độ và tầng cao xây dựng, giảm thiểu tối đa và khắc phục tình trạng xây dựng lộn xộn hiện nay.

- Nhà ở khu vực phát triển mới:

+ Phải phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt; thống nhất về hình thức kiến trúc, màu sắc, cao độ nền, chiều cao công trình và độ vượn của ban công, ô văng với các công trình hiện hữu đã được cấp phép xây dựng hoặc mẫu thiết kế nhà ở được duyệt.

+ Đối với nhà ở chung cư: Chung cư trong khu vực đô thị hiện hữu được xây dựng đồng bộ, kiến trúc hiện đại, kiểm soát chặt chẽ quy mô dân số từng dự án theo các quy định pháp luật nhằm hạn chế việc gây quá tải lên hệ thống hạ tầng đô thị. Chung cư tại khu vực phát triển mới tuân thủ theo quy hoạch, kiến trúc được duyệt.

c. Công trình dịch vụ - công cộng đô thị, thương mại, dịch vụ du lịch:

Đối với công trình dịch vụ - công cộng đô thị có giá trị về kiến trúc, cảnh quan, di tích lịch sử văn hoá trong khu vực đô thị cũ hiện hữu: lập danh mục phân nhóm công trình để bảo tồn. Đối với các công trình dịch vụ công cộng đô thị hiện hữu khác: khi cải tạo phải đảm bảo hài hoà với không gian lân cận; bổ sung không gian mở, cây xanh, sân

vườn. Đối với các công trình dịch vụ công cộng đô thị xây dựng mới: hướng đến phát triển kiến trúc hiện đại, kiến trúc xanh, kiến trúc tiết kiệm năng lượng phù hợp với khí hậu nhiệt đới, đảm bảo không gian quảng trường, bãi đỗ xe, kết nối thuận lợi với trục đường chính đô thị và đảm bảo bán kính phục vụ tới khu dân cư theo quy định.

Phát triển du lịch: Phát triển dịch vụ, thương mại, dịch vụ du lịch có xét đến điều kiện khu vực, vị trí đặt các công trình đảm bảo cung cấp dịch vụ thương mại, kết nối giao thông thuận lợi các vùng phụ cận. Đẩy mạnh trong vận hành, khai thác các khu, điểm du lịch. Tăng cường du lịch quy mô lớn, chuyên nghiệp, có thương hiệu, phát triển các mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa cư dân địa phương. Phát triển sản phẩm du lịch đô thị mang đậm bản sắc riêng của Huế. Bảo tồn và phát huy các giá trị về văn hoá lịch sử; Hệ thống nhà vườn Huế, khu phố cổ, phố cũ, làng nghề truyền thống...và tài nguyên thiên nhiên như đầm phá, bờ biển, sông hồ, rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch trên sông Hương...

Các khu đất xác định xây dựng công trình dịch vụ công cộng đô thị, công viên cây xanh trong các quy hoạch trong trường hợp chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng được quản lý sử dụng theo hiện trạng phải đảm bảo pháp luật về đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện liên quan; được phép làm công viên, vườn hoa, khu thể dục thể thao hoặc khu nông nghiệp công nghệ cao cho đến khi quận/huyện hoặc thành phố có nhu cầu.

d. Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học

- Trung tâm nghiên cứu: Xây dựng trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia miền Trung tại Huế; hình thành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; Trung tâm Đo lường, Thử nghiệm và thông tin khoa học; Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ; Bảo tàng thiên nhiên duyên hải Miền Trung; Trung tâm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật,...;

- Trung tâm đào tạo: Hoàn thiện Đại học Huế theo mô hình Đại học quốc gia; thu hút giáo dục sau đại học, đại học, dạy nghề, giáo dục chuyên biệt ngoài công lập. Đối với các cơ sở đào tạo đại học trong các khu vực Kinh thành, khu vực ven sông Hương xem xét di dời về khu đại học Huế. Cấu trúc lại hệ thống trường trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Bố trí mới 01 đến 02 cơ sở dạy nghề chất lượng cao tại khu vực trung du, miền núi và đô thị Chân Mây. Phân bố các cơ sở giáo dục khác đảm bảo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn và đáp ứng nhu cầu xã hội. Quy mô đất trung tâm đào tạo đến năm 2045 khoảng 400 - 450 ha; xây dựng Làng đại học Huế (trung tâm giáo dục đào tạo miền Trung) khoảng 143ha. Các cơ sở giáo dục khác được quy hoạch và phân bố đảm bảo đúng quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Hệ thống giáo dục phổ thông: Cải tạo, nâng cấp 38 trường THPT hiện có. Định hướng đến năm 2045, bố trí xây dựng mới khoảng 17-22 trường quy mô 72-89 ha để đáp ứng nhu cầu học tập cho khoảng 64.000-65.000 học sinh (đạt 40 học sinh/ 1000 dân tính cho dân thường trú). Cải tạo nâng cấp các trường THPT hiện trạng trên toàn tỉnh.

- Đối với các đơn vị ở phát triển mới phải bố trí quỹ đất xây dựng trường học phổ thông theo tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng hiện hành. Mở rộng các công trình hỗ trợ giáo dục như ký túc xá, thư viện, công trình thể thao xây dựng môi trường giáo dục tiêu chuẩn cao.

- Các khu đất xác định xây dựng trụ sở nghiên cứu, giáo dục và đào tạo trong các quy hoạch nêu trên trong trường hợp chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng không được phép

chuyên đổi thành chức năng khác; được phép chuyển đổi thành thiết chế giáo dục đơn vị ở, làm công viên, vườn hoa hoặc khu nông nghiệp công nghệ cao cho đến khi quận/huyện hoặc thành phố có nhu cầu.

e. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Bổ sung, nâng cấp cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng đáp ứng cho nhu cầu dân số tăng thêm với tổng quy mô đất đai khoảng 70-100 ha, đạt chỉ tiêu khoảng 120 giường bệnh/10.000 dân. Đảm bảo đáp ứng quy mô khám chữa bệnh khoảng 7 - 10 triệu lượt, trong đó tỷ lệ khám chữa bệnh ngoại tỉnh khoảng 35%;

- Đầu tư phát triển Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Đại học Y - Dược đạt chuẩn đạt chuẩn quốc tế; Hình thành các cơ sở y tế có quy mô cấp quốc gia, vùng: Viện Thái Y có quy mô cấp vùng (quốc gia); Trung tâm CDC Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên; Trung tâm Kiểm nghiệm-Thuốc-Mỹ phẩm thực phẩm và Trang thiết bị y tế; Trung tâm Cứu hộ cứu nạn miền Trung; Trung tâm Pháp y tâm thần miền Trung; Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2, đầu tư xây dựng cơ sở 3 (Trung tâm y học cao cấp);

- Liên kết giữa các bệnh viện Trung ương, bệnh viện ngành với các cơ sở y tế của địa phương; củng cố và nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập, thành lập các khu chức năng y tế, kết hợp khám chữa bệnh với nghỉ dưỡng, khu trung tâm y tế nghỉ dưỡng.

- Bố trí cụ thể chức năng y tế các cấp được thực hiện trong quy hoạch cấp dưới. Các khu đất xác định xây dựng cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong các quy hoạch trong trường hợp chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng không được phép chuyển đổi thành chức năng khác; được phép làm công viên, vườn hoa hoặc khu nông nghiệp công nghệ cao cho đến khi có nhu cầu.

f. Văn hóa

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, hạ tầng kết nối, phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; xây dựng hệ thống công viên văn hóa đa năng, công viên vườn tượng, tượng đài, quảng trường văn hoá, các công trình phục vụ du lịch và vui chơi, giải trí; bảo quản, tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị các di tích theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế; phát triển hệ thống các di tích được xếp hạng ngoài quần thể di tích Cố đô Huế, hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; bố trí hệ thống vườn tượng phù hợp quy hoạch;

Nhà thiếu nhi Huế hiện hữu: được tiếp tục sử dụng, nâng cấp để phục vụ nhu cầu vui chơi, sinh hoạt cho các cháu, khi có điều kiện di dời về phía khu đô thị An Vân Dương nhằm đảm bảo quy mô tối thiểu 3ha. Xem xét bổ sung thiết chế Nhà thiếu nhi cho Quận phía Bắc tại khu vực Kinh thành Huế hoặc các khu vực tiếp giáp như Hương Long, An Hòa, Hương Sơ.

- Đầu tư, sắp xếp lại hệ thống các bảo tàng chuyên đề, hệ thống bảo tàng, phát triển hình thành mạng lưới Bảo tàng cấp tỉnh, Viện bảo tàng quốc gia cổ vật cung đình Huế; nâng cấp Thư viện tổng hợp trở thành Trung tâm bảo quản tư liệu quốc gia;

- Xây dựng Trung tâm giao lưu và biểu diễn nghệ thuật tỉnh; Trung tâm hội nghị; đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phát triển văn hoá, thể thao; Xây dựng Trung tâm văn hóa điện ảnh quốc gia, cụm rạp chiếu phim hiện đại,... Phát triển và hình thành các ngành công nghiệp văn hoá, giải trí gắn với loại hình đa dạng như

trường quay điện ảnh, khu vực biểu diễn; trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa, di sản, y tế, giáo dục; trung tâm hoạt động lễ hội, thời trang, âm nhạc, ẩm thực,...

- Thiết lập hệ thống quảng trường văn hóa, các không gian giao lưu cộng đồng, các không gian đi bộ gắn với các công trình tượng đài, tượng đường phố, tranh tường nghệ thuật lớn ... gắn kết với các khu cây xanh, công viên, cơ quan, công trình hành chính công cộng, cơ quan công sở, khu vui chơi giải trí. Liên kết của các chương trình và kết nối về mặt không gian với các địa điểm du lịch chính như các di tích lịch sử, điểm và khu du lịch,... v.v.

- Các khu đất xác định xây dựng cơ sở văn hoá trong các quy hoạch nêu trên trong trường hợp chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng không được phép chuyển đổi thành chức năng khác; được phép làm công viên, vườn hoa hoặc khu nông nghiệp công nghệ cao cho đến khi quận/huyện hoặc thành phố có nhu cầu.

- Đối với công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Việc tu bổ, tôn tạo, phục hồi phải tuân thủ quy định của pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng, trên cơ sở các tài liệu lịch sử, các tư liệu khác có cơ sở khoa học để đảm bảo công trình sau tu bổ, tôn tạo được phục hồi nguyên gốc, an toàn. Công trình xây dựng mới phải có quy hoạch, thiết kế kiến trúc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Công trình tượng đài, công trình kỷ niệm, công trình văn hóa đặc biệt: Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc. Quá trình thiết kế, quy hoạch phải xây dựng mô hình hoặc sa bàn theo tỷ lệ thích hợp phục vụ lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân, tổ chức có liên quan.

g. Thể dục thể thao

- Phát triển trung tâm thể dục - thể thao các cấp trên địa bàn, trong đó bố trí mới trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại quận Hương Trà có diện tích khoảng 90- 100 ha, đảm bảo mục tiêu nâng cao thành tích thể thao mũi nhọn cũng như thể thao trọng điểm;

- Duy trì các trung tâm thể dục thể thao hiện có; nâng cấp chức năng công trình thể thao cấp đô thị; phát triển mới công trình thể thao đa chức năng tại khu đô thị mới An Vân Dương và Hương Trà, Hương Thủy, Chân Mây...;

- Quy hoạch đất đai cho trung tâm văn hoá, thể dục thể thao được xác định cho các công trình cấp quận, thành phố, thị xã, huyện khoảng: 5-7 ha nhằm phục vụ nhu cầu tập luyện nâng cao sức khoẻ nhân dân, đào tạo vận động viên, thu hút du lịch.

- Các khu đất xác định xây dựng cơ sở TDTT trong các quy hoạch nêu trên trong trường hợp chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng không được phép chuyển đổi thành chức năng khác; được phép làm công viên, vườn hoa hoặc khu nông nghiệp công nghệ cao cho đến khi quận/huyện hoặc thành phố có nhu cầu.

h. An ninh quốc phòng

Đất an ninh quốc phòng trong đồ án thể hiện các quỹ đất chính. Quy mô đất quốc phòng trên địa bàn đảm bảo tuân thủ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc bố trí đất cho các đơn vị quốc phòng được xác định cụ thể trong quy hoạch riêng.

- Bố trí quỹ đất để từng bước di dời các đơn vị quốc phòng từ trung tâm đô thị cũ không phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế và bảo tồn của khu vực Kinh thành, các

khu vực khác ra các khu vực trọng yếu cần được bảo vệ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; Sắp xếp, nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các khu đất an ninh quốc phòng hiện hữu theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng được duyệt.

- Quản lý đất an ninh quốc phòng: Chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác quản lý phương án sử dụng đất hiệu quả trong các giai đoạn phát triển ngắn hạn và dài hạn theo quy hoạch. Kết nối hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trên cơ sở hệ thống hiện có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn ngắn hạn; giai đoạn dài hạn thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng.

9. Quy định quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

Quy định chung: Hệ thống công trình đầu mối và hành lang hạ tầng kỹ thuật bao gồm các công trình đầu mối về giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, cảng biển, đường không, giao thông đô thị), thoát nước mặt (hồ, kênh, mương, cống thoát nước chính), thoát nước thải (trạm xử lý, trạm bơm, công thoát nước thải, hồ chứa hoặc xử lý sinh học), cấp điện (trạm biến áp và hành lang tuyến điện 110kV trở lên), cấp nước (nhà máy nước, giếng khai thác, tuyến ống truyền tải), công trình viễn thông, nghĩa trang và nhà hỏa táng, tuynel kỹ thuật chính đô thị.v.v... Quy hoạch chung định hướng vị trí, quy mô, tính chất, nguyên tắc kết nối vận hành và phải được xác định cụ thể trong các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Về khoảng cách cách ly an toàn và vệ sinh môi trường tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn phù hợp với từng chuyên ngành. Không cho phép xâm phạm các công trình đầu mối, hành lang hạ tầng kỹ thuật hiện có, hoặc chuyển đổi quỹ đất dự kiến sử dụng dành cho công trình đầu mối và hành lang hạ tầng kỹ thuật cho các mục đích sử dụng đất lâu dài khác.

9.1. Giao thông

Diện tích đất cho giao thông toàn đô thị căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành và định hướng sử dụng đất đai theo quy hoạch tỉnh có diện tích khoảng 11.500 ha. Tổng diện tích đất giao thông khu vực đô thị trung tâm khoảng 2.800-3.000 ha, tỷ lệ đất giao thông chính trên đất xây dựng đô thị cho khu vực đô thị trung tâm khoảng 13,2% (lớn so với một số khu vực hiện trạng như Kinh Thành, Gia Hội).

Giao thông đối ngoại:

Hệ thống giao thông đối ngoại gắn với phát triển đô thị Huế trên cơ sở quy hoạch chuyên ngành giao thông, như sau:

a1. Đường bộ:

- Tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thiện nâng cấp, mở rộng các tuyến cao tốc, quốc lộ hình thành các trục dọc, trục ngang kết nối các trung tâm đô thị, các cửa khẩu quốc tế, cảng biển, cảng hàng không và mạng lưới đường địa phương. Trục dọc bao gồm cao tốc Bắc - Nam phía Đông, QL.1, QL.49C, QL.49B - đường ven biển và đường Hồ Chí Minh kết nối với các tỉnh miền Trung và cả nước; trục ngang bao gồm QL.49, các tuyến quốc lộ hình thành mới (QL.49D, QL.49E, QL.49F); Xây dựng hoàn thiện đường bộ ven biển và hầm đường bộ Lộc Bình, đường tuần tra biên giới; Nâng cấp, cải tạo và quy hoạch mới hệ thống đường tỉnh, đường nối Nam Đông – Tây Giang (Quảng Nam). Danh mục chi tiết, quy cách các tuyến đường bộ đối ngoại xem thuyết minh quy hoạch

- Quản lý:

+ Quản lý hệ thống đường bộ đối ngoại theo quy hoạch chuyên ngành giao thông. Đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, tổ chức đường gom tại các đoạn qua các khu dân cư, khu công nghiệp. Xác định, cắm mốc hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định.

+ Phát triển các công trình giao thông: Xây dựng mới cầu và hầm qua hệ thống sông; các nút giao cắt khác mức, các bến bãi đỗ xe liên tỉnh, trung tâm logistics tiếp vận hàng hoá và hành khách.

+ Nghiên cứu phân tách và nối kết hợp lý giữa giao thông đối ngoại và mạng lưới đường chính đô thị.

+ Đảm bảo kết nối thống nhất giữa các loại hình giao thông đường không, đường sắt, cảng biển, đường thủy nội địa với mạng lưới đường bộ đối ngoại và đô thị.

a2. Cảng biển:

- Cảng biển Thừa Thiên Huế là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I), bao gồm các khu bến: (i) khu bến Chân Mây đáp ứng tàu tổng hợp, hàng rời trọng tải từ 150.000 tấn đến 200.000 tấn, tàu Container sức chở đến 4.000 TEU, tàu khách quốc tế đến 225.000 GT, tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 150.000 tấn (hoặc các cỡ tàu lớn hơn khi đủ điều kiện và phù hợp với các quy hoạch có liên quan); (ii) Khu bến Thuận An đáp ứng tàu trọng tải đến 5.000 tấn; (iii) Khu bến Phong Điền đáp ứng tàu tổng hợp, hàng rời trọng tải đến 50.000 tấn; tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 150.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng cảng biển như: Đê chắn sóng phía Bắc cảng Chân Mây (giai đoạn 3), đê chắn sóng phía Tây cảng Chân Mây, luồng hàng hải đáp ứng cho tàu có trọng tải từ 150.000 tấn hoặc lớn hơn vào làm hàng, các khu neo đậu chuyên tải, tránh, trú bão;

- Quản lý: Các cảng biển và cảng được quản lý về quy mô, cấp kỹ thuật theo quy hoạch chuyên ngành giao thông. Lấn biển xây dựng, phát triển cảng phải được đánh giá tác động môi trường, hạn chế tối đa đến môi trường biển và ven biển.

a3. Đường hàng không:

- Tuân thủ Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nâng cấp mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Bài, năm 2030 công suất đạt khoảng 7 triệu hành khách/năm, năm 2050 đạt khoảng 12 triệu hành khách/năm. Phát triển sân bay dành cho thủy phi cơ, trực thăng tại Đầm phá Tam Giang Cầu Hai, Vườn Quốc gia Bạch Mã và tại những khu vực có tiềm năng về du lịch. Tổng diện tích toàn cảng hàng không Phú Bài khoảng 527 ha, trong đó quy hoạch cho quân sự khoảng 66 ha.

- Phạm vi, quy mô cảng hàng không Quốc tế Phú Bài: theo quy hoạch cảng hàng không Quốc tế Phú Bài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quản lý: Quản lý không gian cảng hàng không theo quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý tỉnh không sân bay đối với Cảng hàng không quốc tế Phú Bài theo quy định hiện hành. Tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không quốc tế Phú Bài theo quy định, trong đó phải xác định lại ranh giới toàn khu theo hệ thống tọa độ quốc gia VN2000, hạn chế các chi tiết không đồng bộ ảnh hưởng đến phát triển đô thị khu vực kế cận.

a4. Đường sắt:

- Tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển đường sắt tốc độ cao đi qua đô thị Thừa Thiên Huế với 02 nhà ga (Huế và Chân Mây) và quy hoạch bổ sung 01 ga mới ở Phong Điền; Quy hoạch tuyến nhánh kết nối với khu bến cảng Chân Mây;

- Quản lý mạng lưới đường sắt và nhà ga đường sắt theo quy hoạch chuyên ngành giao thông, đảm bảo đủ quỹ đất xây dựng tuyến đường sắt và nhà ga đường sắt đảm bảo kết nối vùng an toàn và thuận tiện.

a5. Đường thủy nội địa:

- Đường thủy nội địa: Tuân thủ Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa quốc gia đạt tối thiểu cấp IV, các tuyến đường thủy nội địa địa phương tối thiểu đạt cấp VI. Quy hoạch các bến tàu khách, hàng hóa trên sông Hương, Quy hoạch các bến tàu khách du lịch kết hợp thương mại dịch vụ du lịch ven sông Hương, phá Tam Giang, đầm Lập An,... và khu vực ven biển. Bổ sung quy hoạch các cơ sở sửa chữa đóng mới tàu;

- Cảng cạn: Phát triển các cảng cạn thuộc cụm cảng cạn Chân Mây tuân thủ theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023.

- Cửa khẩu: Nâng cấp cửa khẩu chính Hồng Vân và cửa khẩu chính A Đốt thành cửa khẩu quốc tế; nâng cấp lối mở Hồng Thái thành cửa khẩu phụ.

- Quản lý các cảng, bến thủy nội địa theo quy hoạch chuyên ngành.

Giao thông đô thị:

- Nâng cấp, xây dựng các tuyến vành đai 1, vành đai 2, vành đai 3 đô thị, các tuyến đường và cầu kết nối khu vực đô thị trung tâm với khu vực ven biển, các đường vành đai đô thị: đường Tô Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài, đường nối Quảng Điền - Hương Trà - trung tâm Huế, đường nối khu B - An Vân Dương - thị trấn Phú Đa, đường nối La Sơn - Vinh Hà - Giang Hải, đường nối Vinh Hà - Vinh Hưng, đường nối Phong Điền - Quảng Điền - Huế (song song với đường sắt tốc độ cao), đường nối Hương Trà - Quảng Điền - Phá Tam Giang, đường nối La Sơn - Chân Mây, đường Tây Đàm Cầu Hai, đường nối QL1A với khu du lịch nước nóng Thanh Tân; nâng cấp mở rộng các tuyến hiện hữu, quy hoạch các tuyến mới đảm bảo quy mô tối thiểu từ 2 đến 4 làn xe; Bổ sung các tuyến đường song hành cho các quốc lộ đoạn qua đô thị theo quy hoạch từng đô thị, đảm bảo an toàn giao thông.

- Giao thông công cộng: Quy hoạch các tuyến xe buýt nhanh, phát triển các tuyến xe buýt hiện có đảm bảo tỷ lệ đáp ứng nhu cầu đi lại. Phát triển đường sắt du lịch nối Huế - Đà Nẵng; Giai đoạn đến 2045 nghiên cứu bố trí tàu điện nối kết hợp ngầm tại khu vực đô thị trung tâm từ sân bay Phú Bài, Thuận An kết nối liên hoàn và kéo dài đi Hương Trà, Phong Điền, Chân Mây (*hướng tuyến đường sắt nội thị tiếp tục nghiên cứu trong các quy hoạch chuyên ngành*).

- Quản lý:

+ Đối với mạng lưới đường đô thị: Hoàn thiện, khép kín, liên thông các tuyến đường vành đai. Khu phố có giá trị lịch sử, kiến trúc và phụ cận không phát triển các tuyến đường nối (từ 2 tầng trở lên, khuyến khích phát triển giao thông ngầm. Mạng lưới

đường đô thị phải được phân hạng cấp đường đảm giao thông thuận lợi, an toàn và thông suốt.

- + Phân đầu tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt chỉ tiêu 15% vào năm 2030 và 30% vào năm 2045.

- + Thúc đẩy tăng hiệu quả năng lượng cho các phương tiện, ưu tiên giao thông công cộng và giao thông khối lượng lớn như đường sắt, đường thủy, giảm dần vận tải đường bộ và phương tiện cá nhân. Bổ sung các hình thức giao thông mới như cáp treo, xe điện, xe tự hành và các hình thức giao thông thông minh tại các khu du lịch, dịch vụ, khu vui chơi giải trí, khu đô thị mới;

- + Hệ phố, đường đi bộ và đường dành riêng cho xe đạp phải đảm bảo chiều rộng theo quy định, an toàn và thuận tiện cho người khuyết tật sử dụng; Hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, đèn tín hiệu giao thông phải đảm bảo không bị che khuất tầm nhìn; Nhà chờ xe buýt, lối lên xuống ga tàu điện, cột đèn, lan can, rào chắn phải dễ nhận biết, thuận lợi, an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, đáp ứng yêu cầu mỹ quan đô thị.

- + Bãi đỗ xe: Diện tích đỗ xe trong đô thị phải đảm bảo quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; khuyến khích bãi đỗ xe nhiều tầng kết hợp với công trình dịch vụ công cộng trong đô thị, bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe kết hợp cây xanh cảnh quan; khuyến khích sử dụng nguồn vốn xã hội hóa để xây dựng bãi đỗ xe.

- + Cảng và bến bãi vật liệu xây dựng phục vụ các hoạt động phát triển đô thị được bố trí tạm trong thời gian chưa triển khai quy hoạch. Thời gian hoạt động tạm và địa điểm cụ thể được xác định trong các Đề án đảm bảo không ảnh hưởng đến các định hướng của quy hoạch chung và các quy hoạch liên quan.

- + Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực được phép nghiên cứu đầu tư cải tạo, mở rộng các tuyến đường đảm bảo tiêu chí kỹ thuật, tăng cường năng lực thông hành, đáp ứng hiệu quả đầu tư.

- + Quy mô các tuyến đường là quy mô tối thiểu. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường, đồng thời sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án.

- + Các tuyến quốc lộ qua đô thị, trường hợp cần thiết sẽ xây dựng hệ thống đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương.

- + Các tuyến đường, công trình giao thông không có trong danh mục dự án ưu tiên thời kỳ 2021-2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh ThừaThiên Huế huy động được nguồn lực, bảo đảm hiệu quả đầu tư được chủ động thực hiện đầu tư.

9.2. Cao độ nền và phòng chống thiên tai

Định hướng chung:

- Kiểm soát cao độ nền xây dựng mới của đô thị, công nghiệp phù hợp với từng khu vực chức năng đô thị, gắn với phát triển xây dựng mới kênh tiêu thoát nước mặt hồ điều hòa để hạn chế úng, ngập lụt. Bổ sung các giải pháp như bơm tiêu cục bộ, chứa

nước tạm trong hồ điều hòa, công viên thể dục thể thao,... cho các khu vực cao độ chưa đảm bảo nhằm giảm thiểu úng ngập;

- Phối hợp vận hành các hồ chứa: hồ Tả Trạch; hồ Bình Điền; hồ Hương Điền,... chủ động cắt lũ hiệu quả cho hạ du. Quy hoạch mới một số hồ chứa đầu nguồn kết hợp giảm thiểu lũ lụt cho hạ du (hồ Ô Lâu Thượng, hồ Thủy Cam, hồ Khe Triết,...); Nâng cấp, cải tạo các hồ chứa thủy lợi nhỏ vùng cao và vùng cát đảm bảo an toàn hồ chứa. Xây dựng các hệ thống cấp nước, dẫn nước liên vùng;

- Hoàn thiện các tuyến đê bao ngăn mặn ven đầm phá và ven cửa sông, kè các đoạn sông, biển bị sạt lở, nghiên cứu có giải pháp lâu dài kiên cố chống xói lở cho cửa biển Thuận An, Tư Hiền.

- Bổ sung hệ thống kênh tiêu thoát lũ, công trình thủy lợi cho vùng đồng bằng ven biển theo quy hoạch này và các đề án, quy hoạch chuyên ngành, đảm bảo các hệ số tiêu và các tiêu chí kỹ thuật khác được cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý phòng chống thiên tai:

- Hành lang thoát lũ và chỉ giới thoát lũ phải phù hợp với quy hoạch đề điều, quy hoạch phòng, chống lũ thành phố Huế. Việc đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng các công trình trong phạm vi bãi sông, hành lang đề điều tuân thủ các quy định của Luật đề điều, phòng chống lụt bão và tiêu thoát lũ.

- Các công trình đầu mối: trạm bơm, công điều tiết, đê, kè...trên địa bàn thành phố Huế cần được nâng cấp, xây dựng mới theo quy hoạch. Vị trí và công suất sẽ được cụ thể hoá theo các quy hoạch chuyên ngành.

- Quy định về cao độ nền xây dựng: tuân thủ cao độ khống chế xây dựng theo đề xuất hồ sơ quy hoạch chung, không mâu thuẫn với các quy hoạch đã được duyệt và hài hoà với khu vực xây dựng liền kề.

- Đối với các khu vực thấp hơn mức nước báo động II cần cải tạo tôn nền trên mức báo động II, và nếu không ảnh hưởng tới hiện trạng xung quanh có thể xem xét nâng lên mức báo động III. Đối với khu vực phát triển mới cũng xác định tương tự. Các khu vực dọc sông, căn cứ theo cao độ mực nước chống lũ trên sông đã được phê duyệt để xác định cao độ nền phù hợp.

- Đối với khu vực ven biển chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi mực nước triều, khi xây dựng nếu có đê cần đảm bảo cao trình đỉnh đê không thấp hơn cao độ đỉnh đê theo TCVN 9901:2014 Công trình thủy lợi- yêu cầu thiết kế đê biển. Nếu không xây dựng đê thì cần tôn nền không thấp hơn cao trình đỉnh đê.

9.3. Thoát nước mặt

*** Định hướng chung:**

- Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn tại các khu vực xây dựng mới và hệ thống thoát nước nửa riêng tại các khu vực hiện trạng;

- Thu gom hệ thống thoát nước mặt theo 08 lưu vực phù hợp với địa hình và hệ thống sông, suối. Nước mặt được thoát vào hệ thống cống thoát nước đô thị, hệ thống sông, suối, kênh thủy lợi (sông Hương, sông An Cựu, sông Như Ý, sông Tả Trạch, sông Hữu Trạch, sông Bồ, sông Sịa, sông Ô Lâu, sông Đại Giang, sông Bu Lu, sông A Sáp...), sau đó tự chảy ra hệ thống đầm phá ra biển;

- Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước đạt 90% và tiến tới đạt 100% toàn bộ mạng lưới đường. Đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị, mở rộng và nạo vét các kênh trục chính.

*** Quản lý:**

- Cải tạo thường xuyên; kiên cố hóa; nạo vét định kỳ các tuyến mương, cống thoát nước. Áp dụng các giải pháp thoát nước mưa theo hướng phát triển bền vững: xây dựng hồ điều hòa trữ nước; sử dụng các kết cấu hè, đảo giao thông xen lẫn cây xanh tăng hệ số thấm,... thích ứng với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu;

- Mở rộng khẩu độ thoát lũ của hệ thống cầu, cống qua đường giao thông (đường quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, đường cao tốc,...), cống dưới đê;

- Nâng cấp, mở rộng đập Cửa Lác, Thảo Long,...đảm bảo tiêu thoát vùng hạ du sông Ô Lâu, sông Hương.

- Cho phép áp dụng kiểu nưả riêng với các thị trấn, thị tứ và làng xóm tùy theo tính chất và điều kiện thực hiện.

- Phải áp dụng cho các khu vực xây dựng mới trong đô thị trung tâm, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực đảo và bán đảo. Khuyến khích áp dụng cho toàn bộ các khu vực khác.

- Quy định về hệ thống hồ điều hoà: khu vực đô thị trung tâm bố trí tỷ lệ hồ đạt 8 - 10% diện tích lưu vực; tăng cường khả năng kết nối giữa các hồ, mở rộng và xây dựng mới cống, kênh, hầm ngầm thoát nước nhanh khi có mưa lớn. Các đô thị khác phải bảo vệ nâng cấp hệ thống hồ hiện có và xây dựng mới đạt tối thiểu 8 - 10% diện tích. Những khu vực không đạt chỉ tiêu về diện tích phải tăng dung tích hồ đảm bảo điều hoà khả năng thoát nước.

9.4. Cấp nước

*** Định hướng:**

- Nhu cầu dùng nước: Đến năm 2030 khoảng 480.000 m³/ngđ; đến năm 2045 khoảng 600.000 m³/ngđ;

- Nguồn cấp nước chính: Lựa chọn nguồn nước mặt là nguồn nước chính cấp các nhu cầu cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và phát triển công nghiệp, ưu tiên nguồn nước mặt thượng nguồn cho các nhu cầu cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn, khai thác hợp lý nguồn nước mặt hạ nguồn, ngừng khai thác nguồn nước ngầm. Khai thác các sông như: Sông Hương, Sông Bồ, Sông Nông, Sông Ô Lâu, sông Thượng Lộ, sông A Sáp; các hồ: Hồ Truồi, Hồ Thủy Yên, hồ Thủy Cam, hồ Tả Trạch, hồ Thủy điện Hồng Vân; Các khu suối: Khe Mệ, Khe Baugher, Khe A Kỳ, Khe Tà Rê, Khe A Nô, Khe A Lin...

*** Quản lý:**

- Các nhà máy nước: Xây mới các nhà máy nước theo quy hoạch (Lộc Thủy, Hương Vân, Lộc Bồn, A Lin, A Sáp,...), cải tạo nâng công suất các nhà máy nước hiện có (Vạn Niên, Tứ Hạ, Phong Thu, Lộc An,...). Các nhà máy nước được kết nối với nhau đảm bảo cấp nước ổn định và an toàn. Các nhà máy có công suất nhỏ, nhà máy cũ, các nhà máy ở phía hạ lưu có nguy cơ bị ô nhiễm sẽ được xem xét, nâng cấp hoặc cải tạo thành trạm bơm tăng áp trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch. Danh mục nhà máy nước dự kiến xây dựng mới xem thuyết minh quy hoạch.

- Phát triển mạng lưới truyền tải kết nối mạch vòng có đường kính D160mm – D800mm và hệ thống các trạm trung chuyển điều áp để đảm bảo cấp nước toàn đô thị. Xây dựng mạng lưới cấp nước kết nối các nhà máy nước đảm bảo an toàn cấp nước và hỗ trợ cấp nước giữa các khu vực. Bảo vệ nguồn nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp của đô thị.

- Các công trình khác: Phải được thiết kế đảm bảo hình thức công trình phù hợp với cảnh quan chung của khu vực; hòng cứu hỏa được bố trí nổi hoặc ngầm phải được thiết kế đảm bảo an toàn, mỹ quan, dễ nhận biết, dễ tiếp cận sử dụng, không cản trở giao thông.

9.5. Cấp điện, chiếu sáng đô thị

* Định hướng

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 khoảng 1.600MW; đến năm 2045 khoảng 3.000MW. Duy trì các nhà máy thủy điện hiện có; xây dựng nhà máy điện khí LNG tại Chân Mây và nhà máy điện gió tại Phong Điền; điện mặt trời tại Phong Điền, Cầu Hai và các nguồn điện tái tạo phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, đảm bảo công suất theo định hướng quy hoạch chuyên ngành;

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải điện hiện có. Bổ sung hệ thống trạm và đường dây 500kV, 220kV truyền tải. Xây dựng bổ sung hệ thống trạm biến áp và đường dây phân phối từ cấp 110kV trở xuống đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục;

- Chiếu sáng đô thị: Mục tiêu 100% đường phố, các hẻm lớn được tổ chức chiếu sáng giao thông; Chiếu sáng cảnh quan tập trung tôn vinh các công trình di tích, cảnh quan ven sông Hương, điểm nhấn kiến trúc và các quảng trường.

* Quản lý không gian công trình điện:

- Lưới điện cao thế, trạm biến áp nguồn từ 110kV trở lên thực hiện theo quy hoạch chuyên ngành và đảm bảo không mâu thuẫn với các định hướng của quy hoạch đô thị. Các đường dây cao thế 110kV, 220kV đi nổi quản lý chặt chẽ hành lang tuyến, không xâm phạm và xây dựng các công trình kiên cố vi phạm quy chuẩn.

- Lưới điện trung thế, hạ thế trong trung tâm đô thị khuyến khích đi ngầm; tại các khu vực phát triển mới phải xây dựng đồng bộ, đi ngầm mương cáp. Khuyến khích các khu vực hiện hữu cải tạo chỉnh trang, khu vực ngoại thị xây dựng hệ thống điện ngầm đồng bộ với các công trình hạ tầng đô thị.

* Quản lý chiếu sáng đô thị:

Phát triển các công nghệ mới cho chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm năng lượng. Khu vực trung tâm đô thị, khu hành chính, chính trị, phố thương mại, phố đi bộ, công trình văn hoá có giá trị, công trình cao tầng điểm nhấn, quảng trường và không gian mở gắn với hoạt động đông người phải được chiếu sáng cảnh quan. Khuyến khích chiếu sáng lễ hội theo các ngày lễ, dịp lễ, ngày nghỉ cuối tuần tại khu vực thương mại và giải trí, khu sinh hoạt cộng đồng tập trung đông người. Bố trí chiếu sáng thông tin tín hiệu, quảng cáo tại các tuyến phố chính đô thị theo quy hoạch quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị hoặc các đề án chỉnh trang, cải tạo, xây dựng mới hệ thống hạ tầng đô thị.

9.6. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

* Định hướng:

- Hoàn thành việc phát triển mạng lưới, phát triển rộng khắp các dịch vụ bưu chính. Mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực. Ứng dụng công nghệ hiện đại để triển khai tự động hóa trong khai thác, tin học hóa các công đoạn bưu chính.

- Phát triển kinh doanh từ các dịch vụ mới, dịch vụ lai ghép, dịch vụ tài chính dựa trên mạng bưu chính điện tử, tăng tỷ trọng doanh thu từ các dịch vụ mới. Phát triển thị trường chuyển phát theo hướng mở cửa, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia, thống nhất và nâng cao vai trò quản lý nhà nước.

- Xây dựng và nâng cấp các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) qua các tuyến đường QL1A, tuyến đường Hồ Chí Minh, tuyến 500KV, tuyến đường sắt bắc nam; xây dựng các tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh dọc theo các tuyến tỉnh lộ, tuyến đường nội thị bảo đảm nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông rộng và đô thị thông minh.

- Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình.

- Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn đô thị. Ưu tiên xây dựng các trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn đô thị.

- Ưu tiên bố trí không gian, mặt bằng tại các tòa nhà cao tầng ở khu đô thị để xây dựng trạm BTS.

- Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây và mạng phân phối dữ liệu để chiếm lĩnh thị phần điện toán đám mây trong tỉnh.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng công bề ngầm tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại các đô thị để thực hiện ngầm hóa.

- Triển khai đầu tư hạ tầng công bề ngầm đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác như: cấp nước, thoát nước, điện, điện chiếu sáng tại các khu đô thị.

- Xu thế phát triển chung của các công nghệ viễn thông bám sát sự phát triển của viễn thông thế giới. Công nghệ phát triển trên cơ sở bám sát theo sự tăng trưởng dịch vụ của thị trường nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người sử dụng.

- Ưu tiên đầu tư cho các dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ về phần mềm phù hợp với phát triển thành phố thông minh. Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn truy cập thông tin, an toàn thông tin nhằm bảo đảm kết nối thông suốt, đồng bộ và khả năng chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn, thuận tiện giữa các lĩnh vực của thành phố thông minh. Đẩy mạnh sử dụng công nghệ điện toán đám mây trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Hoàn thiện hạ tầng đám mây, hạ tầng băng thông rộng để đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng thông minh. Đặc biệt xây dựng cơ sở dữ liệu các ngành, phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành, ứng dụng thông tin vào tất cả các hoạt động điều hành quản lý, triển khai tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Đặc biệt trong công cuộc cải cách hành chính xây dựng chính quyền công khai, minh bạch, hiệu quả.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng quản lý đô thị xanh, thông minh trong tất cả các ngành, các lĩnh vực phục vụ cho quản lý khu kinh tế (kết hợp quản lý giao thông, cấp thoát nước, an ninh, xã hội...), hướng tới nền tảng mạng Internet và

trí tuệ nhân tạo thống nhất trong quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch thành nhiều kênh thông tin, dữ liệu đáp ứng nhu cầu tìm kiếm khai thác, liên kết dịch vụ, thanh toán tiện lợi góp phần đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

*** Quản lý:**

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất xây dựng đô thị, quản lý cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải, diện tích cây xanh, nguồn nước, cảnh quan, quản lý không gian ngầm đô thị và các lĩnh vực khác.

- Phát triển ứng dụng thông minh hỗ trợ ra quyết định trong công tác lập, thẩm định, công bố công khai quy hoạch đô thị.

- Quy hoạch liên kết trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, phát triển đồng bộ hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế liên kết với hạ tầng thông tin và truyền thông vùng và các hạ tầng khác có liên quan.

- Triển khai lộ trình số hóa và thông minh đồng bộ trong các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; cung cấp hạ tầng số cho hạ tầng, công nghiệp; giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao, du lịch.

- Phát triển hạ tầng số, kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, môi trường... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành của hạ tầng số. Nâng cao năng lực an toàn thông tin, xử lý sự cố; xây dựng và phát triển các trung tâm xử lý điều hành thông tin tập trung.

- Hình thành, kết nối dữ liệu không gian đô thị số hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu và quản lý các hoạt động của đô thị.

- Phát triển chính quyền số an toàn trên môi trường số dựa trên dữ liệu và công nghệ số, cung cấp dịch vụ công hiệu quả và sử dụng hiệu quả nguồn lực hơn trong quá trình chuyển đổi số.

- Triển khai các nền tảng số, hệ sinh thái số để phát triển kinh tế số. Phổ cập nền tảng số phục vụ các nhu cầu của người dân và phù hợp với các ngành, nghề, lĩnh vực của xã hội.

9.7. Thoát nước thải

*** Định hướng**

- Tổng lượng thải ước tính của toàn đô thị Huế đến năm 2030 khoảng 430.000 m³/ngày; đến năm 2045 khoảng 530.000 m³/ngày;

- Xây dựng hệ thống thoát nước hỗn hợp bao gồm hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn tại các khu vực xây dựng mới hệ thống thoát nước; Các khu vực hiện có đã có hệ thống thoát nước chung sẽ xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng (bổ sung hệ thống cống bao) tách nước thải đưa về các nhà máy xử lý. Khuyến khích việc sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng trên toàn đô thị;

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống xử lý nước thải (XLNT) hiện có của khu vực thành phố Huế hiện hữu. Xây mới và nâng công suất các nhà máy XLNT khu, cụm công nghiệp tập trung đảm bảo xử lý triệt để nước thải sản xuất. Xây mới và nâng công suất các nhà máy XLNT sinh hoạt tập trung cho các khu vực đô thị trước mắt ưu tiên cho khu vực đô thị trung tâm và trung tâm huyện lỵ. Dài hạn sẽ mở rộng phạm vi phục vụ, bổ sung nhà máy XLNT phục vụ khu vực dân cư nông thôn tập trung, từng bước nâng cao tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý theo quy chuẩn.

*** Quản lý**

Các công trình đầu mối phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư, trồng cây xanh cách ly, giảm thiểu tác động đến không gian cảnh quan đô thị. Thoát nước thải: nhà máy, trạm xử lý, trạm bơm nước thải được thiết kế phải đảm bảo các yêu cầu về kiến trúc, dễ tiếp cận, vận hành, duy tu.

9.8. Chất thải rắn

*** Định hướng**

- Tổng lượng CTR đến năm 2030 khoảng 4.000 tấn/ngđ; Năm 2045 khoảng 5.300 tấn/ngđ.

- Danh mục, vị trí, quy mô sơ bộ các công trình xử lý chất thải rắn xem thuyết minh quy hoạch.

*** Quản lý**

- Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm lượng chất thải rắn chôn lấp. Hướng tới phân loại chất thải rắn tại nguồn, hạn chế việc chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn nguy hại (Công nghiệp, Y tế,...) phải được thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định, đảm bảo không phát tán ra môi trường. Tập trung hoàn thiện khu xử lý CTR (Phú Sơn, Hương Bình,...). Tiếp tục kêu gọi đầu tư các khu xử lý CTR theo quy hoạch. Cải tạo nâng cấp, bổ sung công nghệ đốt cho các khu xử lý CTR. Khuyến khích các khu xử lý CTR hoạt động theo mô hình liên huyện với công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải sinh hoạt về lâu dài.

9.9. Nghĩa trang

*** Định hướng**

- Nhu cầu đất nghĩa trang mới cho đô thị Thừa Thiên Huế đến giai đoạn 2030 khoảng 90 ha; giai đoạn 2045 khoảng 111 ha (chưa bao gồm diện tích nghĩa trang phục vụ cho nhu cầu sắp xếp lại các nghĩa trang hiện trạng);

- Đối với nghĩa trang: Quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ để phục vụ công tác mai táng, đảm bảo vệ sinh môi trường; từng bước chuyển dần từ hình thức mai táng cũ sang các hình thức tiên tiến hơn; di dời các khu vực nghĩa trang hiện hữu ảnh hưởng đến không gian phát triển vào khu vực nghĩa trang tập trung theo quy hoạch;

- Phân đấu mỗi đô thị phải có tối thiểu một nhà tang lễ, đảm bảo vệ sinh môi trường và vận động người dân tổ chức tang lễ theo hướng hiện đại. Khuyến khích, sử dụng rộng rãi hình thức hỏa táng.

- Để dành quỹ đất cho không gian phát triển trong giai đoạn đến năm 2045, các địa phương cần có kế hoạch: Từng bước di dời các nghĩa địa nhỏ lẻ tự phát vào khu vực

nghĩa trang tập trung theo quy hoạch; Không chế việc chôn cất một số nghĩa địa ven biển; hạn chế tình trạng kéo dài hệ thống nghĩa địa dọc bờ biển; khoanh vùng từng đoạn, từng khu vực để theo dõi quản lý. Quy hoạch, chỉnh trang và xây dựng nghĩa trang theo hướng công viên nghĩa trang; đồng thời đầu tư xây dựng các nhà tang lễ và các công trình phụ trợ để đảm bảo văn minh và vệ sinh môi trường. Khuyến khích, tạo điều kiện và vận động người dân tổ chức tang lễ theo hướng hiện đại.

*** Quản lý**

- Cơ bản chấm dứt việc sử dụng nghĩa địa (các khu mai táng không được quy hoạch) tiến tới giảm dần diện tích nghĩa địa toàn tỉnh theo lộ trình. Quy tập, di dời các khu vực có mồ mả trong nội thị và các khu nghĩa địa nhỏ lẻ xen lẫn trong đất canh tác, khu dân cư vào các nghĩa trang tập trung;

Khuyến khích phân di dời nghĩa địa, nghĩa trang vùng ven biển, khu vực tiếp giáp đô thị để chuyển đổi chức năng sử dụng đất phát triển đô thị, thực hiện theo các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết ở giai đoạn tiếp theo.

Quy hoạch, xây dựng các nghĩa trang tại các khu vực phù hợp nhằm đảm bảo nhu cầu chôn cất, cải táng phục vụ di dời, giải toả các nghĩa địa.

Khoảng cách ly vệ sinh môi trường đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất phải tuân thủ Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

Khuyến khích các hình thức hỏa táng bằng việc đầu tư xây dựng nhà tang lễ, nhà hỏa táng.

9.10. Không gian ngầm

*** Định hướng**

- Tăng cường việc sử dụng không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất khu vực trung tâm thành phố, bảo vệ môi trường và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng.

- Xây dựng hệ thống không gian ngầm tại các công trình công cộng, dịch vụ, nhà cao tầng, các nút giao thông chính, các khu vực nhà ga, tuyến vận tải công cộng, kết nối với bãi đỗ xe và hầm đi bộ ngầm để tạo thành một không gian ngầm hoàn chỉnh, nhằm hình thành các tổ hợp công trình ngầm đa năng, bao gồm: trung tâm thương mại, nhà hàng, siêu thị, bãi đỗ xe, các công trình văn hóa, vui chơi, giải trí,... phục vụ nhu cầu của người dân và du khách, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm được phát triển trong nội thị các đô thị. Khu vực quận phía Nam sông Hương, khu vực đô thị mới An Vân Dương và các khu vực hỗn hợp được xây dựng công trình có phần ngầm, bãi đỗ xe ngầm, khu thương mại dịch vụ ngầm gắn với đường sắt đô thị.

- Khu vực có thể phát triển không gian ngầm: Trên cơ sở cấu trúc mạng lưới giao thông công cộng, khuyến khích bố trí kết hợp công trình dịch vụ ngầm gắn với các nút giao thông lớn và ga đường sắt (TOD), bao gồm: khu trung tâm hiện hữu phía Nam sông Hương, khu Thủy Thanh, Xuân Phú, Thủy Vân, Thủy Châu, khu vực tiếp giáp ga đường sắt tốc độ cao Huế, Thủy Xuân, An Tây, Hương Vinh, Hương Long, Hương Toàn, Hương Xuân, Tứ Hạ...

- Công trình dịch vụ công cộng: Ưu tiên tại khu vực trung tâm đô thị phía Nam sông Hương, gần các điểm giao nhau của tuyến đường sắt đô thị với trung tâm thương mại dịch vụ. Vị trí, quy mô công trình ngầm được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

*** Quản lý**

- Quản lý và khai thác không gian ngầm theo hướng quy hoạch tích hợp: dọc các trục giao thông khai thác thương mại dịch vụ, các khu vực dự kiến xây dựng các công trình công cộng ngầm, công trình đầu mối kỹ thuật, định hướng loại móng công trình, độ sâu và khoảng không gian đảm bảo việc kết nối với hệ thống giao thông công cộng ngầm sẽ được xây dựng; qua đó, giảm áp lực vận tải trên mặt đất, tạo nên không gian đô thị thống nhất hài hòa, liên kết chặt chẽ giữa tầng cao, tầng mặt đất và tầng ngầm, đồng bộ, hiện đại, tiện nghi,...

- Các tuyến đường phố mới xây dựng hoặc cải tạo, mở rộng khu vực trung tâm cần đầu tư xây dựng các công trình cống, hộp kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật để bố trí, lắp đặt các đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các đô thị cũ, đô thị cải tạo phải có kế hoạch đầu tư xây dựng cống, hộp kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật để từng bước hạ ngầm đường dây, cáp nổi theo quy định.

- Khuyến khích hình thành các công trình cao tầng, trung tâm thương mại, dịch vụ công cộng lớn (có tầng hầm) nhằm hình thành các tổ hợp công trình ngầm đa năng, bao gồm: trung tâm thương mại, nhà hàng, siêu thị, bãi đỗ xe, các công trình văn hóa, vui chơi, giải trí,... góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị nhưng vẫn đảm bảo hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan lịch sử văn hóa của khu vực trung tâm.

- Hạn chế xây dựng công trình dân dụng ngầm tại Khu vực Kinh thành, khu vực bảo vệ I các di tích cấp quốc gia, khu vực có di chỉ khảo cổ, khu vực có công trình quốc phòng và an ninh.

- Không khuyến khích bố trí bãi đỗ xe ngầm công cộng ven sông Hương do điều kiện thủy văn tại khu vực đô thị trung tâm không thuận lợi. Phân ngầm các công trình dịch vụ, thương mại, khách sạn cao tầng khuyến khích bố trí làm điểm đỗ xe tự thân theo mô hình ngầm.

- Đối với các khu đô thị cũ cải tạo chỉnh trang: cải tạo hạ tầng ngầm tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi. Từng bước xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bê cấp; Đối với các khu chức năng và khu vực phát triển mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính; Các tuynel chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho người hoặc máy móc đi lại vận hành và sửa chữa; Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực. Các tuyến cống bê cấp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

9.11. Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khu vực cấm xây dựng, hành lang bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật

Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng

- Các tuyến giao thông, các nút giao được thể hiện ở đồ án quy hoạch chung mang tính định hướng về tính kết nối. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng được xác định cụ thể trong giai đoạn lập đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết hoặc theo từng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng tuyến đường cụ thể.

- Đối với các tuyến đường giao thông đối ngoại hạn chế việc xây dựng công trình, hoạt động giao thông đầu nối trực tiếp với các tuyến đường.

- Khuyến khích việc xây dựng cải tạo đô thị và xây dựng mới theo chỉ giới xây dựng thống nhất theo từng tuyến đường, tuyến phố, tạo bề mặt đô thị thống nhất.

- Đối các tuyến đường ven biển: Kết hợp vỉa hè và khoảng lùi công trình (từ 6 - 10m so với chỉ giới đường đỏ) để bổ sung lớp cây xanh cảnh quan đô thị.

- Triển khai tổ chức nghiên cứu lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị và chỉ dẫn cụ thể về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và cách khai thác sử dụng khoảng lùi xây dựng của từng tuyến đường cụ thể, làm cơ sở cho công tác quản lý, cấp phép xây dựng.

Quy định về khu vực cấm xây dựng

- Các khu vực đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo tồn di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang bảo vệ các tuyến, công trình hạ tầng, ... thực hiện cấm xây dựng theo các quy định pháp luật có liên quan.

- Quy hoạch phân khu xác định cụ thể ranh giới, quy mô các khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng làm cơ sở cụ thể cho công tác quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Quy định về hành lang bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật

- Hành lang bảo vệ đê điều, sông suối, nguồn nước, hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, tuyến điện và các hành lang an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

9.12. Quy định về môi trường

Định hướng giảm thiểu ô nhiễm môi trường

- Di chuyển các cơ sở sản xuất, kho tàng, cảng, bến bãi ra khỏi nội đô dành đất cho công viên cây xanh, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị. Chuyển đổi công nghiệp cũ sang công nghiệp xanh, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành và kiểm soát phát triển vành đai công nghiệp xung quanh thành phố. Thiết lập hệ thống giao thông đối ngoại không cắt qua khu vực đô thị, xây dựng hệ thống giao thông công cộng hiện đại, thân thiện với môi trường. Phát triển mạng lưới quan trắc môi trường thông minh.

- Hình thành mạng lưới không gian xanh phân bố đồng đều trên khắp địa bàn thành phố, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái biển đảo, rừng ngập mặn, hành lang sinh thái ven sông tăng sức chịu tải môi trường. Xây dựng hệ thống hạ tầng xanh đô thị, tách nước thải với nước mưa. Áp dụng công nghệ mới để xử lý nước thải và rác thải. Ứng dụng công nghệ 4.0 để giảm thiểu rủi ro trong quản lý đô thị. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo các trong hoạt động của đô thị và nông thôn. Kiểm soát các dự án và công trình xây dựng trên biển.

Phân vùng kiểm soát môi trường

- Khu vực phát triển đô thị: (i) Đối với trung tâm đô thị hiện hữu và khu vực mở rộng của đô thị lõi cần phục hồi chất lượng môi trường thông qua cải tạo, hoàn thiện và

giảm áp lực lên hệ thống hạ tầng; kiểm soát giao thông cơ giới nhằm hạn chế ô nhiễm không khí, tiếng ồn; bổ sung hệ thống cây xanh cảnh quan hiện hữu trong các khu dân cư hiện hữu. Cải tạo, phục hồi hành lang xanh dọc sông Hương, các sông nhánh và hồ trong đô thị. Tái thiết các khu vực phát triển cũ, xuống cấp theo hướng hiện đại, dành quỹ đất xây dựng công viên cây xanh, hạ tầng xã hội và phát triển đô thị. (ii) Đối với các khu phát triển đô thị mới cần kiểm soát ô nhiễm môi trường trong phát triển đô thị, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn. Áp dụng đồng bộ các giải pháp hạ tầng xanh, thoát nước bền vững ứng phó với ngập lụt đô thị và biến đổi khí hậu. Phát triển các giải pháp hiệu quả năng lượng, kinh tế đô thị tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên;

- Khu vực phát triển công nghiệp, cụm cảng, logistics: Phát triển công nghiệp xanh, công nghệ cao, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm tài nguyên. Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm do hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ cảng thông qua hệ thống quan trắc, kế hoạch ứng phó sự cố do tác động của hoạt động hàng hải và công nghiệp. Phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường thông qua không gian xanh cách ly, hồ điều hòa trong các khu công nghiệp, hạn chế ảnh hưởng tới chất lượng nước cửa sông, ven biển;

- Các khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai, Vườn quốc gia Bạch Mã, Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, Khu bảo tồn Sao La; Khu vực đa dạng sinh học cao vùng Hải Vân - Sơn Chà...: Duy trì, phục hồi đa dạng sinh học thông qua bảo tồn, phát triển rừng, tăng cường sức chịu tải, khả năng tự làm sạch môi trường, năng lực ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu. Kiểm soát hoạt động phát triển du lịch không gây ảnh hưởng tới cảnh quan và chất lượng môi trường;

- Kiểm soát hoạt động tại các khu vực bảo vệ nguồn cấp nước sạch. Triển khai cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác và phòng ngừa, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất. Xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

9.13. Quy định xây dựng đợt đầu và các dự án ưu tiên

Quy hoạch xây dựng đợt đầu

Các dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với danh mục được xác định trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023. Trong giai đoạn đầu ưu tiên Chương trình phát triển đô thị; lập khu vực phát triển đô thị; kế hoạch phát triển đô thị; lập quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu cho khu vực đô thị trung tâm, quy hoạch nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng các chương trình, dự án đề cải thiện chất lượng môi trường đô thị - nông thôn và công trình hạ tầng liên vùng. Cụ thể:

- Khu vực đô thị trung tâm:

- + Quận phía Bắc sông Hương: Đầu tư, hoàn thiện khu trung tâm hành chính tập trung, phát triển các khu đô thị mới phục vụ di dân và hình thành trung tâm đô thị; tiếp tục di dời dân cư khu vực Kinh thành đảm bảo yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế; bảo tồn, chỉnh trang Khu Kinh Thanh, khu phố Gia Hội - Chi Lăng, khu nhà vườn Phú Mộng. Cải tạo hệ thống sông hồ, chỉnh trang đô thị, tái cơ cấu lại các không gian công cộng;

+ Quận phía Nam sông Hương: Đầu tư phát triển du lịch, đô thị biển tại Thuận An, Hải Dương; hoàn thiện các chức năng của khu vực đô thị mới An Vân Dương và hệ thống hạ tầng kết nối; chỉnh trang khu đô thị trung tâm; xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung và các khu chức năng về dịch vụ, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ;

+ Quận Hương Thủy: Đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng các tiêu chí đô thị loại I. Hoàn thành đường Tố Hữu kéo dài, các trục chính đô thị khác, thu hút đầu tư phát triển đô thị từ Thủy Dương tới Phú Bài. Hoàn thiện khu công nghiệp Phú Bài, phát triển khu quần thể sân gôn - Làng du lịch sinh thái phong cảnh Việt Nam;

+ Quận Hương Trà: Hoàn thành các khu đô thị và khu công nghiệp Tứ Hạ. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đạt tiêu chí của đô thị loại III, hướng đến theo tiêu chí đô thị loại I.

- Đô thị Phong Điền: Đầu tư phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng và mở rộng khu công nghiệp Phong Điền để thu hút dân cư, lao động; hình thành khu vực công nghiệp dầu khí và cảng Phong Điền; phát triển khu du lịch biển từ Điền Môn đến Điền Hòa, phát triển khu du lịch Thanh Tân;

- Đô thị Chân Mây: Triển khai đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp tại Khu kinh tế; đầu tư mở rộng và hoàn thiện cảng Chân Mây; thu hút các khu vực du lịch có giá trị của Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương; đầu tư khu vực đô thị đạt tiêu chí đô thị loại III;

- Các đô thị khác: Đầu tư hạ tầng để mở rộng và nâng cấp các thị trấn, đô thị loại V thuộc huyện đáp ứng tiêu chí của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về phân loại đô thị;

- Khu vực nông thôn: Hoàn thành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu với hệ thống hạ tầng đồng bộ tiệm cận tiêu chí đô thị. Chuyển đổi mô hình nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Quỹ đất dự trữ phát triển tại các khu vực dự kiến lên quận, thành phố, thị xã, thị trấn được quy hoạch xây dựng các khu chức năng đô thị trong đồ án quy hoạch cấp dưới đáp ứng các tiêu chí Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Quỹ đất dự trữ phát triển nông thôn được quy hoạch xây dựng khu nhà ở xã hội, tái định cư, khu dân cư nông thôn mới gắn với các khu vực du lịch, thương mại, dịch vụ, logistics thúc đẩy kinh tế địa phương. Khi thực hiện cần tuân thủ các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị.

Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư

a) Tiêu chí lựa chọn

Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn tỉnh; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh, có tính khả thi; đồng bộ với các dự án đã được xác định trong quy hoạch cấp cao hơn;

- Đảm bảo về quy mô vốn đầu tư, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự và năng lực tài chính;

- Ưu tiên thu hút đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động qua đào tạo. Việc thẩm định dự án phải xem xét đến hiệu suất sử dụng lao động;

- Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội trên các mặt: Đóng góp cho ngân sách, hiệu quả sử dụng đất, lao động, hạn chế các tác động tiêu cực;

- Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, ít tác động xấu tới môi trường và phù hợp định hướng phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế; theo quy định pháp luật;

- Bảo tồn, giữ vững giá trị lịch sử, di sản văn hóa của địa phương;

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;

Ngoài ra, có thể xem xét các nhóm tiêu chí khác theo tính chất từng dự án và thời điểm lập dự án ưu tiên đầu tư.

b) Các chương trình, dự án động lực ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu:

- Danh mục dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu đến 2030 tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã được phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg .

- Trong giai đoạn đầu ưu tiên các chương trình, dự án để nâng cao năng lực kinh tế - xã hội cho đô thị, góp phần cải thiện chất lượng môi trường đô thị - nông thôn và tăng cường công trình hạ tầng liên vùng. Cụ thể:

+ Các dự án mang tính động lực hoặc liên vùng, phù hợp với chiến lược phát triển không gian:

. Nâng cấp, hoàn thiện đường bộ cao tốc qua địa phận Thừa Thiên Huế, mở rộng 4-6 làn xe chạy và bổ sung hoàn thiện các nút giao với các đô thị gồm nút giao Phong Điền, Tứ Hạ, Huế, Phú Bài, La Sơn, Khe Tre.

. Phát triển đường sắt tốc độ cao qua Huế, hình thành mô hình Ga đường sắt và TOD theo các khu vực ga tại Phong Điền, Huế và Chân Mây.

. Xây dựng tuyến quốc lộ 49E (tỉnh lộ 71) và quốc lộ 49F (tỉnh lộ 74) kết nối Đông – Tây;

. Xây dựng tuyến đường tốc độ cao kết nối đường cao tốc tại nút giao La Sơn tới khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và ra cảng Chân Mây;

. Hoàn thiện tuyến đường ven biển kết nối các khu vực phát triển đô thị cùng các khu chức năng khác từ Điền Hương tới Chân Mây – Lăng Cô;

. Hình thành, hoàn thiện hệ thống đường vành đai cho khu vực đô thị trung tâm để kết nối các trung tâm đô thị và các khu chức năng;

. Mở rộng cảng hàng không Phú Bài, tiến đến nâng công suất cả hàng hóa và hành khách thông qua cảng;

. Tiếp tục đầu tư các bến, đê chắn sóng cho cảng Chân Mây để tiếp nhận tàu hàng lỏng, hàng rời, hàng container; bến du lịch, các bến chuyên dụng và hình thành các khu vực dịch vụ hậu cảng;

. Phát triển thêm các bến cảng tại Phong Điền, Thuận An cho hành khách, các sản phẩm chuyên biệt như dầu khí,...

. Hình thành khu vực đô thị trung tâm hạt nhân, các trục kinh tế du lịch nghỉ dưỡng ven biển và các vùng công nghiệp ở khu vực ngoại vi.

. Các dự án phát triển dịch vụ, khách sạn, giải trí, nghỉ dưỡng ở khu vực đô thị trung tâm và các khu vực khác; Tái hiện các hoạt động văn hóa có giá trị;

. Xây dựng khung hạ tầng đô thị theo hướng đô thị thông minh và thích ứng biến đổi khí hậu.

. Bố trí, thu hút đầu tư từ các nguồn cho các không gian cụ thể của 04 chức năng điển hình mang tính đặc trưng của Huế là Văn hóa – Y tế - Giáo Dục – Khoa học công nghệ;

. Nạo vét khơi thông dòng chảy thoát lũ sông Hương, khơi thông các tuyến sông Phở Lợi, sông Như Ý 1, sông Như Ý 2, sông An Cựu, sông Lợi Nông, sông Vực, nhằm thoát nước nhanh cho khu vực đô thị trung tâm; Đối với khu vực Quảng Điền, Hương Trà: Tính toán hệ thống kênh thoát nước sông Bồ, sông Hương thoát về cửa biển.

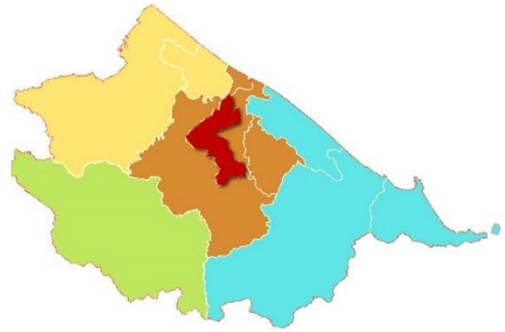
PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Quản lý phát triển phát triển khu vực quận phía Bắc sông Hương

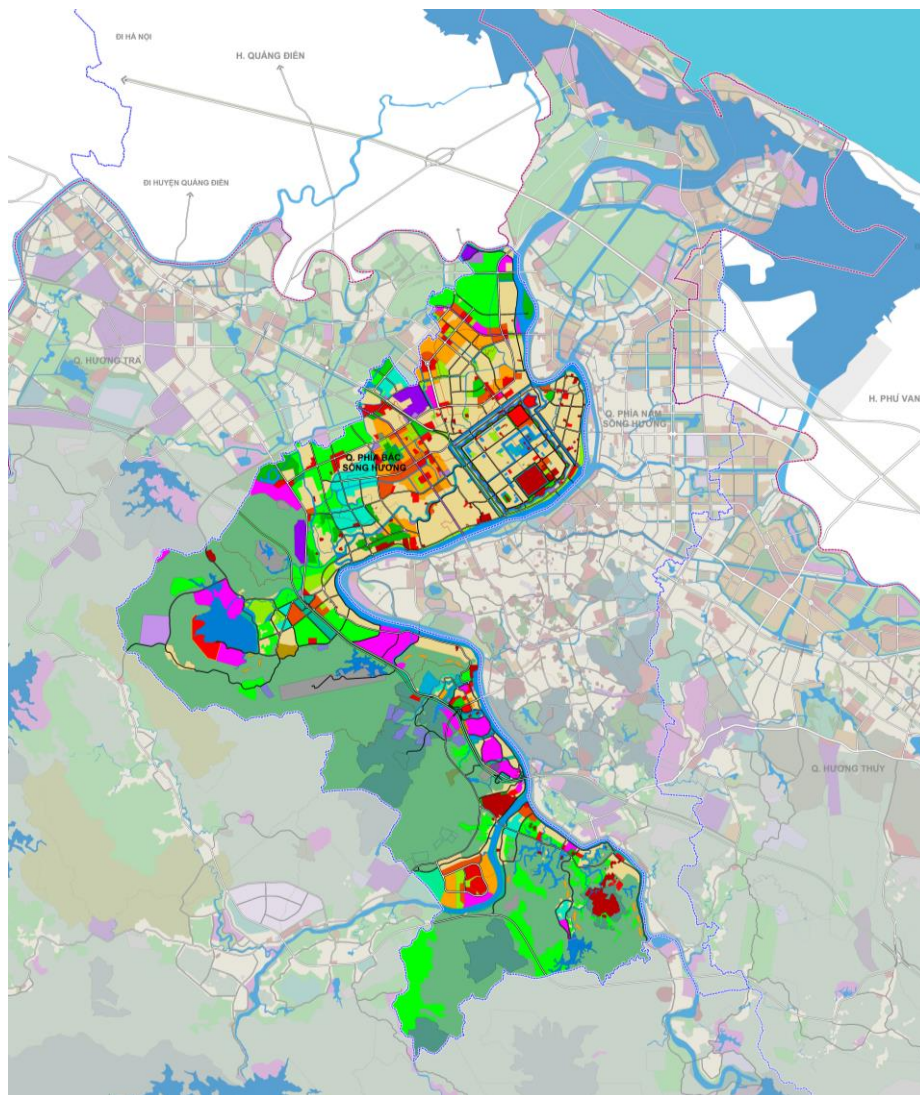
1.1. Quy định về quy mô

Phạm vi hành chính đề xuất: gồm các phường Đông Ba, Gia Hội, Thuận Lộc, Tây Lộc, Thuận Hòa, Phú Hậu, Hương Vinh, Hương Sơ, An Hòa, Hương Long, Hương An, Hương Hồ, Kim Long (Nhập xã Hương Thọ và phường Hương Hồ thành phường mới).

Phạm vi hành chính cụ thể sẽ được thực hiện trong đề án thành lập quận, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Hình 7: Sơ đồ vị trí quận phía Bắc sông Hương



Hình 8: Quy hoạch sử dụng đất khu vực quận phía Bắc sông Hương

1.2. Nội dung quản lý

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng chính	Là trung tâm di sản văn hóa thế giới quần thể di tích cố đô Huế; trung tâm tổ chức Festival cấp quốc gia và mang tầm quốc tế; là khu vực đô thị hiện hữu mở rộng gắn với hoạt động văn hóa, kinh tế, dịch vụ và du lịch.
Quy mô	- Diện tích tự nhiên: 12.705 ha - Diện tích đất xây dựng: khoảng 4.400 ha. - Dân số đến năm 2030 khoảng 280.000 người; đến năm 2045 khoảng 310.000 - 350.000 người;
Định hướng chính	- Đạt tiêu chí đô thị loại I có tính đặc thù. - Khu vực Kinh thành Huế, khu vực phố cổ Bao Vinh, làng Kim Long, khu Gia Hội – chợ Dinh, các khu vực di tích thực hiện theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi quần thể di tích Cố đô Huế, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. - Đối với khu vực hiện hữu: Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, duy trì mô hình kiến trúc nhà ở truyền thống; bổ sung, nâng cấp, cải tạo công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Phát triển hệ thống nhà hát phục vụ phát triển nghệ thuật ca kịch Huế, nghệ thuật truyền thống cung đình Huế; bổ sung thiết chế Nhà thiếu nhi cho Quận phía Bắc tại khu vực tiếp giáp như Hương Long, An Hòa, ... - Ưu tiên chỉnh trang cảnh quan các tuyến phố, hệ thống kênh, các khu vực không gian mở để tăng cường hoạt động ngoài trời và không gian cho hoạt động văn hóa lễ hội. Khu vực phát triển mới tại An Hòa, Hương Vinh, Hương Sơ được định hướng nhà ở thấp tầng, giữ không gian xanh và mặt nước; khu vực Hương Long, An Hòa, Hương Sơ định hướng là đô thị mới với trung tâm hành chính quận; khu vực Hương Hồ, Hương An được đô thị hóa, bổ sung các chức năng du lịch ven sông Hương, phát triển cụm công nghiệp Hương An. - Đối với khu vực phát triển mới: Tiếp tục hình thành các khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp, khu thương mại dịch vụ mang đậm bản sắc văn hóa; xây dựng Trung tâm biểu diễn nghệ thuật Huế đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, Trung tâm pháp y tâm thần miền Trung; Bố trí Trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa và y tế dự phòng cấp vùng. Kiểm soát mật độ dân cư, không gian lân cận di tích, tăng cường các bãi đỗ xe và giao thông công cộng. - Công trình kiến trúc đặc biệt: Bảo tồn các công trình kiến trúc, bảo vệ giá trị và ngôn ngữ kiến trúc, phù hợp với không gian và cảnh quan trong khu vực. Điều tra, khảo sát, đánh giá đối với các công trình kiến trúc nhằm có định hướng quản lý, cải tạo, xây dựng phù hợp yêu cầu của địa phương.
Chiều cao công trình	- Tầng cao trung bình nhà ở: 3 - 5 tầng; - Khu vực Kinh thành Huế: Tầng cao tối đa 3 tầng (11m). - Tầng cao trung bình công trình thương mại, dịch vụ, hỗn hợp: 5 - 10 tầng.

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Tầng cao tối đa: 25 tầng (Tại các khu vực điểm nhấn phải xem xét trong quy hoạch cấp dưới và thiết kế đô thị riêng); - Với khu vực tiếp giáp bờ sông Hương (Đường Lê Duẩn, Trần Hưng Đạo): Không xây dựng công trình cao quá 4 tầng (18m) và tuân thủ theo quy định quản lý theo quy hoạch Kinh thành Huế. - Hạn chế các công trình cao tầng tại các khu trung tâm khi không đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật đô thị, giảm áp lực về dân số khu vực. - Tầng cao công trình phải phù hợp với đặc điểm địa hình từng khu vực, không làm cản trở, che chắn các điểm nhìn cảnh quan đẹp. - Một số điểm nhấn chính được thể hiện thông qua hệ thống bản vẽ đính kèm theo hồ sơ đồ án Quy hoạch chung. Điểm nhấn ở các vị trí khác được cụ thể bằng việc đề xuất xây dựng công trình hoặc cụm công trình kiến trúc, hoặc không gian kiến trúc cảnh quan tại các quy hoạch cấp dưới.
Mật độ xây dựng	- Mật độ xây dựng phù hợp với chức năng công trình, tầng cao công trình và diện tích lô đất và tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng. - Khuyến khích mật độ trung bình và thấp, dành không gian bố trí bãi đỗ xe và cây xanh, sân vườn. - Hạn chế xây dựng mật độ cao đối với khu vực trong Kinh Thành, các khu vực Kim Long, Hương An- Hương Thọ, Hương Vinh; Kiểm soát mật độ các khu dân cư ven Kinh thành, dành diện tích cho cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng.
Hạ tầng xã hội	- Công sở: Xây mới Trung tâm hành chính, chính trị cấp quận, tập trung khối các cơ quan sự nghiệp công lập trên địa bàn. Chuyển đổi các cơ sở phân tán sau khi di dời sang công cộng, thương mại dịch vụ đô thị. - Thương mại: Phát triển hệ thống thương mại đa dạng gồm trung tâm thương mại, phố đi bộ, chợ truyền thống để phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại của đô thị và khách du lịch. - Văn hóa: Phát triển các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng. Bổ sung công trình văn hóa mới theo quy hoạch chuyên ngành. - Y tế: Hoàn thiện các bệnh viện, trung tâm y tế tại khu vực để phục vụ người dân và du khách. - Giáo dục: Bổ sung và hoàn thiện các cơ sở giáo dục tại các đơn vị ở theo quy định và quy hoạch được duyệt. - Tiếp tục duy trì cụm công nghiệp An Hòa đến hết thời hạn thuê đất, xây dựng mới cụm công nghiệp Hương An, phường Hương An; Phát triển khu công nghệ cao tại Hương Hồ.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. - Giao thông: Hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị hiện có; xây dựng các tuyến kết nối đô thị với hệ thống giao thông đối ngoại, quy mô tuyến chính tối thiểu 4 làn xe; Thiết lập hệ thống đường vành đai 1; vành đai 2 nhằm kiểm soát phương tiện vào khu vực trung tâm và điều phối dòng giao thông quá cảnh qua đô thị; Xây dựng tuyến

Hạng mục	Quy định quản lý
	đường gom dọc đường tránh đi qua đô thị. Quy mô tuyến đường đô thị tối thiểu 2 làn xe; xây dựng các bến, tuyến thủy du lịch; bố trí quỹ đất xây dựng các bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực phát triển mới. Xây dựng hệ thống cầu kết nối hai bờ sông Hương. Đảm bảo hành lang bảo vệ tuyến đường sắt đô thị. - Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố các bờ sông, hói 5 xã, hói 7 xã... - Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Mở rộng, xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông Hương, sông Bồ, sông Ngự Hà. - Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 75.000 m³/ngđ, 2045 là 85.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính từ Sông Hương. Được cấp nước từ NMN Quảng Tế, NMN Vạn Niên. - Cấp điện: Đảm bảo hành lang các tuyến điện cao thế hiện hữu các tuyến điện cao thế xây dựng mới khuyến khích xây dựng ngầm. Ngầm hóa các toàn bộ các tuyến điện trung thế và hạ thế khu vực dân cư, trung tâm hành chính, trung tâm dịch vụ thương mại, khu vực du lịch... Các khu vực khác như các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thể sử dụng đường dây nổi, sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh tiết kiệm điện, bố trí chiếu sáng trang trí mỹ thuật cho các tuyến đường chính, khu vực công viên quảng trường và các công trình công cộng. Không khuyến khích các dự án điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối lớn trong khu vực. Khuyến khích sử dụng các công trình năng lượng tái tạo nhỏ lắp đặt trên các nhà cao tầng để tiết kiệm điện năng. - Hạ tầng thông tin truyền thông: Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn đô thị. Ưu tiên xây dựng các trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn đô thị. Ưu tiên bố trí không gian, mặt bằng tại các tòa nhà cao tầng ở khu đô thị để xây dựng trạm BTS. Đầu tư xây dựng hạ tầng công bề ngầm tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại các đô thị để thực hiện ngầm hoá. - Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo giai đoạn 2 của dự án cải thiện môi trường nước thành phố Huế. Mở rộng phạm vi phục vụ toàn bộ từ khu vực phía Nam đường sắt cao tốc đến phía Bắc đường bộ cao tốc thuộc phường Hương Hồ. Xây dựng nhà máy XLNT tập trung tại khu vực phía Bắc phường Hương Vinh; công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 65.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 55.000 m³/ngđ); dự phòng quỹ đất phát triển nhà máy XLNT với quy mô khoảng 120.000

Hạng mục	Quy định quản lý
	m³/ngđ cho giai đoạn dài hạn. Đối với khu vực phía Nam đường cao tốc thuộc phường Hương Thọ, Hương Hồ xây dựng các nhà máy XLNT riêng công suất khoảng 1.000 – 5.000 m³/ngđ. Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. - Thu gom, quản lý CTR: CTR sau khi thu gom tập trung xử lý tại khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn, thị xã Hương Thủy. - Quản lý nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang nhân dân phía Bắc tại phường Hương Hồ, mở rộng giai đoạn 3 với quy mô khoảng 20ha (dự kiến bố trí khoảng 30.000 ô mộ các loại), tiếp tục nghiên cứu mở rộng với tổng quy mô khoảng 80-100 ha để phục vụ nhu cầu tương lai; Công viên nghĩa trang Hương An Viên tại phường Hương An, quy mô khoảng 50 ha kết hợp đài hỏa táng; - Gìn giữ, tăng cường hệ thống cây xanh, phát triển cây xanh đường phố để cải thiện môi trường.
Khuyến khích	- Về kiến trúc và cảnh quan: Các hoạt động xây dựng mới phải tăng cường chất lượng cảnh quan, bảo tồn tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc... Tăng thêm các không gian phục vụ đối ngoại - Phát triển hệ thống vườn hoa, trồng cây cảnh để phục vụ hoạt động đô thị và tạo cảnh quan đô thị. - Bảo vệ và phát triển thảm thực vật hiện trạng. - Bảo vệ các điểm nhìn trong không gian Kinh thành và các khu vực quản lý kiểm soát về xây dựng lân cận Kinh thành.
Nghiêm cấm	- Thay đổi, phá vỡ quy mô, tính chất, không gian cảnh quan, làm ảnh hưởng các giá trị di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc, nghệ thuật đã được xếp hạng. - Chuyển đổi chức năng sử dụng, thay đổi về quy mô cấu trúc và hình thức các công trình có giá trị mà không có sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền. - Bố trí biển quảng cáo tại các công sở nhà nước, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình có quy định cấm quảng cáo khác,... - Sử dụng các phương tiện giao thông trọng tải lớn gây tiếng ồn, vệ sinh môi trường, cảnh quan trừ các phương tiện chuyên dụng (PCCC, cứu thương, ANQP,...). - Hoạt động sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm; - San lấp ảnh hưởng tới lưu vực tiêu thoát nước của khu vực thành phố. - Xả chung nước thải với nước mưa ra môi trường không qua xử lý.
Quy định khác	- Trường hợp các công trình đặc biệt liên quan đến chính trị, an ninh quốc phòng mà buộc phải xây dựng cao tầng hơn quy định phải có thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo kiến trúc hài hòa với không gian chung của khu vực.

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Các công trình xây dựng mới theo nhu cầu trong khu vực đã được xác định là khu di tích phải trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quy mô, vị trí, kiến trúc công trình không, lấn át không gian, làm ảnh hưởng đến công trình kiến trúc chủ đạo trong khuôn viên. - Hệ số sử dụng đất tối đa (10 lần); đối với các công trình điểm nhấn, có giá trị đặc biệt về kiến trúc (<13 lần). - Các công trình nằm trong vùng bảo tồn, công trình di tích văn hóa lịch sử đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của Luật Di sản Văn hóa

1.3. Tổ chức thực hiện

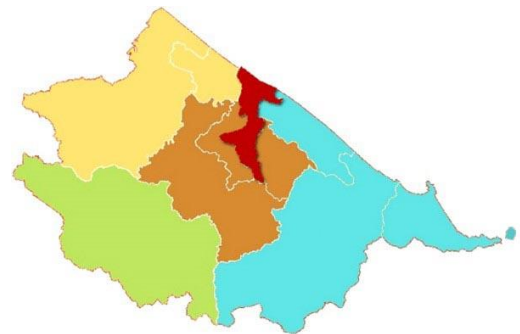
Rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã và đang thực hiện nếu không phù hợp với đồ án quy hoạch chung này, làm cơ sở triển khai các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư trên địa bàn khu vực lập quy hoạch.

2. Quản lý phát triển phát triển khu vực quận phía Nam sông Hương

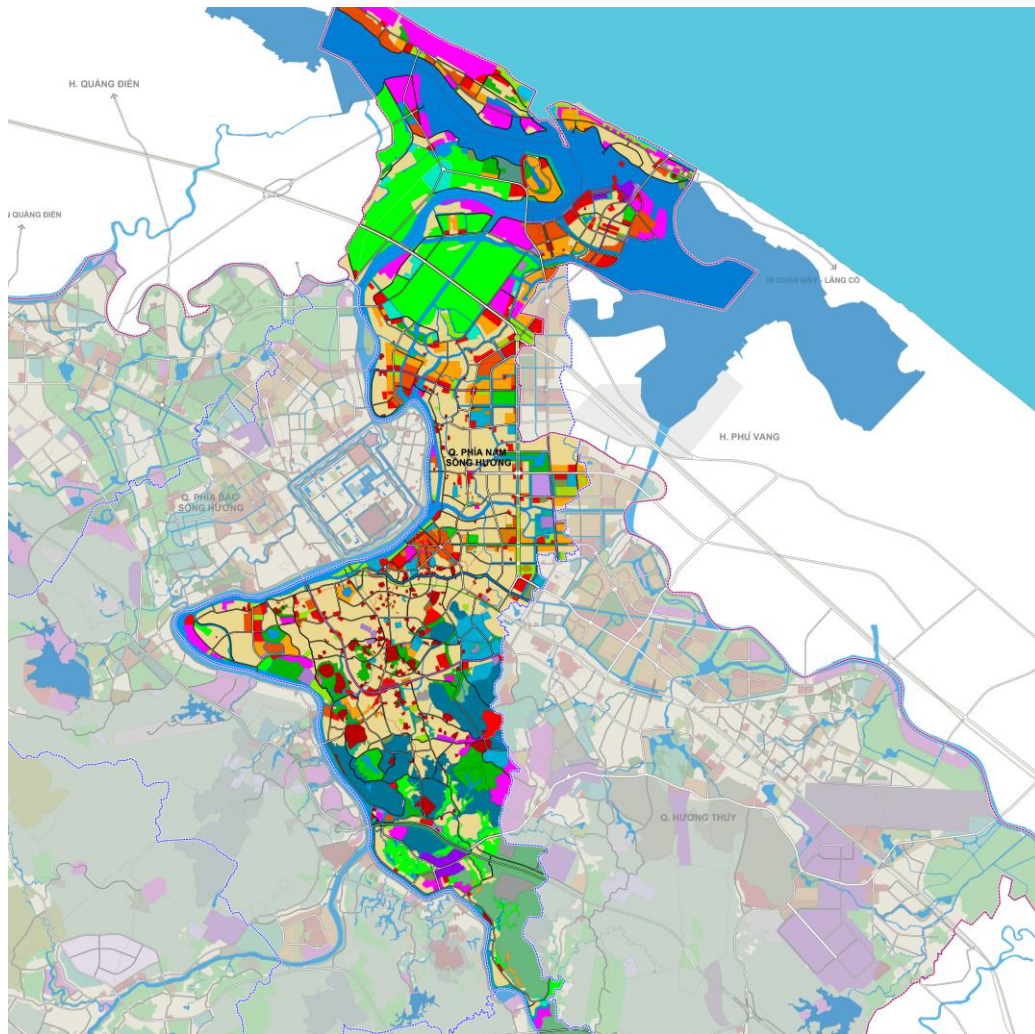
2.1. Quy định về quy mô

Phạm vi hành chính đề xuất gồm: Các phường Phú Hội, Phú Nhuận, Vĩnh Ninh, Phường Đức, Thủy Xuân, Trường An, Phước Vĩnh, An Cựu, An Đông, An Tây, Xuân Phú, Vỹ Dạ, Thủy Vân, Phú Thượng, Phú Dương, Thuận An, Hương Phong, Thủy Bằng, Thủy Biều (Nhập xã Hải Dương và phường Thuận An thành phường mới; Thành lập phường Phú Dương trên cơ sở địa giới hành chính 03 xã Phú Thanh, Phú Mậu, Phú Dương; Thành lập phường Thủy Bằng trên cơ sở địa giới hành chính xã Thủy Bằng; Thành lập phường Hương Phong trên cơ sở địa giới hành chính xã Hương Phong).

Phạm vi và tổ chức hành chính cụ thể sẽ được thực hiện trong đề án thành lập quận, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Hình 9: Sơ đồ vị trí quận phía Nam sông Hương



Hình 10: Quy hoạch sử dụng đất khu vực quận phía Nam sông Hương

2.2. Nội dung quản lý

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Tính chất: Là trung tâm hành chính - chính trị toàn đô thị, đẩy mạnh phát triển đô thị mới; trung tâm văn hóa, di sản, dịch vụ, du lịch, thương mại, tài chính, y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ cấp quốc gia và quốc tế.
Quy mô	- Diện tích tự nhiên: khoảng 139.941 ha; - Diện tích đất xây dựng: 6.500 ha; - Dân số đến năm 2030 khoảng 330.000 người; đến năm 2045 khoảng 370.000 - 410.000 người.
Định hướng chính	- Đạt tiêu chí đô thị loại I có tính đặc thù - Đối với nhóm các di tích như Đàn Nam Giao và hệ thống lăng tẩm, nhà thờ Phủ Cam, khu phố cũ với công trình kiến trúc Pháp có giá trị, làng nghề truyền thống, nhà vườn truyền thống, các ngôi chùa, đình miếu có giá trị được quản lý và bảo tồn theo quy định, kiểm soát không gian xây dựng kề cận đảm bảo hài hòa với di tích. - Đối với khu vực hiện hữu: Xây dựng, hoàn thiện trung tâm hành chính - chính trị cấp đô thị (khu A - An Vân Dương); Chính trang đô thị khu vực Công an tỉnh (hiện hữu) đường Trần Cao Vân, khu vực

Hạng mục	Quy định quản lý
	Ngã Sáu - Nhà văn hóa Trung tâm Tỉnh; Xây dựng, hoàn thiện trung tâm hành chính – chính trị cấp đô thị; cải tạo nâng cấp khu đại học Huế theo mô hình Đại học quốc gia; Bệnh viện Trung ương Huế đạt tiêu chuẩn quốc tế; Nâng cấp các công trình thiết chế văn hóa, thể thao như Thư viện tổng hợp Thừa Thiên, sân vận động Tự do, khu thể thao mới của Huế; Chinh trang khu các dân cư hiện hữu, bổ sung dịch vụ, công cộng, tiện ích, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Cải tạo nâng cấp khu đại học Huế theo mô hình Đại học quốc gia; Bệnh viện Trung ương Huế đạt tiêu chuẩn quốc tế; Nâng cấp các công trình thiết chế văn hóa, thể thao như Thư viện, sân vận động Tự do, các nhà văn hóa, sân thể thao...; Chinh trang các khu dân cư hiện hữu, bổ sung dịch vụ, công cộng, tiện ích, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Nhà thiếu nhi Huế hiện hữu: được tiếp tục sử dụng, để phục vụ nhu cầu vui chơi, sinh hoạt cho các cháu, khi có điều kiện di dời về phía khu đô thị An Vân Dương nhằm đảm bảo quy mô khoảng 3ha. - Đối với khu vực phát triển mới: Gắn kết với ga đường sắt tốc độ cao theo mô hình TOD tại khu vực Phú Mỹ (Phú Vang); Hoàn thiện khu vực phát triển đô thị mới An Vân Dương; Bố trí các công trình công cộng, thương mại dọc tuyến đường chính, Trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa và y tế dự phòng cấp vùng; Hoàn thiện Làng đại học Huế, Công viên công nghệ Huế; - Xây dựng cụm công nghiệp Thủy Bằng, phường Thủy Bằng; - Phát triển hạ tầng phục vụ du lịch biển tại Thuận An, Hải Dương, hình thành thêm các khu vực nghỉ dưỡng, dịch vụ theo đầm phá và cảnh quan sông Hương; Phát triển, mở rộng khu bến Thuận An, bố trí các công trình phụ trợ và hoàn thiện khung hạ tầng kỹ thuật. - Bố trí công trình trong các khu vực đồi, núi phải đảm bảo hòa hợp với thiên nhiên, hạn chế san gạt địa hình, có giải pháp chống sạt lở. Các không gian thực vật, thảm xanh như đồi thông được phép bố trí công trình dân dụng nhưng phải đảm bảo tiêu chí cảnh quan và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.
Chiều cao công trình	- Tầng cao trung bình nhà ở: 4 - 6 tầng; - Tầng cao trung bình công trình dịch vụ, thương mại hỗn hợp: 5-10 tầng. Khuyến khích xây dựng công trình cao tầng, hợp khối tại khu vực này. - Tầng cao tối đa: 45 tầng (trừ các khu vực nằm trong vành đai 1 được phép tối đa 25 tầng); Các khu vực điểm nhấn được xem xét riêng về tầng cao theo quy hoạch cấp dưới; - Với khu vực tiếp giáp bờ sông Hương: Không chế tối đa 12 tầng tại các điểm nhấn cục bộ, không làm che chắn tầm nhìn từ cột cờ Ngọ Môn đến núi Ngự Bình; không bố trí mới công trình cao tầng đoạn tiếp giáp sông Hương từ cầu Dã Viên đến cầu Trường Tiền, không che chắn tầm nhìn từ trong đô thị ra sông Hương và các công trình kiến trúc có giá trị của quần thể di tích Cố đô Huế. - Quản lý chặt chẽ về không gian, kiến trúc, tầng cao dọc các sông Hương, sông An Cựu, Sông Như ý..., các trục đường trung tâm đô

Hạng mục	Quy định quản lý
	thị như Lê Lợi, Hùng Vương, Phan Chu Trinh, Điện Biên Phủ... Các khu vực được xác định là điểm nhấn đô thị cần được xác định rõ về chức năng sử dụng, định hướng rõ về quy mô, hình thái kiến trúc tại các Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để quản lý, xây dựng và kêu gọi đầu tư. - Đối với trục đường Lê Lợi, Hùng Vương, Nguyễn Huệ: khuyến khích tổ chức thực hiện Thiết kế đô thị riêng, thi tuyển phương án kiến trúc theo quy mô các công trình theo quy định. Trong đó, xác định công trình điểm nhấn là Khu vực Khách sạn Hương Giang và khách sạn Century Riverside tầng cao xây dựng không quá 12 tầng; đoạn từ cầu Phú Xuân đến cầu Trường Tiền, các khối mặt tiền đường Lê Lợi có tầng cao tối đa 5 tầng, mặt sau tối đa 9 tầng. - Bờ sông Hương đoạn từ cầu trường Tiền về Đập Đá cho phép bố trí một số công trình nhà dịch vụ (nhà nổi trên nước) theo hướng không cố định, không cản trở dòng chảy, kiến trúc đẹp để tạo điểm nhấn. - Bố trí một số công trình cao tầng làm điểm nhấn dọc trục đường vành đai 3, các khu trung tâm hành chính Quận theo quy hoạch cấp dưới. - Hạn chế các công trình cao tầng tại các khu trung tâm khi không đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật đô thị, gây áp lực về dân số khu vực. - Tầng cao công trình phải phù hợp với đặc điểm địa hình từng khu vực, không làm cản trở, che chắn các điểm nhìn cảnh quan đẹp. - Một số điểm nhấn chính được thể hiện thông qua hệ thống bản vẽ đính kèm theo hồ sơ đồ án Quy hoạch chung. Điểm nhấn ở các vị trí khác được thể hiện tại các quy hoạch cấp dưới.
Mật độ xây dựng	- Mật độ xây dựng phù hợp với chức năng công trình, chiều cao công trình và diện tích lô đất, phù hợp Quy chuẩn Việt nam về quy hoạch xây dựng. - Khuyến khích mật độ trung bình và thấp, dành không gian bố trí bãi đỗ xe và cây xanh, sân vườn. - Hạn chế xây dựng mật độ cao đối với khu vực định hướng đô thị sinh thái, khu vực ven đồi núi như Thủy Biều, An Tây, Thủy Bằng, Hương Phong....dành diện tích cho cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng.
Hạ tầng xã hội	- Công sở: hoàn chỉnh các trụ sở tập trung đô thị cấp Quận và phường. - Thương mại: Phát triển hệ thống thương mại đa dạng gồm trung tâm thương mại, phố đi bộ, chợ truyền thống để phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại cấp Thành phố và khách du lịch. - Văn hóa: Phát triển các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng. Bảo tồn các khu vực đã được công nhận là di tích và các công trình có giá trị khác. - Y tế: Hoàn thiện các bệnh viện, trung tâm y tế tại khu vực để phục vụ người dân và du khách. - Giáo dục: Bổ sung và hoàn thiện các cơ sở giáo dục tại các đơn vị ở theo quy định và quy hoạch được duyệt.

Hạng mục	Quy định quản lý
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. - Giao thông: Hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị hiện có; xây dựng các tuyến kết nối đô thị với hệ thống giao thông đối ngoại, quy mô tuyến chính tối thiểu 4 làn xe; Thiết lập hệ thống đường vành đai 1; vành đai 2, vành đai 3 nhằm kiểm soát phương tiện vào khu vực trung tâm và điều phối dòng giao thông quá cảnh qua đô thị; Xây dựng tuyến đường gom dọc đường tránh đi qua đô thị. Quy mô đường đô thị tối thiểu 2 làn xe; xây dựng các bến, tuyến thủy du lịch; điều chuyển bến xe phía Nam thành bãi đỗ xe đô thị; bố trí quỹ đất xây dựng các bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực phát triển mới. Đảm bảo hành lang bảo vệ tuyến đường sắt tốc độ cao; đường sắt đô thị. - Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông Hương, sông An Cựu, sông Lợi Nông, sông Như Ý, sông Đại Giang... - Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Mở rộng, xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông Hương, sông An Cựu, sông Lợi Nông, sông Như Ý, sông Đại Giang... - Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 88.000 m³/ngđ, 2045 là 110.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính từ Sông Hương. Được cấp nước từ NMN Quảng Tế, NMN Vạn Niên. - Cấp điện: Đảm bảo hành lang các tuyến điện cao thế hiện hữu các tuyến điện cao thế xây dựng mới khuyến khích xây dựng ngầm. Ngầm hóa toàn bộ các tuyến điện trung thế và hạ thế khu vực dân cư, trung tâm hành chính, trung tâm dịch vụ thương mại, khu vực du lịch... Các khu vực khác như các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thể sử dụng đường dây nổi, sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh tiết kiệm điện, bố trí chiếu sáng trang trí mỹ thuật cho các tuyến đường chính, khu vực công viên quảng trường và các công trình công cộng. Không khuyến khích các dự án điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối lớn trong khu vực. Khuyến khích sử dụng các công trình năng lượng tái tạo nhỏ lắp đặt trên các nhà cao tầng để tiết kiệm điện năng. - Hạ tầng thông tin truyền thông: Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn đô thị. Ưu tiên xây dựng các trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn đô thị. Ưu tiên bố trí không gian, mặt bằng tại các tòa nhà cao tầng ở khu đô thị để xây dựng trạm BTS. Đầu tư xây dựng hạ tầng công bề ngầm tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại các đô thị để thực hiện ngầm hoá.

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Thu gom, xử lý nước thải: Tiếp tục mở rộng phạm vi phục vụ của Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt phía Nam sông Hương ra toàn bộ khu vực nội thị từ khu vực phía Bắc đường bộ cao tốc đến cửa Thuận An. Công suất nhà máy XLNT hiện nay: 30.000 m³/ngày.đêm; công suất sau nâng cấp mở rộng đến năm 2045 khoảng 75.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 65.000 m³/ngđ). Khu vực phía Nam đường cao tốc thuộc phường Thủy Bằng, xử lý nước thải cục bộ theo nhóm công trình bằng các nhà máy XLNT quy mô nhỏ. Khu vực phường Thuận An (phía Bắc đường sắt cao tốc), xây dựng các nhà máy XLNT riêng với tổng công suất khoảng 2.000-3.000 m³/ngđ. Nước thải sau xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. - Thu gom, quản lý CTR: CTR sau khi thu gom tập trung xử lý tại khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn, quận Hương Thủy. - Quản lý nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang nhân dân phía Bắc tại phường Hương Hồ, mở rộng giai đoạn 3 với quy mô khoảng 20ha (dự kiến bố trí khoảng 30.000 ô mộ các loại), tiếp tục nghiên cứu mở rộng với tổng quy mô khoảng 80-100 ha để phục vụ nhu cầu tương lai; Công viên nghĩa trang Hương An Viên tại phường Hương An, quy mô khoảng 50 ha kết hợp đài hỏa táng; Công viên nghĩa trang Vườn Địa Đàng tại xã Thủy Bằng và phường Thủy Dương, quy mô khoảng 26 ha (bao gồm lò hỏa táng và Nhà tang lễ); Xây mới nghĩa trang xã Thủy Bằng quy mô 50 ha. Kết hợp sử dụng các nghĩa trang cấp vùng tại thị xã (quận) Hương Thủy.
Khuyến khích	- Về kiến trúc và cảnh quan: Các hoạt động xây dựng mới phải tăng cường chất lượng cảnh quan, bảo tồn tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc... Tăng thêm các không gian phục vụ đối ngoại - Phát triển dịch vụ phục vụ du lịch ven sông Hương, tăng cường chất lượng không gian mở; bố trí công trình thủy tạ gắn với điểm nhấn kiến trúc và phải đảm bảo không cản trở tiêu thoát lũ và giao thông thủy. - Phát triển hệ thống vườn hoa, trồng cây cảnh để phục vụ hoạt động đô thị và tạo cảnh quan đô thị. - Bảo vệ và phát triển thảm thực vật hiện trạng.
Nghiêm cấm	- Thay đổi, phá vỡ: quy mô, tính chất, cảnh quan không gian và các giá trị di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc, nghệ thuật. - Chuyển đổi chức năng sử dụng, thay đổi về quy mô cấu trúc và hình thức các công trình có giá trị mà không có sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền. - Bố trí biển quảng cáo tại các công sở nhà nước, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình có quy định cấm quảng cáo khác..

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Sử dụng các phương tiện giao thông trọng tải lớn gây tiếng ồn, vệ sinh môi trường, cảnh quan trừ các phương tiện chuyên dụng (PCCC, cứu thương, ANQP,...). - Hoạt động sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm; - San lấp ảnh hưởng tới lưu vực tiêu thoát nước của khu vực. - Xả chung nước thải với nước mưa ra môi trường không qua xử lý.
Quy định khác	- Trường hợp các công trình đặc biệt liên quan đến chính trị, an ninh quốc phòng mà buộc phải xây dựng cao tầng hơn quy định phải có thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo kiến trúc hài hòa với không gian chung của khu vực. - Các công trình xây dựng mới theo nhu cầu trong khu vực đã được xác định là khu di tích phải bảo tồn phải trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quy mô, vị trí, kiến trúc công trình không, lấn át không gian, làm ảnh hưởng đến công trình kiến trúc chủ đạo trong khuôn viên. - Hệ số sử dụng đất tối đa (10 lần); đối với các công trình điểm nhấn, có giá trị đặc biệt về kiến trúc (<13 lần). - Các công trình nằm trong vùng bảo tồn, công trình di tích văn hóa lịch sử đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của Luật Di sản- Văn hóa

2.3. Tổ chức thực hiện

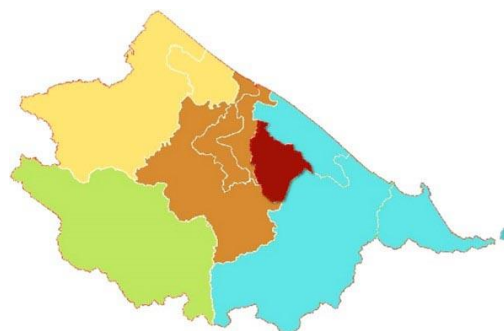
Rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã và đang thực hiện nếu không phù hợp với đồ án quy hoạch chung này làm cơ sở triển khai các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư trên địa bàn khu vực lập quy hoạch.

3. Quản lý phát triển phát triển khu vực quận Hương Thủy

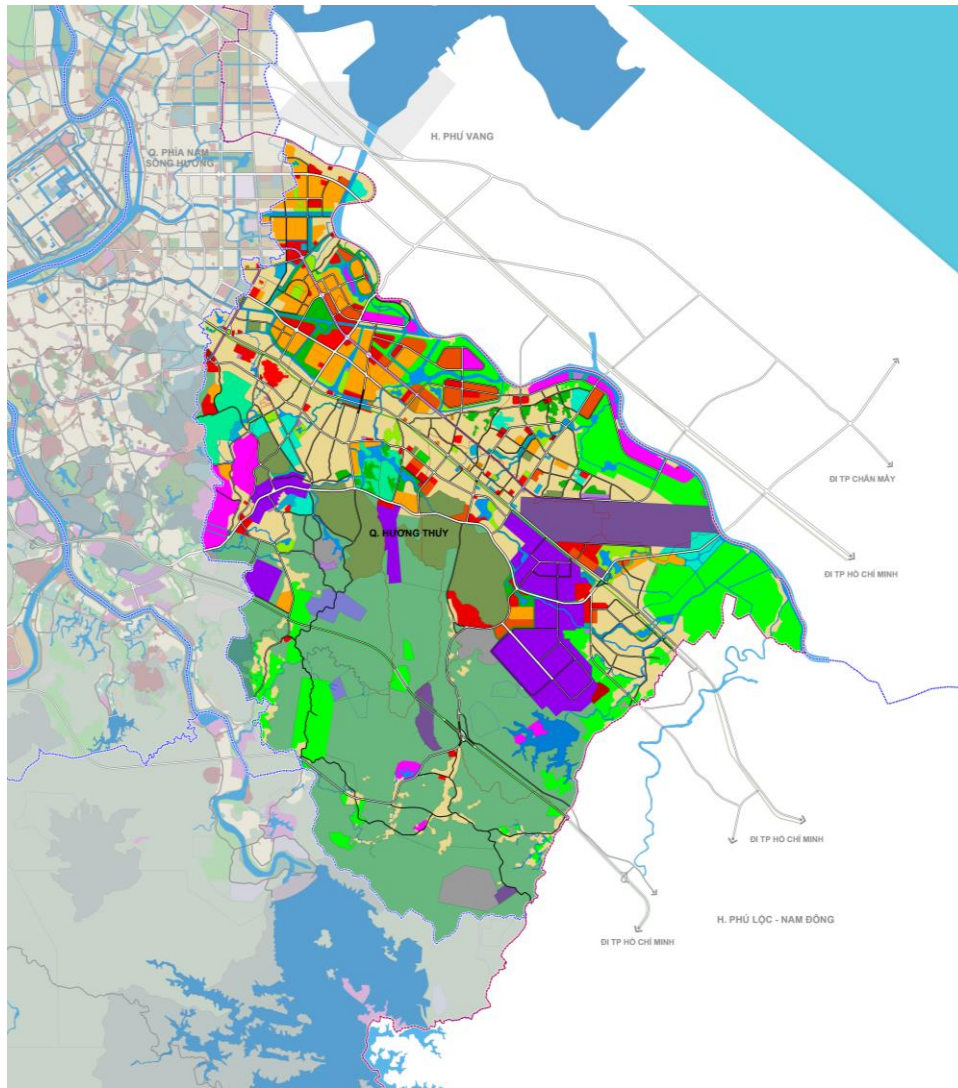
3.1. Quy định về quy mô

Phạm vi hành chính dự kiến: Thành lập quận Hương Thủy gồm 07 phường: Thủy Thanh, Thủy Dương, Thủy Châu, Thủy Phương, Thủy Lương, Thủy Phù, Phú Bài (Chuyển xã Dương Hòa về thị xã Hương Trà; Nhập xã Phú Sơn vào phường Phú Bài; Nhập xã Thủy Tân vào phường Thủy Lương; Thành lập phường Thủy Thanh trên cơ sở địa giới hành chính xã Thủy Thanh; Thành lập phường Thủy Phù trên cơ sở địa giới hành chính xã Thủy Phù);

Phạm vi hành chính cụ thể sẽ được thực hiện trong đề án thành lập quận, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Hình 11: Sơ đồ vị trí quận Hương Thủy



Hình 12: Quy hoạch sử dụng đất quận Hương Thủy

3.2. Nội dung quản lý

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Tính chất: Là quận phát triển mới trên cơ sở mở rộng thành phố Huế hiện hữu về phía Nam, gắn với sân bay quốc tế Phú Bài và các khu vực phát triển đô thị, dịch vụ, vận tải, logistics; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các trung tâm chuyên ngành về y tế, giáo dục đào tạo, dịch vụ thương mại; phục vụ bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc cổ đô và di sản văn hóa vật thể đã được UNESCO công nhận.
Quy mô	- Diện tích tự nhiên: khoảng 16.574 ha; - Diện tích đất xây dựng: khoảng 5.200 ha; - Dân số đến năm 2030 khoảng 150.000 người; đến năm 2045: khoảng 170.000-190.000 người;
Định hướng chính	- Đạt tiêu chí đô thị loại I có tính đặc thù - Đối với khu vực hiện hữu: Xây dựng mới trung tâm hành chính cấp quận cho Hương Thủy; Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu dọc theo các trục đường chính (trên cơ sở lộ giới được xác định cụ thể tại các đồ án quy hoạch phân khu), bổ sung dịch vụ, công cộng, tiện ích; Phát triển mở rộng sân bay quốc tế Phú Bài kết hợp đô thị

Hạng mục	Quy định quản lý
	dịch vụ phụ trợ sân bay, trở thành đô thị cửa ngõ đa chức năng hấp dẫn theo xu hướng phát triển đô thị sân bay toàn cầu, bao gồm tổ hợp văn phòng, khách sạn, trung tâm hội nghị, ẩm thực, khu thương mại tự do... Thu hút đầu tư cho Khu công nghiệp Phú Bài, cụm công nghiệp Thủy Phương; phát triển thêm cụm công nghiệp Thủy Phương 2, cụm công nghiệp Thủy Châu và các điểm dịch vụ cho công nghiệp. - Đối với khu vực phát triển mới: Hình thành chuỗi khu đô thị mới Thủy Thanh, Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu theo mô hình đô thị đảo để dành các hành lang cho thoát nước; Khuyến khích phát triển theo mô hình tổ hợp đô thị - dịch vụ tổng hợp - logistics - công nghiệp; Bố trí Trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa và y tế dự phòng cấp vùng; phát triển trung tâm đào tạo và nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật cao. Hình thành khu vực du lịch, dịch vụ thể thao gắn với cụm sân gôn cao cấp tại Thủy Dương, sân gôn hồ Châu Sơn và các dịch vụ vui chơi giải trí tại khu công viên văn hóa đa năng Độn Sầm.
Chiều cao công trình	- Tầng cao trung bình nhà ở: 3 - 5 tầng; - Tầng cao trung bình khu vực dịch vụ, hỗn hợp: 5-10 tầng. Khuyến khích xây dựng công trình cao tầng để tiết kiệm đất đai. - Tầng cao tối đa: 45 tầng; Đối với công trình điểm nhấn được quy định riêng, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Hạn chế các công trình cao tầng tại các khu trung tâm khi không đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội. - Tầng cao công trình phải phù hợp với đặc điểm địa hình từng khu vực, không làm cản trở, che chắn các điểm nhìn cảnh quan đẹp.
Mật độ xây dựng	- Mật độ xây dựng phù hợp với chức năng công trình, tầng cao công trình và diện tích lô đất và tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng. - Khuyến khích mật độ trung bình và thấp, dành không gian bố trí bãi đỗ xe và cây xanh, sân vườn. - Hạn chế xây dựng mật độ cao, dành diện tích cho cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng.
Hạ tầng xã hội	- Công sở: Xây dựng mới trung tâm hành chính Quận. - Thương mại: Phát triển hệ thống thương mại đa dạng gồm trung tâm thương mại, phố đi bộ, chợ truyền thống để phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại cấp Thành phố và khách du lịch. - Văn hóa: Phát triển các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng. - Y tế: Hoàn thiện các bệnh viện, trung tâm y tế tại khu vực để phục vụ người dân và du khách. - Giáo dục: Bổ sung và hoàn thiện các cơ sở giáo dục tại các đơn vị ở theo quy định và quy hoạch được duyệt.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. - Giao thông: Hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị hiện có; xây dựng các tuyến kết nối trung tâm đô thị với hệ thống giao thông đối ngoại và khu vực ven biển Phú Vang, quy mô tuyến chính tối thiểu 3- 4 làn xe; Xây dựng tuyến đường gom dọc đường tránh đi qua đô thị. Quy mô tối thiểu 2 làn xe; Xây dựng bến xe phía Nam, bố trí

Hạng mục	Quy định quản lý
	quỹ đất xây dựng các bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực phát triển mới; - Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông Lợi Nông, sông Như Ý, sông Đại Giang... - Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Mở rộng, xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: Lợi Nông, sông Như Ý, sông Đại Giang... - Cấp nước: Nhu cầu cấp nước là 2030: 57.000 m³/ngđ, 2045 là 65.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Sông Hương, Sông Nông qua các công trình đầu mối chính NMN Vạn Niên, NMN Lộc Bồn dự kiến, NMN Lộc An, NMN Quảng Tế. - Cấp điện: Đảm bảo hành lang các tuyến điện cao thế hiện hữu các tuyến điện cao thế xây dựng mới khuyến khích xây dựng ngầm. Ngầm hóa toàn bộ các tuyến điện trung thế và hạ thế khu vực dân cư, trung tâm hành chính, trung tâm dịch vụ thương mại, khu vực du lịch... Các khu vực khác như các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thể sử dụng đường dây nổi, sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh tiết kiệm điện, bố trí chiếu sáng trang trí mỹ thuật cho các tuyến đường chính, khu vực công viên quảng trường và các công trình công cộng. Không khuyến khích các dự án điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối lớn trong khu vực. Khuyến khích sử dụng các công trình năng lượng tái tạo nhỏ lắp đặt trên các nhà cao tầng để tiết kiệm điện năng - Hạ tầng thông tin truyền thông: Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn đô thị. Ưu tiên xây dựng các trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn đô thị. Ưu tiên bố trí không gian, mặt bằng tại các toà nhà cao tầng ở khu đô thị để xây dựng trạm BTS. Đầu tư xây dựng hạ tầng công bố ngầm tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại các đô thị để thực hiện ngầm hoá. - Thu gom, xử lý nước thải: Khu vực phía Bắc sân bay Phú Bài xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị xã Hương Thủy. Nước thải thu gom về nhà máy XLNT tập trung tại phía Bắc phường Thủy Lương, công suất nhà máy XLNT dài hạn khoảng 40.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 30.000 m³/ngđ). Khu vực phía Nam sân bay Phú Bài: Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải phường Thủy Phù, công suất nhà máy XLNT khoảng 2.000 – 3.000 m³/ngđ. Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Bổ sung các đơn nguyên, công trình xử lý đảm bảo công

Hạng mục	Quy định quản lý
	suất dự báo. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. - Thu gom, quản lý CTR: Xây dựng Khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn, quy mô diện tích khoảng 56 ha, công suất xử lý giai đoạn đầu khoảng 600 tấn/ngđ, sau khi hoàn thiện xử lý tập trung cho thành phố Huế, Quận Hương Trà, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang và huyện Phú Lộc; về dài hạn khi lượng CTR nhiều có thể nâng công suất hoặc bổ sung thêm các khu xử lý CTR khác phục vụ các địa bàn. Sau khi khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn đi vào hoạt động thì khu xử lý CTR Thủy Phương sẽ ngưng tiếp nhận CTR. - Quản lý nghĩa trang: Cụm nghĩa địa các xã, phường Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu, Phú Bài hiện hữu dự kiến sắp xếp lại, tận dụng diện tích còn trống để quy tập mộ rải rác thành một khu thống nhất tạo không gian cho các dự án phát triển mới (khu quần thể sân gôn...): cải tạo nghĩa địa liên xã tại phường Thủy Phương khoảng 46,3 ha; xây mới nghĩa trang quy tập mộ mả dự án sân Gôn tại phường Thủy Dương khoảng 5 ha; Hình thức chôn cất một lần, cát táng (địa táng). Phương án cụ thể xác định trong quy hoạch phân khu. Tiếp tục sử dụng nghĩa trang phía Nam (xã Thủy Phù), quy mô khoảng 45 ha đến hết diện tích. Sau khi hết diện tích tiếp tục duy trì hoạt động đài hỏa táng Phúc Lạc Viên phục vụ cho khu vực trung tâm. Xây dựng Nghĩa trang nhân dân phía Nam mới tại xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy hiện hữu với quy mô khoảng 100 -140 ha hoặc lớn hơn theo nhu cầu (dự kiến bố trí khoảng 150.000 ô mộ các loại). Kết hợp lò hỏa táng và nhà tang lễ.
Khuyến khích	- Về kiến trúc và cảnh quan: Các hoạt động xây dựng mới phải tăng cường chất lượng cảnh quan, bảo tồn tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử, kiến trúc... Tăng cường thêm các không gian mở đô thị, công viên và công trình cửa ngõ đô thị phục vụ đối ngoại. - Phát triển hệ thống vườn hoa, trồng cây cảnh để phục vụ hoạt động đô thị và tạo cảnh quan đô thị. - Bảo vệ và phát triển thảm thực vật hiện trạng trên các khu vực địa hình dốc, đồi núi.
Nghiêm cấm	- Thay đổi, phá vỡ: quy mô, tính chất, cảnh quan không gian và các công trình có giá trị văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc, nghệ thuật. - Chuyển đổi chức năng sử dụng, thay đổi về quy mô cấu trúc và hình thức các công trình có giá trị mà không có sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền. - Chuyển đổi chức năng, thay đổi về quy mô cấu trúc và hình thức các công trình có giá trị phải được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền. - Bố trí biển quảng cáo tại các công sở nhà nước, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình có quy định cấm quảng cáo khác..

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Sử dụng các phương tiện giao thông trọng tải lớn gây tiếng ồn, vệ sinh môi trường, cảnh quan trừ các phương tiện chuyên dụng (PCCC, cứu thương, ANQP,...). - Hoạt động sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm; - San lấp ảnh hưởng tới lưu vực tiêu thoát nước của thành phố. - Xả chung nước thải với nước mưa ra môi trường không qua xử lý.
Quy định khác	- Trường hợp các công trình đặc biệt liên quan đến chính trị, an ninh quốc phòng mà buộc phải xây dựng cao tầng hơn quy định phải có thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo kiến trúc hài hòa với không gian chung của khu vực. - Các công trình xây dựng mới theo nhu cầu trong khu vực đã được xác định là khu di tích phải bảo tồn phải trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quy mô, vị trí, kiến trúc công trình không, lấn át không gian, làm ảnh hưởng đến công trình kiến trúc chủ đạo trong khuôn viên. - Hệ số sử dụng đất tối đa (10 lần); đối với các công trình điểm nhấn, có giá trị đặc biệt về kiến trúc (<13 lần). - Các công trình nằm trong vùng bảo tồn, công trình di tích văn hóa lịch sử đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của Luật Di sản-Văn hóa

3.3. Tổ chức thực hiện

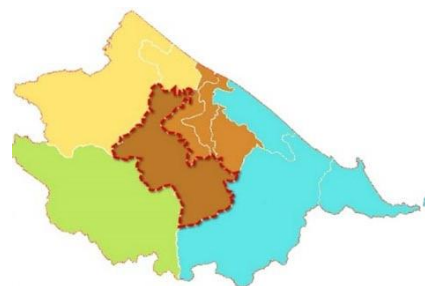
Rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã và đang thực hiện nếu không phù hợp với đồ án quy hoạch chung này, làm cơ sở triển khai các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư trên địa bàn khu vực lập quy hoạch.

4. Quản lý phát triển khu vực quận Hương Trà

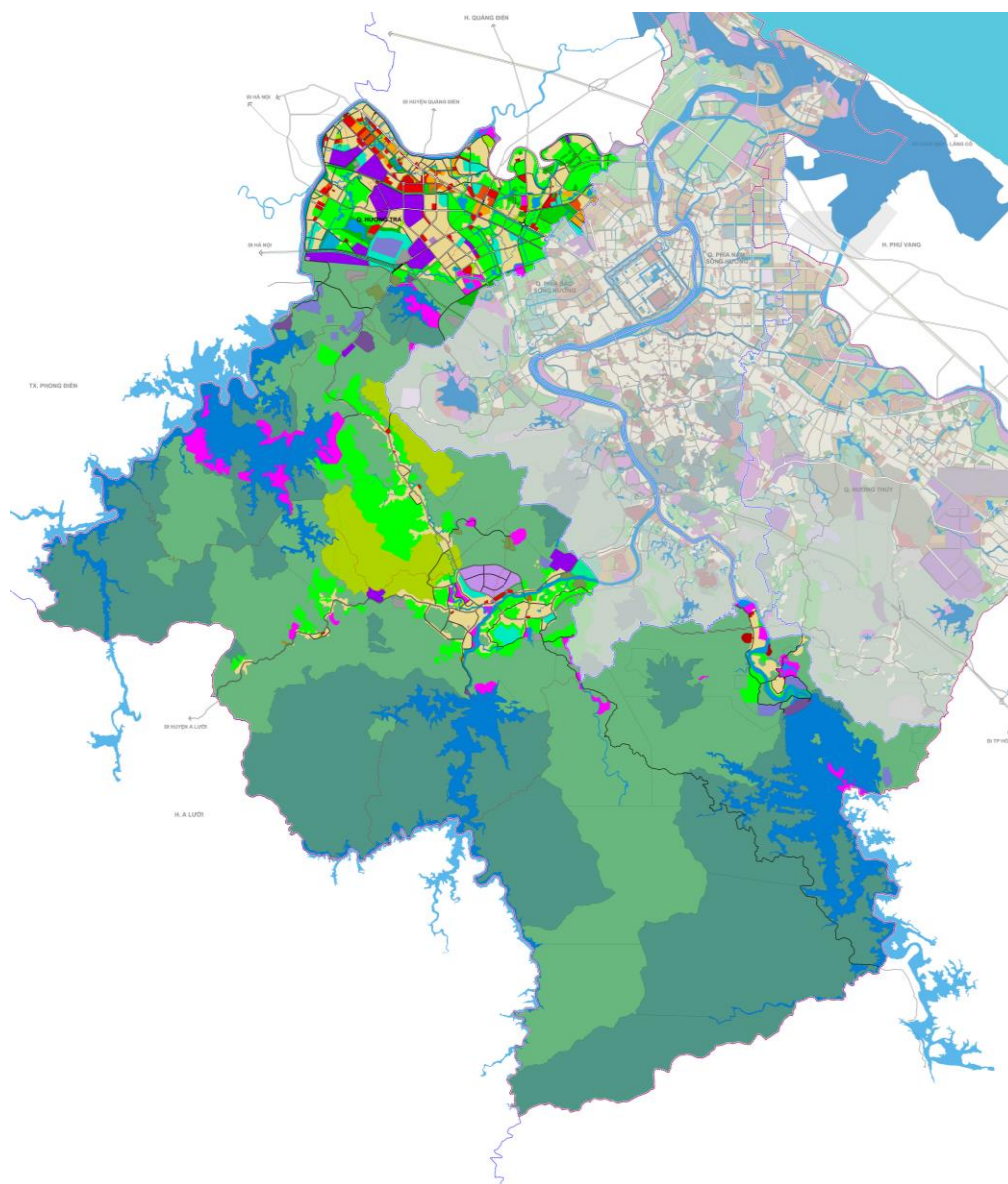
4.1. Quy định về quy mô

Quy mô, phạm vi hành chính: Thành lập Quận Hương Trà gồm 10 phường: Tứ Hạ, Hương Vân, Hương Văn, Hương Xuân, Hương Toàn, Hương Chữ, Hương Bình, Bình Tiến, Bình Thành, Dương Hòa (Chuyên xã Dương Hòa từ quận Hương Thủy sang thị xã Hương Trà và thành lập phường Dương Hòa. Thành lập phường Hương Toàn trên cơ sở địa giới hành chính xã Hương Toàn. Thành lập phường Hương Bình trên cơ sở địa giới hành chính xã Hương Bình. Thành lập phường Bình Tiến trên cơ sở địa giới hành chính xã Bình Tiến. Thành lập phường Bình Thành trên cơ sở địa giới hành chính xã Bình Thành).

Phạm vi và tổ chức hành chính cụ thể sẽ được thực hiện trong đề án thành lập quận, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Hình 13: Sơ đồ vị trí quận Hương Trà



Hình 14: Quy hoạch sử dụng đất quận Hương Trà

4.2. Nội dung quản lý

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Tính chất: Là khu vực mở rộng phía Bắc của đô thị Huế hiện hữu, gắn với phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, logistics, dịch vụ, du lịch, và các không gian cho nông nghiệp đô thị; phục vụ bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc cổ đô và di sản văn hóa vật thể đã được UNESCO công nhận.
Quy mô	- Diện tích tự nhiên: 65.432 ha; - Diện tích đất xây dựng: khoảng 4.300 ha; - Dân số đến năm 2030 khoảng 90.000 người; đến năm 2045 khoảng 100.000 - 120.000 người;
Định hướng chính	- Đạt tiêu chí đô thị loại I có tính đặc thù. - Đối với khu vực hiện hữu dọc QL1A được cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, chợ Tứ Hạ, bổ sung dịch vụ, công cộng, tiện ích, phát triển thương mại dịch vụ hỗ trợ cho khu vực công nghiệp. Tiếp tục phát triển khu và cụm công nghiệp Tứ Hạ

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Đối với khu vực phát triển mới: ây dựng dịch vụ, công cộng, công viên, trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa và y tế dự phòng cấp vùng; phát triển đô thị sinh thái cùng chức năng du lịch sinh thái núi, rừng tại khu vực Bình Điền. - Xây dựng các khu vực phát triển du lịch sinh thái, công viên sinh thái ... gắn với đường vành đai 3; - Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Tứ Hạ; Xây dựng mới 06 cụm công nghiệp gồm: cụm công nghiệp Tứ Hạ 2, Bình Thành, Hương Văn 1, Hương Văn 2, Hương Xuân, Hương Vân. - Hình thành khu vực thực nghiệm, sản xuất cho công viên khoa học công nghệ tại Bình Tiến, Bình Thành;
Chiều cao công trình	- Tầng cao trung bình nhà ở: 3 - 5 tầng; - Tầng cao trung bình: 5-10 tầng. Khuyến khích xây dựng công trình cao tầng. - Tầng cao tối đa: 45 tầng (chỉ được áp dụng đối với khu vực điểm nhấn); - Hạn chế các công trình cao tầng tại các khu trung tâm khi không đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật đô thị, gây áp lực về dân số khu vực. - Tầng cao công trình phải phù hợp với đặc điểm địa hình từng khu vực, không làm cản trở, che chắn các điểm nhìn cảnh quan đẹp (hạn chế các công trình cao tầng khu vực trên núi).
Mật độ xây dựng	- Mật độ xây dựng phù hợp với chức năng công trình, tầng cao công trình và diện tích lô đất và tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng. - Khuyến khích mật độ trung bình và thấp, bố trí bãi đỗ xe và cây xanh, sân vườn. - Hạn chế xây dựng mật độ cao, dành diện tích cho cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng.
Hạ tầng xã hội	- Đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội hướng đến theo tiêu chí đô thị loại I có tính đặc thù. - Thương mại: Phát triển hệ thống thương mại đa dạng gồm trung tâm thương mại, phố đi bộ, chợ truyền thống để phục vụ nhu cầu dịch vụ thương mại cấp Thành phố và khách du lịch. - Văn hóa: Phát triển các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng. - Y tế: Hoàn thiện các bệnh viện, trung tâm y tế tại khu vực để phục vụ người dân và du khách. - Giáo dục: Bổ sung và hoàn thiện các cơ sở giáo dục tại các đơn vị ở theo quy định và quy hoạch được duyệt.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. - Giao thông: Hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị hiện có; xây dựng các tuyến kết nối đô thị với hệ thống giao thông đối ngoại, quy mô tuyến chính tối thiểu 4 làn xe; Thiết lập hệ thống đường vành đai 2, vành đai 3 nhằm kiểm soát phương tiện vào khu vực trung tâm và điều phối dòng giao thông quá cảnh qua đô thị qua đường tránh Huế, đường trục liên vùng; Xây dựng tuyến đường gom dọc đường tránh

Hạng mục	Quy định quản lý
	đi qua đô thị, quy mô tối thiểu 2 làn xe; Xây dựng bến xe phía Bắc, bến xe phía Tây, bố trí quỹ đất xây dựng các bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực phát triển mới. - Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông, kênh tiêu... - Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Mở rộng, xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông Bò, hồ Hương Điền, hồ Bình Điền... - Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 30.000 m³/ngđ, 2045 là 36.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Sông Hương, Sông Bò. Được cấp nước từ NMN Quảng Tế, NMN Vạn Niên, NMN Tứ Hạ, NMN Hương Vân dự kiến - Cấp điện: Đảm bảo hành lang các tuyến điện cao thế hiện hữu các tuyến điện cao thế đến cấp 110kV xây dựng mới khuyến khích xây dựng ngầm. Dịch chuyển tuyến điện hiện hữu Ngầm hóa toàn bộ các tuyến điện trung thế và hạ thế khu vực dân cư, trung tâm hành chính, trung tâm dịch vụ thương mại, khu vực du lịch... Các khu vực khác như các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thể sử dụng đường dây nổi, sử dụng hệ thống chiếu sáng thông minh tiết kiệm điện, bố trí chiếu sáng trang trí mỹ thuật cho các tuyến đường chính, khu vực công viên quảng trường và các công trình công cộng. Khuyến khích các dự án điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, điện áp mái trong các khu công nghiệp, điện sinh khối lớn trong khu vực. - Hạ tầng thông tin truyền thông: Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn đô thị. Ưu tiên xây dựng các trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn đô thị. Ưu tiên bố trí không gian, mặt bằng tại các toà nhà cao tầng ở khu đô thị để xây dựng trạm BTS. Đầu tư xây dựng hạ tầng công bề ngầm tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại các đô thị để thực hiện ngầm hoá. - Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực nội thị, nhà máy XLNT dự kiến bố trí tại phía Bắc phường Hương Xuân, công suất nhà máy XLNT dài hạn khoảng 20.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 10.000 m³/ngđ). Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khu vực phường Bình Tiến, xây dựng nhà máy XLNT riêng công suất dài hạn khoảng 1.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 500 m³/ngđ). Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa.

Hạng mục	Quy định quản lý
	- Khu vực ngoại thành xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình. Đối với khu vực trung tâm xã có lượng thải lớn (trên 1.000 m³/ngày) cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ thực hiện theo quy hoạch chung các xã. Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung. - Thu gom, quản lý CTR: Xây dựng Khu xử lý CTR tập trung Hương Bình, quy mô diện tích khoảng 40-50 ha. Đây là khu xử lý rác thải sinh hoạt từ huyện Quảng Điền. Đồng thời là khu xử lý CTR dự phòng cho tỉnh khi khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn có sự cố trong quá trình xử lý CTR. Dài hạn khi lượng CTR của tỉnh tăng cao sẽ tiếp tục đầu tư công nghệ hiện đại để cùng với khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn là 2 khu xử lý cấp tỉnh phục vụ cho khu vực phía Tây của tỉnh (Hương Trà, Quảng Điền). - Quản lý nghĩa trang: Sử dụng các nghĩa trang cấp vùng và một số nghĩa trang cấp khu vực như Nghĩa trang Tứ Hạ (khoảng 5 ha); nghĩa trang Hương Vân (khoảng 35 ha); nghĩa trang thị xã tại phường Hương Văn (25ha); nghĩa trang Hương Chữ (khoảng 22 ha); nghĩa trang Hương Bình (khoảng 7 ha); nghĩa trang Bình Điền (khoảng 22 ha); nghĩa trang Bình Thành (khoảng 10 ha); nghĩa trang khu vực Hồng Tiến cũ (2ha).
Khuyến khích	- Về kiến trúc và cảnh quan: Các hoạt động xây dựng mới phải tăng cường chất lượng cảnh quan, bảo tồn tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc... Tăng thêm các không gian phục vụ đối ngoại - Phát triển hệ thống vườn hoa, trồng cây cảnh để phục vụ hoạt động đô thị và tạo cảnh quan đô thị. - Bảo vệ và phát triển thảm thực vật hiện trạng.
Nghiêm cấm	- Thay đổi, phá vỡ: quy mô, tính chất, cảnh quan không gian và các giá trị di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng, kiến trúc, nghệ thuật. - Chuyển đổi chức năng sử dụng, thay đổi về quy mô cấu trúc và hình thức các công trình có giá trị mà không có sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền. - Chuyển đổi chức năng, thay đổi về quy mô cấu trúc và hình thức các công trình có giá trị phải được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền. - Bố trí biển quảng cáo tại các công sở nhà nước, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình có quy định cấm quảng cáo khác.. - Sử dụng các phương tiện giao thông trọng tải lớn gây tiếng ồn, vệ sinh môi trường, cảnh quan trừ các phương tiện chuyên dụng (PCCC, cứu thương, ANQP,...). - Hoạt động sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm; - San lấp ảnh hưởng tới lưu vực tiêu thoát nước của đô thị. - Xả chung nước thải với nước mưa ra môi trường không qua xử lý.

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy định khác	- Trường hợp các công trình đặc biệt liên quan đến chính trị, an ninh quốc phòng mà buộc phải xây dựng cao tầng hơn quy định phải có thiết kế được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo kiến trúc hài hòa với không gian chung của khu vực. - Các công trình xây dựng mới theo nhu cầu trong khu vực đã được xác định là khu di tích phải bảo tồn phải trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quy mô, vị trí, kiến trúc công trình không, lấn át không gian, làm ảnh hưởng đến công trình kiến trúc chủ đạo trong khuôn viên. - Hệ số sử dụng đất tối đa (10 lần); đối với các công trình điểm nhấn, có giá trị đặc biệt về kiến trúc (<13 lần). - Các công trình nằm trong vùng bảo tồn, công trình di tích văn hóa lịch sử đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của Luật Di sản Văn hóa

4.3. Tổ chức thực hiện

Rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã và đang thực hiện nếu không phù hợp với đồ án quy hoạch chung này làm cơ sở triển khai các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư trên địa bàn khu vực lập quy hoạch.

5. Quy định các khu vực khác ngoài khu vực đô thị trung tâm

5.1. Quản lý phát triển khu vực đô thị Chân Mây

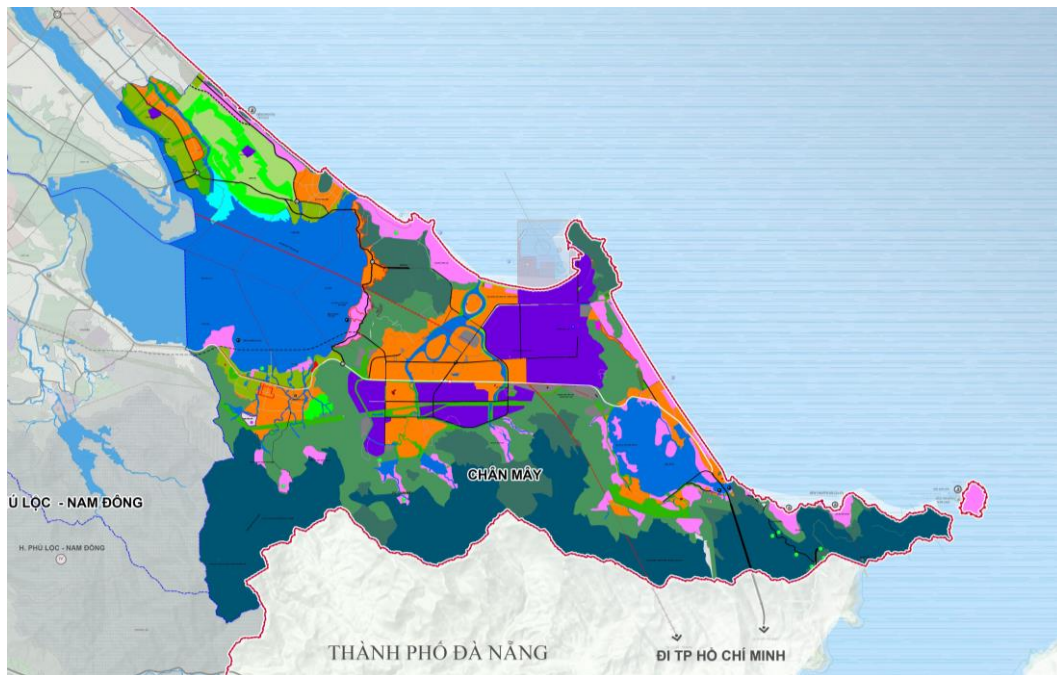
5.1.1. Quy định về phạm vi, quy mô, tính chất

Phạm vi: dự kiến phát triển trên cơ sở phạm vi khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô hiện hữu và mở rộng về phía các xã lân cận thuộc huyện Phú Lộc.

Phạm vi hành chính cụ thể sẽ được thực hiện trong đề án thành lập thành phố Chân Mây được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Hình 15: Sơ đồ vị trí đô thị Chân Mây



Hình 16: Định hướng không gian đô thị Chân Mây

- Quy mô:

+ Diện tích tự nhiên: khoảng 44.700 ha

+ Dân số đến năm 2030 khoảng 140.000 người; đến năm 2045: khoảng 220.000 người;

(Phạm vi, quy mô đơn vị hành chính đô thị Chân Mây được cụ thể hóa tại các đề án thành lập).

- Về tính chất: Là thành phố thông minh, hiện đại, khu kinh tế biển gắn với cảng biển nước sâu Chân Mây, các khu công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng quốc gia của vùng động lực miền Trung; là đô thị cửa ngõ phía Nam kết nối với Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, một trong những trung tâm giao thương quốc tế và là cửa ngõ ra biển của các nước thuộc hành lang kinh tế kinh tế Đông – Tây; Là đô thị hỗ trợ khu vực đô thị trung tâm, phát triển kinh tế nhằm bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc cổ đô và di sản văn hóa vật thể đã được UNESCO công nhận.

5.1.2. Định hướng phát triển

- Xây dựng đô thị Chân Mây đến năm 2030 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III và phấn đấu trở thành thành phố. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trong giai đoạn ngắn hạn, thu hút đầu tư thứ cấp, hoàn thiện khu bến Chân Mây và các trung tâm động lực đa chức năng về dịch vụ hàng hải, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...; phát triển nhà ở chuyên gia, tổ hợp đào tạo và nghiên cứu công nghệ, công nghiệp gắn với Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.

- Xây dựng Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương trở thành điểm đến quan trọng hàng đầu mang tầm cỡ quốc tế với du lịch sinh thái biển, đảo, đầm phá, rừng; thể thao, công viên chuyên đề, vui chơi giải trí có thưởng casino. Xây dựng mô hình TOD (đô thị hình thành dựa trên đầu mối giao thông và giao thông công cộng, tổng hợp các chức năng: công sở, dịch vụ thương mại và dân cư) và khu vực hỗn hợp gắn với ga đường sắt cao tốc. Xây dựng tuyến đường tốc độ cao kết nối từ tuyến cao tốc La Sơn –

Túy Loan. Phát triển hệ sinh thái sông Thừa Lưu, sông Bù Lu, hình thành các công viên cảnh quan gắn với hệ thống sông này. Phát triển thị trấn Phú Lộc trở thành trung tâm hành chính chính trị của đô thị Chân Mây và phát triển khu đô thị biển Vinh Hiền – Vinh Hung.

5.1.3. Quy định phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường sắt Bắc Nam, đường sắt tốc độ cao, tuyến nhánh nối KKT Chân Mây – Lăng Cô, và quốc lộ đi qua khu vực; xây dựng tuyến đường ven biển và hầm đường bộ Lộc Bình, quy mô tối thiểu 4 làn xe; Xây dựng tuyến đường bộ tốc độ cao kết nối KKT Chân Mây – Lăng Cô với nút giao La Sơn của cao tốc Bắc – Nam, quy mô tối thiểu 4 làn xe. Xây dựng các bến, bãi đỗ xe phục vụ KKT và dân cư đô thị. Xây dựng các bến thủy nội địa du lịch ven đầm, ven biển phục vụ nhu cầu du lịch.

- Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông, kênh tiêu...

- Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Mở rộng, xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông Bù Lu, đầm Lập An và thoát trực tiếp ra biển...

- Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 90.000 m³/ngđ, 2045 là 115.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Hồ Truồi, Hồ Thủy Yên, Hồ Thủy Cam, hồ Tả Trạch, nước đập khe Mệ và đập Bo Ghe. Được cấp nước từ các công trình đầu mối chính: NMN Chân Mây, Lộc Thủy, Lộc Trì, Lộc An.

- Cấp điện: Đảm bảo hành lang các tuyến điện cao thế trong khu vực. Các tuyến điện trung thế và hạ thế sử dụng đường dây nổi, khuyến khích ngầm hóa các tuyến điện trung thế và hạ thế các khu vực trung tâm hành chính, trung tâm dịch vụ thương mại, khu vực du lịch, khu vực tập trung dân cư mật độ cao. Chiếu sáng đầy đủ cho các tuyến đường giao thông, khu vực đông dân cư, khu vực mật độ xây dựng cao nhằm đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo an ninh trật tự xã hội.

- Hạ tầng thông tin truyền thông : Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn đô thị. Ưu tiên xây dựng các trạm BTS thân thiện môi trường trên địa bàn đô thị. Ưu tiên bố trí không gian, mặt bằng tại các toà nhà cao tầng ở khu đô thị để xây dựng trạm BTS. Đầu tư xây dựng hạ tầng công bề ngầm tại các khu đô thị, tuyến đường mới (nội đô), tuyến nâng cấp, mở rộng tại các đô thị để thực hiện ngầm hoá.

Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực đô thị, công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 22.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 14.000 m³/ngđ). Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa.

- Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung. Các khu vực nông thôn, đồi núi nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị, xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể cải tiến (BASTAF), tận dụng các ao hồ, đất nông nghiệp để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khu vực trung tâm xã có lượng thải lớn (trên 1.000 m³/ngđ) cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ thực hiện theo quy hoạch chung các xã

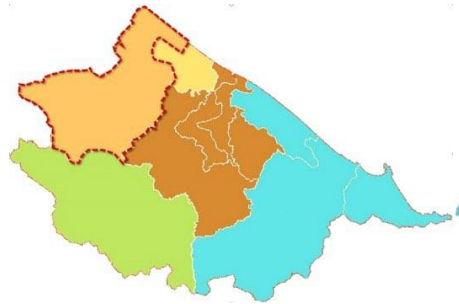
- Thu gom, quản lý CTR: Tiếp tục đầu tư công nghệ đốt tại bãi chôn lấp Lộc Thủy (diện tích khoảng 20-30 ha; công suất đốt đang đầu tư 20 tấn/ngđ và có thể tiếp tục nâng công suất phù hợp với thực tế phát sinh trên địa bàn.

- Quản lý nghĩa trang: Nghĩa trang thị trấn Phú Lộc (khoảng 10 ha); nghĩa trang xã Lộc Trì (khoảng 10 ha); nghĩa trang nhân dân Chân Mây tại núi Phước Tượng (xã Lộc Thủy, khoảng 30 ha); nghĩa trang Trường Đồng tại núi Phú Gia (thị trấn Lăng Cô, khoảng 20 ha); nghĩa trang vùng 5 xã Khu 3 (liên xã Vinh Hiền, Giang Hải, Vinh Mỹ, khoảng 37 ha), nghĩa trang Vinh Hưng (khoảng 11 ha); và một số nghĩa trang nhỏ theo định hướng quy hoạch chung các xã.

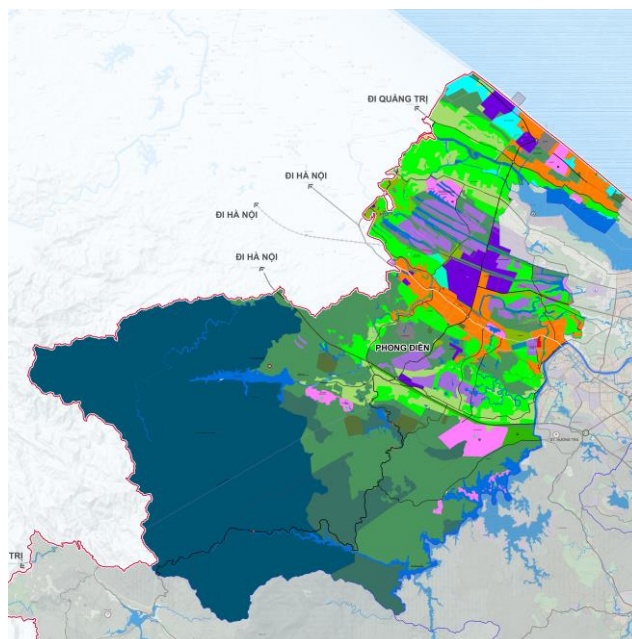
5.2. Quản lý phát triển đô thị Phong Điền

5.2.1. Quy định về quy mô, tính chất

Phạm vi hành chính: Thành lập trên cơ sở địa giới hành chính của huyện Phong Điền với 06 phường (Phong An, Phong Hiền, Phong Hòa, Phong Hải + Điện Hải, Điện Lộc + Điện Hòa, thị trấn Phong Điền + Phong Thu) và 06 xã (Phong Sơn, Phong Xuân, Phong Mỹ, Phong Chương, Phong Bình, Điện Hương + Điện Môn).



Hình 17: Sơ đồ vị trí đô thị Phong Điền



Hình 18: Định hướng phát triển không gian đô thị Phong Điền

- Quy mô
- + Diện tích tự nhiên: 94.600 ha
- + Dân số đến năm 2030 khoảng 125.000 người; đến năm 2045: khoảng 160.000 người
- Tính chất: Là đô thị cửa ngõ phía Bắc đô thị Thừa Thiên Huế, kết nối với khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị; phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao... gắn liền với các khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền; Là đô thị hỗ trợ khu vực đô thị trung tâm, phát triển kinh tế nhằm bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc cổ đô và di sản văn hóa vật thể đã được UNESCO công nhận.

5.2.2. Định hướng phát triển

- Thành lập thị xã Phong Điền vào năm 2025; Phát triển mở rộng đô thị khu vực thị trấn Phong Điền hiện hữu và đô thị Phong An, trở thành trung tâm hạt nhân của đô thị Phong Điền, phát triển gắn với KCN Phong Điền. Xây dựng tập trung các cơ quan hành chính, chính trị thị xã, các công trình văn hóa, trung tâm TDTT phục vụ đô thị. Nâng cấp hạ tầng bệnh viện trung ương Huế cơ sở 2, đầu tư xây dựng cơ sở 3 (Trung tâm Y học cao cấp). Khu vực Điền Lộc phía Bắc phát triển đô thị sinh thái biển gắn với dịch vụ du lịch và kinh tế biển, góp phần bảo tồn thiên nhiên của khu vực đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai. Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản trên cát tại các phường ven biển; Bảo tồn làng cổ Phước Tích.

- Khu vực ven biển kết nối với hệ thống phía Bắc đầm phá Tam Giang, gắn liền với trục phát triển hướng Đông Tây, đường ven biển, kết hợp cảng biển, tạo thành khu phức hợp đô thị thương mại cảng biển, dịch vụ du lịch biển và sinh thái đầm phá, trung tâm tiếp vận hàng hóa cảng biển và năng lượng mặt trời, nông nghiệp sạch.

- Hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Phong Điền, tăng tỷ lệ lấp đầy, sau năm 2030 mở rộng KCN Phong Điền (thuộc địa bàn xã Phong Chương và Phong Điền, huyện Phong Điền và xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền), ưu tiên thu hút đầu tư các ngành công nghiệp mang tính thâm dụng lao động cao. Xây dựng mới cụm công nghiệp Điền Lộc 2, xã Điền Lộc và cụm công nghiệp Sơn Xuân Mỹ, xã Phong Xuân, ưu tiên chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm; chế biến gỗ; sản xuất cơ khí; tinh dầu dược liệu; vật liệu xây dựng; dịch vụ kho bãi; ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường... Quản lý các khu vực khai thác khoáng sản theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản được phê duyệt.

- Hình thành tuyến đường sắt tốc độ cao đi qua khu vực theo quy hoạch đường sắt quốc gia, xây dựng mô hình TOD và khu vực hỗn hợp dịch vụ, bao gồm ga hành khách cho đường sắt liên vùng, nội vùng, đường sắt địa phương, ga hàng hóa gắn với Khu công nghiệp Phong Điền mở rộng.

- Khu vực nông nghiệp nông thôn phát triển theo định hướng quy hoạch hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với chuyển đổi cơ cấu sang nông nghiệp công nghệ cao

- Khu vực phía Tây Nam kết nối hệ thống giao thông đường bộ cao tốc Bắc Nam, kết nối cửa khẩu Việt - Lào thông qua đường quốc lộ 49F. Phát triển thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái và nông lâm nghiệp. Xây dựng hồ Ô Lâu Thượng, gắn với sông Ô Lâu tại phía Tây của thị xã. Phát triển khu du lịch Thanh Tân tại xã Phong Xuân, Phong

Sơn, du lịch gắn với Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, hồ Ô Lâu Thượng và kết nối với dịch vụ đô thị hỗ trợ lân cận như Trung tâm Phong Điền, Hồng Vân, A Lưới. Phát triển hệ sinh thái Sông Ô Lâu; Bảo tồn môi trường sinh thái, đặc biệt là Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền.

5.2.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung

- Giao thông: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường sắt, đường bộ đi qua khu vực theo quy định; Hoàn thiện mạng lưới đường đô thị với các tuyến chính quy mô tối thiểu 4 làn xe; Xây dựng hoàn thiện đường ven biển quy mô tối thiểu 4 làn xe; ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ trung tâm thành phố Huế với trung tâm thị trấn Phú Đa và cầu qua phá Tam Giang nối thị trấn Phú Đa với xã Vinh Xuân, Thiết lập hệ thống đường vành đai 3 nhằm kiểm soát phương tiện vào khu vực trung tâm và điều phối dòng giao thông qua cảnh qua đô thị; Xây dựng bến, bãi đỗ xe khu vực trung tâm đô thị và khu vực ven biển. Xây dựng, cải tạo hệ thống cầu qua đầm, phá theo cấp hạng đường quy hoạch; hình thành các bến, tuyến thủy nội địa ven đầm, phá, và khu vực ven biển

Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông Ô Lâu.

Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Xây mới hệ thống hồ điều hòa tại khu vực trung tâm đô thị Phong Điền tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Nâng cấp, mở rộng đập Cửa Lác. Hướng thoát nước: sông Ô Lâu, phá Tam Giang và thoát trực tiếp ra biển...

- Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 42.000 m³/ngđ, 2045 là 50.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Sông Ô Lâu thông qua các công trình đầu mối chính: NMN Phong Thu 1 hiện có và NMN Phong Thu 2 dự kiến, NMN Hòa Bình Chương, NMN KCN Phong Điền.

- Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực nội thị, công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 15.000 m³/ngđ. Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung. Các khu vực nông thôn, đồi núi nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị, xử lý cục bộ. Khu vực trung tâm xã có lượng thải lớn (trên 1.000 m³/ngđ) cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ thực hiện theo quy hoạch chung các xã.

- Thu gom, quản lý CTR: Mở rộng quy mô khu xử lý CTR Phong Thu từ 10-15 ha. Đầu tư lò đốt CTR sinh hoạt tập trung, công suất khoảng 60 tấn/ngđ. Dài hạn có thể nâng công suất để phù hợp với thực tế phát sinh CTR trên địa bàn huyện. Các loại CTR nguy hại, cần xử lý tập trung sẽ chuyển về khu xử lý CTR tập trung Hương Bình

- Quản lý nghĩa trang: Quy hoạch khu công viên nghĩa trang tập trung kết hợp với hình thức hỏa táng tại khu vực xã Phong Thu, quy mô khoảng 200 ha; nghĩa trang xã Phong Bình (19 ha); nghĩa trang Triều Dương - xã Phong Hiền, huyện Phong Điền (26 ha). Các xã nông thôn sử dụng nghĩa trang cấp xã theo định hướng quy hoạch chung các xã.

5.3. Quản lý phát triển đô thị Quảng Điền

5.3.1. Quy định về quy mô, tính chất

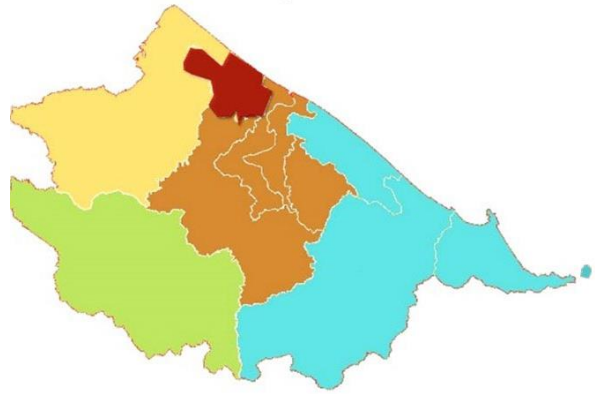
- Phạm vi hành chính: toàn bộ địa giới hành chính huyện Quảng Điền

- Tính chất: Là đô thị loại IV, phát triển đô thị và du lịch dịch vụ gắn với kinh tế nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản biển và đầm phá, kinh tế trang trại; là khu vực được từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa thích ứng biến đổi khí hậu.

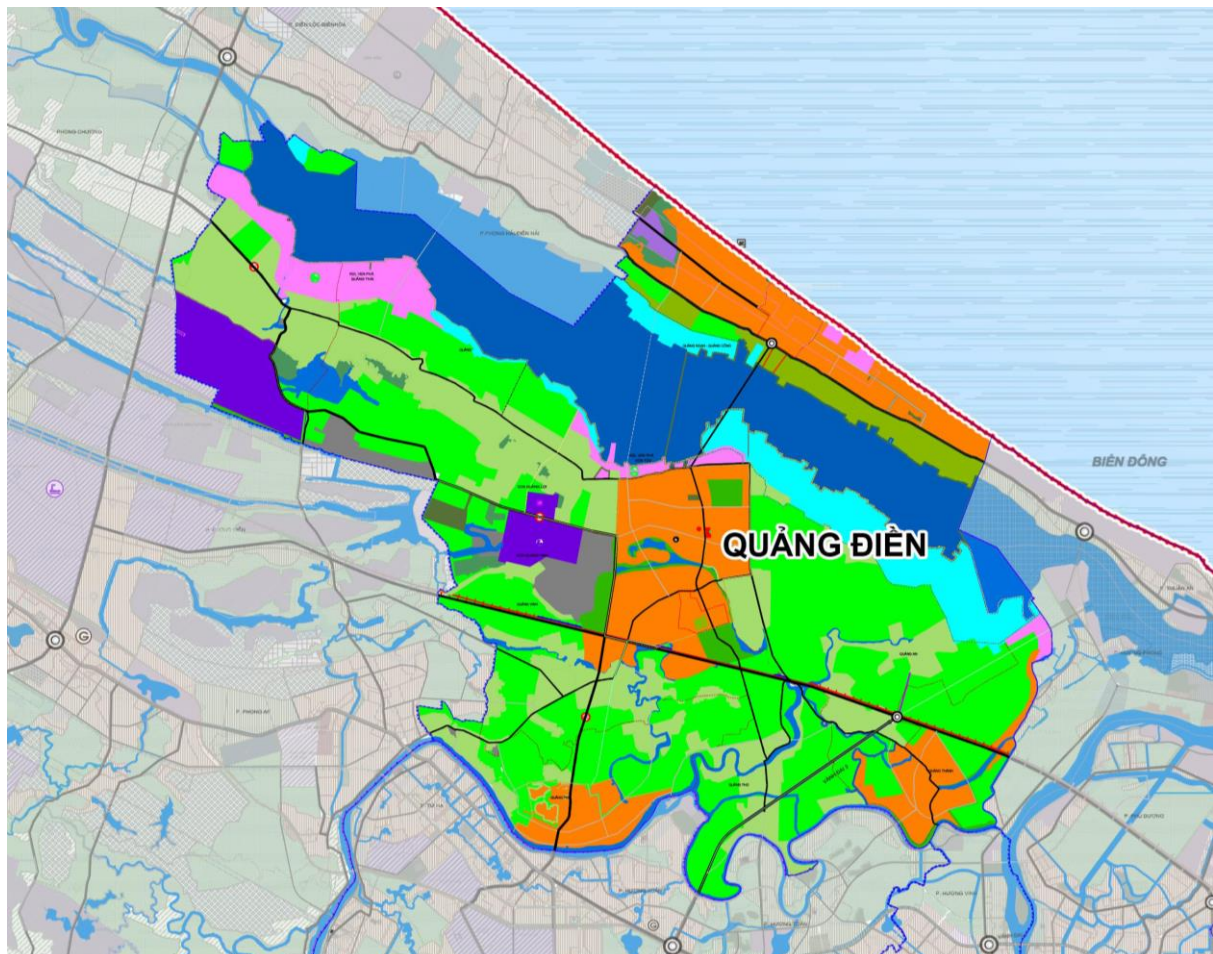
- Quy mô:

+ Diện tích tự nhiên: khoảng 16.300 ha.

+ Dân số đến năm 2030 khoảng 91.000 người; đến năm 2045: khoảng 108.000 người.



Hình 19: Sơ đồ vị trí đô thị Quảng Điền



Hình 20: Định hướng phát triển không gian đô thị Quảng Điền

5.3.2. Định hướng phát triển:

- Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật theo tiêu chí đô thị loại IV; Phát triển mở rộng thị trấn Sịa hiện hữu gắn với khu công nghiệp Quảng Vinh, CCN Quảng Lợi và du lịch đầm phá Tam Giang. Hình thành, hoàn thiện các đô thị loại V như Thanh Hà (Quảng Thành) gắn với sông Bồ; Đô thị Vĩnh Tu (Quảng Ngạn và Quảng Công) gắn với du lịch biển và đầm phá; Đô thị Phú Thuận (Quảng Phú). Hiện đại hoá khu dân cư hiện hữu, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chí đô thị.

- Hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn cấp huyện. Xây dựng nông thôn mới tiệm cận với tiêu chí của đô thị, tạo điều kiện để nông thôn tham gia vào quá trình đô thị hoá; Tái cấu trúc các khu định cư nông thôn hiện hữu và hình thành một số điểm dân cư nông thôn mới, dân cư mới có hạ tầng đồng bộ tương đương đô thị;

- Triển khai lập quy hoạch vùng huyện làm cơ sở thực hiện các quy hoạch nông thôn, quy hoạch khu vực đô thị, các khu chức năng.

5.3.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung

- Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường sắt, đường bộ đi qua khu vực theo quy định; Hoàn thiện mạng lưới đường đô thị với các tuyến chính quy mô tối thiểu 4 làn xe; Xây dựng hoàn thiện đường ven biển quy mô tối thiểu 4 làn xe; ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ trung tâm thành phố Huế với trung tâm thị trấn Phú Đa và cầu qua phá Tam Giang nối thị trấn Phú Đa với xã Vĩnh Xuân, Thiết lập hệ thống đường vành đai 3 nhằm kiểm soát phương tiện vào khu vực trung tâm và điều phối dòng giao thông quá cảnh qua đô thị; Xây dựng bến, bãi đỗ xe khu vực trung tâm đô thị và khu vực ven biển. Xây dựng, cải tạo hệ thống cầu qua đầm, phá theo cấp hạng đường quy hoạch; hình thành các bến, tuyến thủy nội địa ven đầm, phá, và khu vực ven biển

Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông, kênh tiêu.

Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nử riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông Bồ, sông Sịa, phá Tam Giang và thoát trực tiếp ra biển...

Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 20.000 m³/ngđ, 2045 là 41.000 m³/ngđ Nguồn cấp nước chính: Sông Hương, Sông Bồ. Được cấp nước từ các công trình đầu mối chính: NMN Vạn Niên, NMN Tứ Hạ, NMN Hương Vân dự kiến

- Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực đô thị, công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 9.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 7.000 m³/ngđ). Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A

theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung. Các khu vực nông thôn, đồi núi nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị, xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình. Đối với khu vực trung tâm xã có lượng thải lớn (trên 1.000 m³/ngđ) cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ thực hiện theo quy hoạch chung các xã.

- Thu gom, quản lý CTR: Duy trì và sử dụng hết diện tích bãi chôn lấp CTR Quảng Lợi, diện tích khoảng 7 ha để xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Quảng Điền. Dài hạn có thể chuyển thành trạm trung chuyển tập trung cấp huyện, chuyển toàn bộ CTR huyện Quảng Điền về khu xử lý CTR tập trung Hương Bình, quận Hương Trà xử lý

- Quản lý nghĩa trang: Xây dựng nghĩa trang tập trung cấp huyện tại xã Quảng Lợi, quy mô khoảng 92 ha; nghĩa trang Vinh Phú, quy mô khoảng 17 ha. Các xã nông thôn sử dụng nghĩa trang cấp xã, liên xã theo định hướng quy hoạch chung các xã và của huyện.

5.4. Quản lý phát triển khu vực đô thị Phú Vang

5.4.1. Quy định về quy mô, tính chất

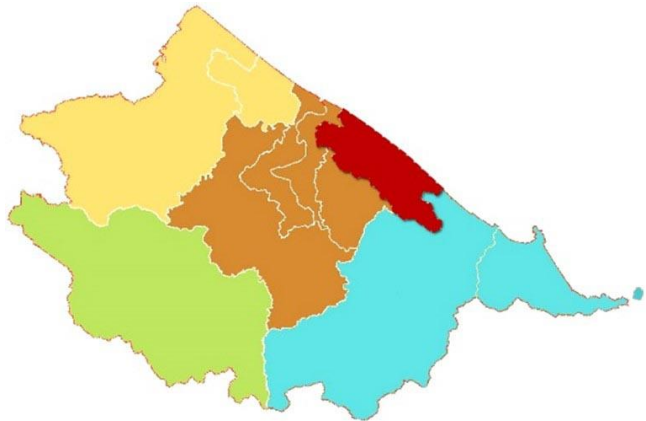
- Phạm vi hành chính: toàn bộ địa giới hành chính huyện Phú Vang

- Tính chất: Là khu vực xây dựng theo tiêu chí đô thị loại IV, phát triển đô thị gắn kết với du lịch biển, đầm phá; dịch vụ thương mại; nuôi trồng, khai thác thủy sản; kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, thích ứng biến đổi khí hậu và có khả năng chống chịu thiên tai.

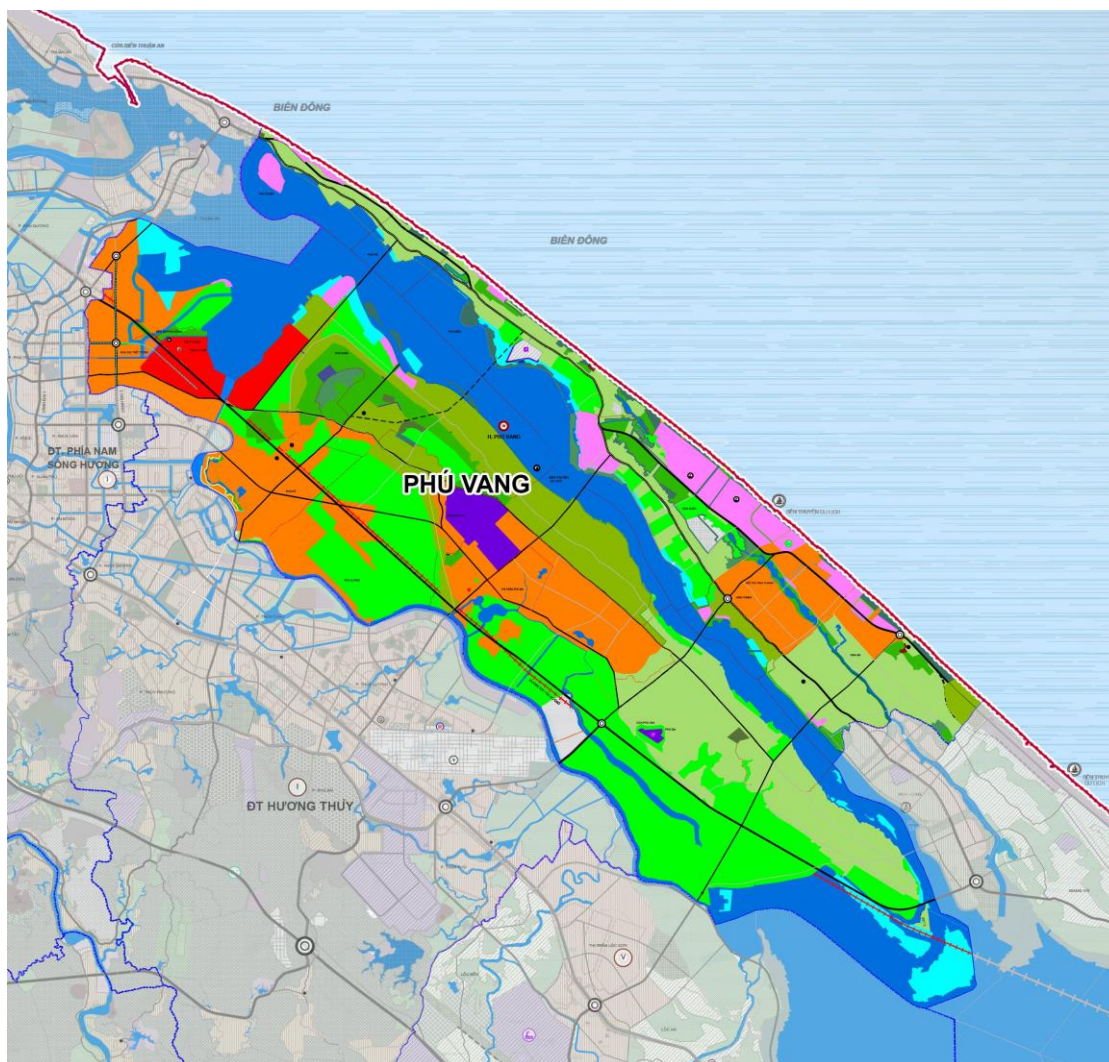
- Quy mô:

+ Diện tích tự nhiên: 23.531ha;

+ Dân số đến năm 2030 khoảng 132.000 người; đến năm 2045: khoảng 160.000 người.



Hình 21: Sơ đồ vị trí đô thị Phú Vang



Hình 22: Định hướng phát triển không gian đô thị Phú Vang

5.4.2. Định hướng phát triển:

- Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật để giai đoạn 2030-2045 đạt tiêu chí đô thị loại IV và phân đấu trở thành thị xã. Phát triển thị trấn Phú Đa gắn với đô thị du lịch Vinh Thanh để khai thác cảnh quan đầm Thủy Tú; hình thành vùng du lịch và dịch vụ ven biển từ Vinh An tới Phú Thuận để phát triển du lịch biển và đầm phá; từng bước hình thành loại hình du lịch hấp dẫn dựa trên việc khai thác cảnh quan, hệ sinh thái đầm phá, kết hợp du lịch dịch vụ trải nghiệm đời sống cư dân vùng ven biển, đầm phá, du lịch ẩm thực tại đầm Chuồn; xây dựng các khu vực đô thị mới gắn với TOD Phú Mỹ, khu vực đô thị mới tại Phú Hồ và Phú Lương theo trục đường nối Huế - Phú Vang. Tiếp tục hoàn thiện KCN Phú Đa và cụm công nghiệp Phú Diên, Phú Gia. Giữ gìn các vùng lúa có năng suất cao theo sông Đại Giang tới đầm Cầu Hai, các vùng nuôi trồng thủy sản trên nguyên tắc bảo tồn hệ sinh thái và vùng rừng ngập mặn Tam Giang – Cầu Hai, có quỹ đất dự trữ cho việc hình thành EXPO chuyên đề, ...

- Hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn cấp huyện. Xây dựng nông thôn mới tiệm cận với tiêu chí của đô thị, tạo điều kiện để nông thôn tham gia vào quá trình đô thị hoá; Tái cấu trúc các khu định cư nông thôn hiện hữu và hình thành một số điểm dân cư nông thôn mới, dân cư mới có hạ tầng đồng bộ tương đương đô thị;

5.4.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung

- Giao thông: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường sắt, đường bộ đi qua khu vực theo quy định; Hoàn thiện mạng lưới đường đô thị với các tuyến chính quy mô tối thiểu 4 làn xe; Xây dựng hoàn thiện đường ven biển quy mô tối thiểu 4 làn xe; ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ trung tâm thành phố Huế với trung tâm thị trấn Phú Đa và cầu qua phá Tam Giang nối thị trấn Phú Đa với xã Vinh Xuân, Thiết lập hệ thống đường vành đai 3 nhằm kiểm soát phương tiện vào khu vực trung tâm và điều phối dòng giao thông quá cảnh qua đô thị; Xây dựng bến, bãi đỗ xe khu vực trung tâm đô thị và khu vực ven biển. Xây dựng, cải tạo hệ thống cầu qua đầm, phá theo cấp hạng đường quy hoạch; hình thành các bến, tuyến thủy nội địa ven đầm, phá, và khu vực ven biển.

Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông Phở Lợi, Như Ý, Đại Giang...

Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nử riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông Như Ý, sông Đại Giang, đầm Cầu Hai và phá Tam Giang...

-Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 28.000 m³/ngđ, 2045 là 40.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Sông Hương, Sông Nông. Được cấp nước từ các công trình đầu mối chính: NMN Vạn Niên, NMN Quảng Tế, NMN Lộc Bồn dự kiến, NMN Lộc An

-Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực đô thị, công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 18.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 7.000 m³/ngđ). Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung.

-Thu gom, quản lý CTR: CTR phân loại tại nguồn. Sau phân loại chuyển về xử lý tập trung tại khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn.

- Quản lý nghĩa trang: Hiện nay, Nghĩa trang nhân dân cấp huyện tại xã Phú Xuân đã đi vào hoạt động với diện tích 13,8 ha; đang tiếp tục mở rộng giai đoạn 3 với diện tích 4,7 ha; tiếp tục nghiên cứu mở rộng trên phạm vi giáp ranh xã Phú Xuân, xã Phú Hồ với quy mô khoảng 120 ha. Xây dựng mới các nghĩa trang tại thị trấn Phú Đa (khoảng 43 ha – hiện đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương cho phép lập quy hoạch), nghĩa trang các xã Vinh Xuân, Vinh Thanh, Vinh An, Phú Lương, Phú Hồ, Phú Diên theo định hướng quy hoạch chung các xã.

5.5. Quản lý phát triển khu vực huyện Phú Lộc – Nam Đông

5.5.1. Quy định về quy mô, tính chất

- Phạm vi hành chính:

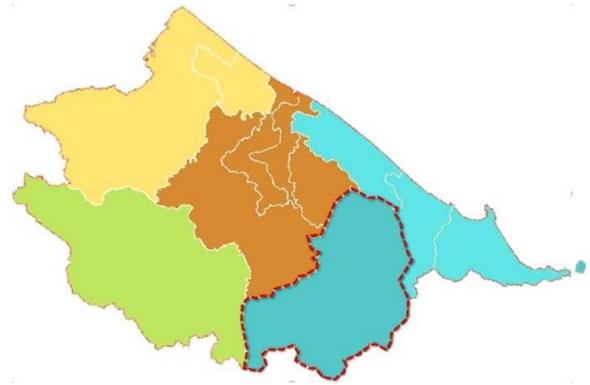
+ Đến năm 2030 (trước khi thành lập thành phố Chân Mây): gồm các xã, thị trấn của huyện Phú Lộc và huyện Nam Đông.

+ Giai đoạn sau khi thành lập thành phố Chân Mây (sau năm 2030): thành phố Chân Mây được tách từ 11 đơn vị hành chính thị trấn và xã của huyện Phú Lộc, phần còn lại của huyện Phú Lộc sẽ gộp cùng huyện Nam Đông để trở thành huyện Phú Lộc – Nam Đông.

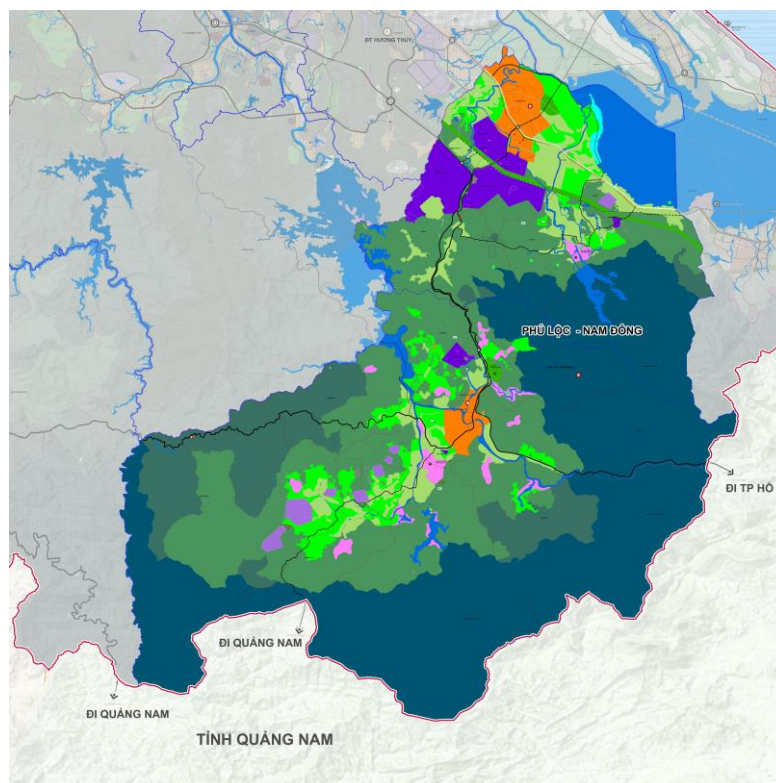
Bao gồm các xã, thị trấn của huyện Nam Đông và các xã còn lại của huyện Phú Lộc sau khi sáp nhập 1 số xã vào đô thị Chân Mây như vậy các đơn vị hành chính cấp xã gồm: thị trấn Khe Tre, thị trấn Lộc Sơn và các xã Xuân Lộc, Lộc An, Lộc Hòa, Lộc Bồn, Lộc Điền, Hương Phú, Hương Lộc, Hương Xuân, Hương Sơn, Hương Hữu, Thượng Lộ, Thượng Quảng, Thương Long, Thượng Nhật.

Ranh giới, số lượng đơn vị hành chính cụ thể sẽ thực hiện trong đề án thành lập Huyện

- Quy mô: Diện tích tự nhiên: 92.102ha; Dân số đến năm 2030 khoảng 101.000 người; đến năm 2045: khoảng 120.000 người.



Hình 23: Sơ đồ vị trí huyện Phú Lộc - Nam Đông



Hình 24: Sơ đồ định hướng phát triển không gian huyện Phú Lộc - Nam Đông

5.5.2. Định hướng phát triển

- Thị trấn Lộc Sơn (La Sơn): Là đô thị loại V, phát triển gắn kết với KCN La Sơn, khu công nghệ cao Thừa Thiên Huế và là trung tâm hành chính chính trị huyện Phú Lộc – Nam Đông sau sáp nhập.

- Thị trấn Khe Tre: Là đô thị loại V, trung tâm tổng hợp hỗ trợ dịch vụ cho vùng phát triển nông lâm nghiệp tại huyện Phú Lộc – Nam Đông.

- Khu vực ven đầm phá: cải tạo dân cư hiện hữu, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven đầm, trải nghiệm vùng đầm Cầu Hai, khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản. Bảo tồn và phát triển hệ sinh thái đầm phá nước lợ, hạn chế xây dựng.

- Khu vực nông nghiệp nông thôn: Hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn. Xây dựng nông thôn mới tiệm cận với tiêu chí của đô thị, tạo điều kiện để nông thôn tham gia vào quá trình đô thị hoá. chuyển đổi từ mô hình kinh tế từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng trồng cây chuyên canh, cánh đồng mẫu lớn, vùng trồng cây dược liệu và khai thác tốt các vùng rừng sản xuất. Phát triển du lịch gắn với vườn quốc gia Bạch Mã, Khu bảo tồn Sao La và kết nối với dịch vụ đô thị hỗ trợ lân cận như Thị trấn Khe Tre, Lâm Đốt. Bảo tồn môi trường sinh thái, đặc biệt là vườn quốc gia Bạch Mã, Khu bảo tồn Sao La.

5.5.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung

- Giao thông: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường sắt, đường bộ đi qua khu vực theo quy định; Hoàn thiện mạng lưới đường đô thị với các tuyến chính quy mô tối thiểu 4 làn xe; Hình thành tuyến vành đai 3 qua khu vực; tuyến đường tốc độ cao nối nút giao La Sơn của cao tốc Bắc – Nam với KKT Chân Mây – Lăng Cô; Xây dựng bến, bãi đỗ xe khu vực trung tâm đô thị và khu vực phát triển mới.

- Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Các khu vực thấp trũng tôn nền đến cao độ an toàn không bị ảnh hưởng ngập lũ, ngập úng. Mở rộng, kè gia cố bờ sông, kênh tiêu.

Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: hồ Tả Trạch, hồ Truồi, sông Truồi, đầm Cầu Hai và sông Đại Giang.

Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 26.000 m³/ngđ, 2045 là 49.000m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Sông Thượng Lộ, Sông Truồi, Kênh Truồi, Sông Nông, Hồ Thủy Yên, Hồ Thủy Cam. Được cấp nước từ các công trình đầu mối chính: NMN Lộc Bồn, NMN Lộc An : cấp nước cho các xã : Lộc Bồn Lộc Sơn, Lộc An, Lộc Điền, Lộc Hòa, Xuân Lộc. NMN Nam Đông 1, NMN Nam Đông 2, NMN Thượng Long cấp cho 10 xã (Thị trấn Khe Tre, Xã Thượng Quảng, Xã Thượng Long, Xã Hương Hữu, Xã Thượng Nhật, Xã Hương Xuân, Xã Thượng Lộ, Xã Hương Sơn, Xã Hương Lộc, Xã Hương Phú)

- Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực đô thị, công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 5.000 m³/ngđ (đến năm 2030 khoảng 4.000 m³/ngđ). Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung

- Các khu vực nông thôn, đồi núi nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị, xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình; Khu vực trung tâm xã có lượng thải lớn (trên 1.000 m³/ngđ) cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ thực hiện theo quy hoạch chung mới các xã.

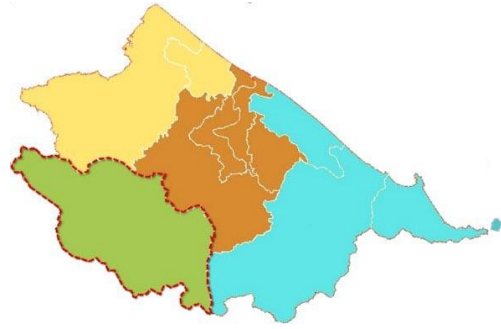
- Thu gom, quản lý CTR: CTR phân loại tại nguồn. Trước mắt tiếp tục sử dụng bãi chôn lấp Hương Phú huyện Nam Đông (quy mô khoảng 7 ha). Dài hạn tùy điều kiện thực tế có thể nghiên cứu mở rộng thêm khoảng 5 ha, bổ sung lò đốt phục vụ xử lý CTR trên địa bàn huyện hoặc kết hợp cùng khu xử lý CTR tập trung Phú Sơn để xử lý tập trung.

- Quản lý nghĩa trang: Nghĩa trang nhân dân xã Lộc Sơn (liên xã Lộc Sơn, Lộc An, Lộc Bồn) khoảng 12 ha; nghĩa trang Nam Đông mới tại xã Hương Xuân, quy mô khoảng 30 ha; nghĩa trang Lộc Điền – Lộc Hòa (khoảng 17 ha). Các xã nông thôn sử dụng nghĩa trang cấp xã theo định hướng quy hoạch chung các xã.

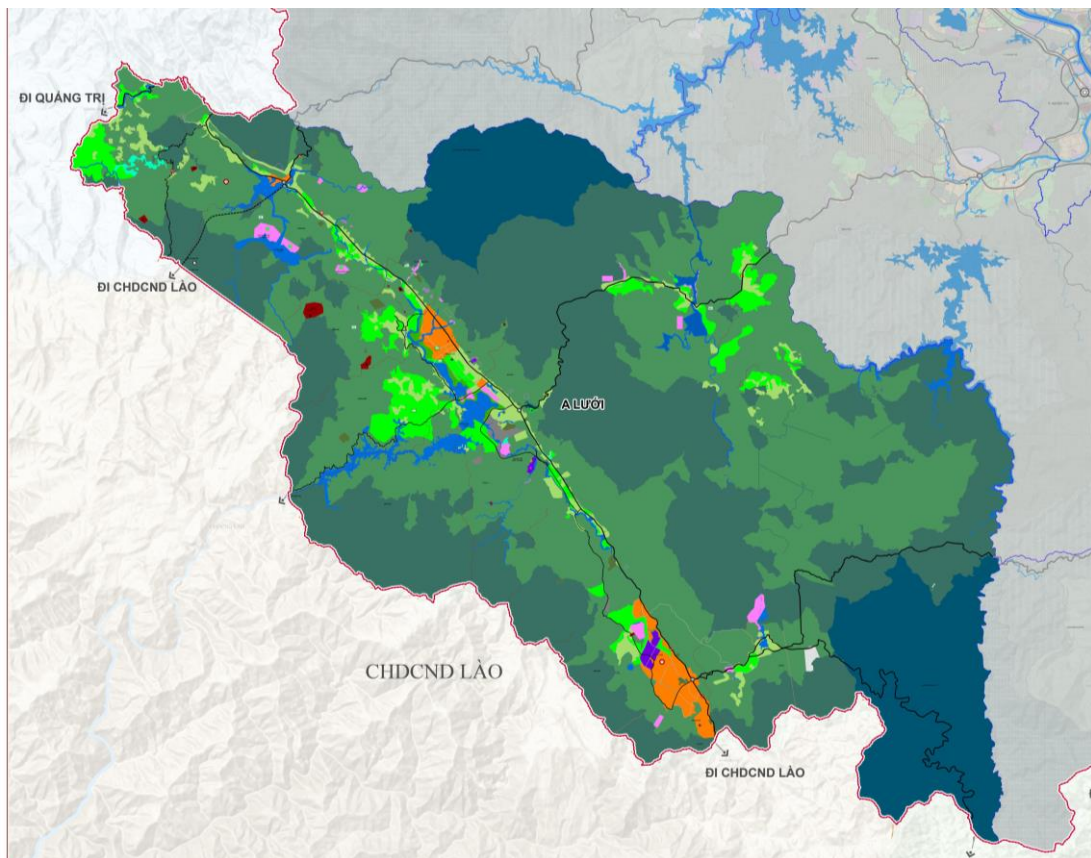
5.6. Quản lý phát triển khu vực huyện A Lưới

5.6.1. Quy định về quy mô, tính chất

- Phạm vi hành chính: Toàn bộ địa giới hành chính huyện A Lưới;
- Quy mô:
 - + Diện tích tự nhiên: 114.850ha;
 - + Dân số đến năm 2030 khoảng 61.000 người; đến năm 2045: khoảng 72.000 người.



Hình 25: Sơ đồ vị trí huyện A Lưới



Hình 26: Định hướng phát triển không gian huyện A Lưới

- Tính chất, chức năng: Là chuỗi đô thị phía Tây giữ vai trò thúc đẩy phát triển Kinh tế xã hội của khu vực phía Tây đô thị Thừa Thiên Huế, trong đó thị trấn A Lưới giữ vai trò là đô thị hạt nhân, kết nối với các đô thị cửa khẩu Hồng Vân và Lâm Đốt, là cửa ngõ phía Tây của vùng đô thị Tây-Bắc

5.6.2. Định hướng phát triển

- Thị trấn A Lưới: Là đô thị loại V. Tính chất: là trung tâm hành chính chính trị, dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục huyện A Lưới và vùng phía Tây đô thị Thừa Thiên Huế.

- Hình thành cửa khẩu phụ Hồng Thái tăng tính kết nối A Lưới với nước bạn Lào

- Đô thị Lâm Đốt: Là đô thị loại V. Tính chất: là trung tâm dịch vụ, thương mại cửa khẩu và công nghiệp trên nền tảng của KKT cửa khẩu A Đốt.

- Đối với KKT cửa khẩu A Đốt: Các nội dung cụ thể sẽ được định hướng tại “Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030” đã được phê duyệt

- Đô thị Hồng Vân: Là đô thị loại V. Tính chất: hình thành trên cơ sở hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với cửa khẩu Hồng Vân – Ku Tai (Lào).

- Khu vực nông nghiệp nông thôn: Hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn. Xây dựng nông thôn mới tiệm cận với tiêu chí của đô thị, chuyển đổi từ mô hình kinh tế từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng trồng cây chuyên canh, cánh đồng mẫu lớn, vùng trồng cây dược liệu và khai thác tốt các vùng rừng sản xuất. Giữ gìn vùng sinh thái nông nghiệp có giá trị và bảo vệ bản sắc văn hóa nông thôn. Phát triển du lịch cộng đồng gắn với các thôn, bản. Phát triển du lịch gắn với Khu bảo tồn Sao La và kết nối với dịch vụ đô thị hỗ trợ lân cận như Lâm Đốt. Bảo tồn môi trường sinh thái, đặc biệt là Khu bảo tồn Sao La và giữ gìn khu vực lân cận khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền.

5.6.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật chung

- Giao thông: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường bộ như đường Hồ Chí Minh, các tuyến đường đi cửa khẩu A Đốt, Hồng Thái, Hồng Vân đi qua khu vực theo quy định; Bổ sung, hoàn thiện các tuyến đường nông thôn thuận lợi cho hoạt động kinh tế.

Cao độ nền xây dựng: Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực ngập úng từng bước tôn nền cục bộ tránh ngập úng. Các khu vực có địa hình cao không ảnh hưởng ngập lũ chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Khu vực xây mới kết nối hài hòa với các khu vực hiện trạng, cao độ nền tại các khu vực xây dựng mới ven sông, suối phải lớn hơn mực nước max của sông suối từ 0,3 ÷ 0,5m.

Thoát nước mặt: Khu vực hiện trạng cải tạo thành hệ thống nửa riêng, tách nước thải về trạm xử lý. Khu vực xây mới thoát riêng hoàn toàn. Tăng cường công tác duy tu, nạo vét, cải tạo hệ thống thoát nước. Xây mới kênh tiêu, hồ điều hòa tăng cường thoát nước, hạn chế ngập úng. Hướng thoát nước: sông A Sáp, hồ Bình Điền, hồ Hương Điền.

- Cấp nước: Nhu cầu cấp nước 2030: 14.000 m³/ngđ, 2045 là 16.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước chính: Suối Tà Rê, Suối A Lin, hồ thủy điện Hồng Vân, Sông A Sáp. Được cấp nước từ các công trình đầu mối chính: NMN A Lưới, NMN A Sáp dự kiến, NMN A Lin dự kiến, NMN Lâm Đốt dự kiến

- Thu gom, xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho khu vực đô thị, công suất nhà máy XLNT đến năm 2045 khoảng 4.000 m³/ngđ (năm 2030 khoảng 3.000 m³/ngđ). Nước thải sau nhà máy XLNT tập trung đạt chuẩn A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý phục vụ các mục đích phi sinh hoạt như tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. Nước thải sản xuất thu gom và xử lý riêng đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT đối với KCN tập trung, giới hạn B đối với các CCN và cơ sở sản xuất tập trung. Các khu vực nông thôn, đồi núi nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị, xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình. Đối với khu

vực trung tâm xã có lượng thải lớn (trên 1.000 m³/ngđ) cần xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Phương án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ thực hiện theo quy hoạch chung các xã.

- Thu gom, quản lý CTR: CTR phân loại tại nguồn. Đầu tư khu xử lý CTR Đông Sơn, quy mô từ 10-25 ha, công suất đợt đầu khoảng 30 tấn/ngđ. Dài hạn có thể nâng công suất để phù hợp với thực tế phát sinh CTR trên địa bàn huyện.

- Quản lý nghĩa trang: Xây dựng nghĩa trang mới cấp huyện tại xã Hồng Thượng với diện tích khoảng 20ha. Các xã nông thôn sử dụng nghĩa trang cấp xã theo định hướng quy hoạch chung các xã.

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy định về tính pháp lý và chuyển tiếp

- Quy định này thay thế cho Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014. Đối với các khu vực thuộc phạm vi đồ án Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thống nhất triển khai cụ thể hóa theo định hướng đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

- Các quy hoạch, dự án, công trình đã thực hiện theo quy hoạch kỳ trước được tiếp tục triển khai thực hiện đến khi hết thời hạn hoặc khi nhà nước thực hiện quy hoạch. Khi điều chỉnh quy hoạch, dự án, công trình phải thực hiện theo Quy hoạch này và sẽ được chính xác hóa về ranh giới, quy mô, tính chất trên cơ sở đảm bảo các cơ sở pháp lý, định hướng quy hoạch có liên quan, hiện trạng sử dụng đất, trong quá trình tổ chức lập và hoàn thành các đồ án quy hoạch phân khu.

- Đối với các xã có định hướng thành lập phường (hoặc đô thị loại V) được tổ chức lập, phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị (hoặc Quy hoạch chung đô thị mới loại V) đảm bảo phù hợp với QHC này. Đồ án quy hoạch chung xã được phê duyệt trước thời điểm quy hoạch này phê duyệt được tiếp tục thực hiện cho đến khi có QHPK hoặc QHC đô thị mới loại V được phê duyệt.

- Đối với các khu công nghiệp, khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ đã được xác định trong QHC này thì được lập trực tiếp đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp mà không phải lập đồ án quy hoạch chung xây dựng và không phải lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu theo quy định.

- Đối với các dự án đã được phê duyệt QHCT 1/500 được tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định pháp luật. Trường hợp điều chỉnh dự án cần đảm bảo tuân thủ QHC này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh không phù hợp QHC này được tiếp tục hoạt động cho đến khi có kế hoạch thực hiện quy hoạch hoặc có kế hoạch di dời, giải tỏa để thực hiện quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với các khu vực dân cư đã sinh sống ổn định trước thời điểm quy hoạch này phê duyệt mà không phù hợp với định hướng quy hoạch được tiếp tục tồn tại, chủ sử dụng đất có đầy đủ quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai cho đến khi có kế hoạch di dời, giải tỏa để thực hiện quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với các khu chức năng thuộc kỳ quy hoạch dài hạn (đến năm 2045), cho phép triển khai thực hiện trước năm 2030 trong trường hợp đáp ứng các yêu cầu về kết nối cơ sở hạ tầng, hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo không làm vượt quá tổng quy mô đất đai trong kỳ quy hoạch ngắn hạn (đến năm 2030) đã được phê duyệt.

- Việc tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các đồ án quy hoạch cấp dưới; việc tổ chức triển khai thực hiện QHC này được tiếp tục rà soát và tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành.

2. Quy định về trách nhiệm quản lý

- Bộ Xây dựng hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và Quy định này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị theo đúng đồ án được duyệt và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác thực hiện theo quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

- Chủ đầu tư các dự án xây dựng trên địa bàn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý không gian kiến trúc trong phạm vi dự án đảm bảo đúng quy hoạch được phê duyệt đến khi bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý.

3. Tổ chức thực hiện

a. UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, quản lý phát triển cải tạo và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị theo đúng đồ án được duyệt.

- Tổ chức triển khai lập chương trình và kế hoạch phát triển các khu vực đô thị theo đúng quy hoạch chung được duyệt.

- Cho phép triển khai sớm các khu vực thuộc kỳ quy hoạch dài hạn (đến năm 2045) trong trường hợp đáp ứng các yêu cầu về kết nối cơ sở hạ tầng, hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo không làm vượt quá tổng quy mô đất đai trong kỳ quy hoạch ngắn hạn (đến năm 2030) đã được phê duyệt.

- Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch theo Quy hoạch chung đã được phê duyệt, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng, phát triển đô thị. Bao gồm các loại sau:

+ Giai đoạn đến năm 2030:

. Quy hoạch vùng huyện cho các huyện: Quảng Điền, Phú Vang, A Lưới, và huyện Phú Lộc - Nam Đông.

. Lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phong Điền và các quy hoạch phân khu trên địa bàn thị xã Phong Điền;

. Lập quy hoạch phân khu cho các phân khu trong đô thị trung tâm tại 04 địa phương gồm: Hương Trà, Hương Thủy, quận phía Bắc, quận phía Nam Các quy hoạch phân khu trong các đô thị loại IV trở lên nằm ngoài đô thị trung tâm.

. Đối với các đồ án quy hoạch phân khu đã được phê duyệt nhiệm vụ theo định hướng của Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014), cho phép tiếp tục phê duyệt đồ án theo định hướng của Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế mà không phải điều chỉnh Nhiệm vụ quy hoạch.

. Lập quy hoạch chung các xã có tiềm năng đô thị hóa trong vùng huyện theo tiêu chí đô thị loại V;

. Lập mới hoặc điều chỉnh Quy hoạch chung cho các xã thuộc huyện, các xã ngoại thị đã đến thời hạn rà soát điều chỉnh hoặc có yếu tố mới.

. Lập Quy hoạch chung xây dựng Khu công nghệ cao tỉnh Thừa Thiên Huế trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

. Lập các quy hoạch phân khu chức năng để triển khai thực hiện kêu gọi đầu tư, quản lý theo quy định.

+ Giai đoạn đến 2045: Tổ chức lập Quy hoạch chung cho các huyện theo định hướng trở thành đô thị giai đoạn 2030-2045, bao gồm:

. Lập mới Quy hoạch chung đô thị mới Chân Mây (kế thừa nội dung quy hoạch khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô); Quy hoạch chung đô thị Quảng Điền; đô thị Phú Vang.

. Lập quy hoạch chung các xã có tiềm năng đô thị hóa trong vùng huyện theo tiêu chí đô thị loại V.

. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung đô thị khác nếu có cơ sở theo quy định pháp luật về quy hoạch.

b. Ủy ban nhân dân các Thành phố/Huyện/Thị xã: Thực hiện theo thẩm quyền được giao chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển cải tạo không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

c. Tại các khu vực có các dự án xây dựng phát triển đô thị, đơn vị được phép đầu tư xây dựng dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và UBND cấp huyện, thị về quản lý không gian kiến trúc trong phạm vi dự án đảm bảo đúng quy hoạch được phê duyệt đến khi bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý.

d. Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế là cơ quan tham mưu giúp cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan toàn bộ đô thị và các khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của UBND tỉnh. Sở Xây dựng và các sở chuyên ngành là cơ quan giúp UBND tỉnh quản lý về lĩnh vực chuyên ngành trong công tác xây dựng phát triển đô thị.

e. Phòng Quản lý đô thị quận, thành phố, thị xã và các phòng Kinh tế hạ tầng tại cấp huyện là cơ quan giúp việc UBND thành phố, thị xã, huyện quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị và các lĩnh vực chuyên ngành, thực hiện theo Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong khu vực địa phương mình quản lý.

4. Phân công trách nhiệm

- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm tổ chức triển khai việc phát triển đô thị theo đúng quy hoạch chung được duyệt.

- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế giao Sở Xây dựng và các sở ngành thuộc Tỉnh có trách nhiệm giám sát toàn bộ việc thực hiện triển khai quy hoạch và quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đã được phê duyệt. Phối hợp với UBND các Quận, Thành phố/Huyện/Thị xã trong việc tổ chức lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong quá trình quản lý và phát triển đô thị.

- UBND Thành phố/Quận/Huyện/Thị xã giao các đơn vị trực thuộc, căn cứ vào quy hoạch chung được phê duyệt tổ chức lập và trình UBND Thành phố/Quận/Huyện/Thị xã phê duyệt quy hoạch phân khu các khu vực đô thị và quy hoạch chi tiết một số khu vực đặc biệt theo yêu cầu của UBND cấp tỉnh.

- UBND Thành phố/Quận/Huyện/Thị xã lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết trong phần địa giới hành chính do mình quản lý theo phân cấp và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với việc điều chỉnh cục bộ một số nội dung trong quy hoạch chung, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm tổ chức lập, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ trên nguyên tắc không làm thay đổi các nội dung cơ bản của quy hoạch chung.

5. Quy định công bố thông tin

- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế giao Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế phối hợp cùng UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm công bố thông tin và nội dung đồ án quy hoạch được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị công bố quy hoạch công khai để toàn bộ người dân được biết giám sát và thực hiện.

- Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế là đầu mối có trách nhiệm giúp UBND tỉnh Thừa Thiên Huế lưu giữ hồ sơ Quy hoạch chung để phục vụ công tác quản lý đô thị và cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nếu có yêu cầu, cung cấp thông tin về quy hoạch chung được duyệt cho các địa phương để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch.

- Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế là cơ quan đầu mối phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện có liên quan định kỳ cập nhật tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chung để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

6. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

- Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

- Cơ quan quản lý về trật tự xây dựng đô thị trực thuộc đô thị Thừa Thiên Huế có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn quản lý và báo cáo kịp thời với UBND thành phố và phường các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. UBND thành phố/UBND Quận/UBND phường quyết định xử phạt đối với các vi phạm nêu trên trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm báo cáo lên UBND đô thị Thừa Thiên Huế các trường hợp ngoài thẩm quyền để Chủ tịch UBND đô thị Thừa Thiên Huế quyết định.

- Thanh tra xây dựng của tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố và báo cáo kịp thời với UBND đô thị Thừa Thiên Huế các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. UBND đô thị Thừa Thiên Huế quyết định xử phạt đối với các vi phạm nêu trên trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm báo cáo lên Chính phủ các trường hợp ngoài thẩm quyền để Thủ tướng chính phủ quyết định.

- Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Phụ lục 1: Danh mục các Khu công nghiệp

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích dự kiến phân bổ sau năm 2030 (ha)
I	Các khu công nghiệp phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (2.678 ha)			
	Tổng diện tích các KCN có trong quy hoạch		5.573	
1	Khu Công nghiệp Phú Bài	Thị xã Hương Thủy	743,47	
2	Khu công nghiệp Phong Điền	Huyện Phong Điền	700	
3	Khu công nghiệp La Sơn	Huyện Phú Lộc	300	
4	Khu công nghiệp Tứ Hạ	Thị xã Hương Trà	250	
5	Khu công nghiệp Phú Đa	Huyện Phú Vang	250	
6	Khu công nghiệp Quảng Vinh	Huyện Quảng Điền	150	
7	Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	3.040	
8	Khu công nghiệp trong Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt	Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt	140	
II	Dự kiến phân bổ đất khu công nghiệp khi được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đảm bảo các điều kiện theo quy định (6.437 ha)		8.213	8.213
1	Các KCN có trong quy hoạch		5.573	5.573
1.1	Khu Công nghiệp Phú Bài	Thị xã Hương Thủy	743,47	743,47
1.2	Khu công nghiệp Phong Điền	Huyện Phong Điền	700	700
1.3	Khu công nghiệp La Sơn	Huyện Phú Lộc	300	300
1.4	Khu công nghiệp Tứ Hạ	Thị xã Hương Trà	250	250
1.5	Khu công nghiệp Phú Đa	Huyện Phú Vang	250	250
1.6	Khu công nghiệp Quảng Vinh	Huyện Quảng Điền	150	150
1.7	Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	3.040	3.040
1.8	Khu công nghiệp trong Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt	Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt	140	140
2	KCN quy hoạch mới		2.640	2.640
2.1	Khu công nghiệp La Sơn (mở rộng)	Huyện Phú Lộc	1.000	1.000
2.2	Khu công nghiệp Phong Điền, Quảng Điền	Huyện Phong Điền và Quảng Điền	1.000	1.000
2.3	Các Khu công nghiệp trong KKT Chân Mây - Lăng Cô	Huyện Phú Lộc	640	640

Ghi chú: Các khu công nghiệp trong khu kinh tế Theo Quy hoạch chung xây dựng KKT Chân Mây- Lăng Cô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số

1771/QĐ-TTg ngày 05/12/2008; Quy hoạch chung xây dựng KKT cửa khẩu A Đốt, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1136/QĐ-TTg ngày 24/8/2012; Văn bản số 962/TTg-KTN ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh các KCN tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tên, quy mô, phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục 2: Danh mục các cụm công nghiệp

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Đến năm 2030 (ha)	Sau năm 2030 (ha)
I	Cụm công nghiệp hiện có		474,78	474,78
1	Cụm công nghiệp giữ nguyên diện tích		173,36	173,36
1.1	CCN Thủy Phương	Thị xã Hương Thủy	75	75
1.2	CCN An Hòa	Thành phố Huế	48	48
1.3	CCN Vinh Hưng	Huyện Phú Lộc	20,36	20,36
1.4	CCN Kon Tôm – Hồng Thượng	Huyện A Lưới	30	30
2	Cụm công nghiệp điều chỉnh diện tích		301,42	301,42
2.1	CCN Tứ Hạ	Thị xã Hương Trà	75	75
2.2	CCN Bình Thành	Thị xã Hương Trà	75	75
2.3	CCN Điền Lộc	Huyện Phong Điền	66,42	66,42
2.4	CCN Hương Hòa	Huyện Nam Đông	10	10
2.5	CCN Hương Phú	Huyện Nam Đông	75	75
II	Cụm công nghiệp bổ sung mới		849,12	924,12
1	CCN Thủy Phương 2	Thị xã Hương Thủy	70	70
2	CCN Thủy Châu	Thị xã Hương Thủy	75	75
3	CCN Hương Vãn 1	Thị xã Hương Trà	35	35
4	CCN Hương Vãn 2	Thị xã Hương Trà	24,3	24,3
5	CCN Hương Xuân	Thị xã Hương Trà	58	58
6	CCN Hương Vân	Thị xã Hương Trà	75	75
7	CCN Tứ Hạ 2	Thị xã Hương Trà	-	75
8	CCN Thủy Bằng	Thành phố Huế	50	50
9	CCN Sơn Xuân Mỹ	Huyện Phong Điền	71,66	71,66
10	CCN Điền Lộc 2	Huyện Phong Điền	20,8	20,8
11	CCN Quảng Lợi	Huyện Quảng Điền	34,06	34,06
12	CCN La Sơn	Huyện Phú Lộc	75	75
13	CCN Điền Hòa	Huyện Phú Lộc	30	30
14	CCN Cầu Hai	Huyện Phú Lộc	32,3	32,3
15	CCN Giang Hải	Huyện Phú Lộc	25	25
16	CCN Phú Diên	Huyện Phú Vang	39	39
17	CCN Phú Gia	Huyện Phú Vang	37	37
18	CCN Hương Phú 2	Huyện Nam Đông	75	75
19	CCN Hương An	Thành phố Huế	32	32

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài các cụm công nghiệp đã được xác định, có thể bổ sung các cụm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển trên cơ sở phù hợp với các quy định có liên quan và tuân thủ pháp luật hiện hành

Phụ lục 3: Định hướng phát triển không gian hành chính đô thị Thừa Thiên Huế theo đơn vị hành chính đến năm 2045

TT	Danh mục	Hiện trạng	Dự kiến phạm vi hành chính		
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2045
1	Thành phố Huế				
1.1	Quận phía Nam Sông Hương	Gồm 16 phường: Phú Hội, Phú Nhuận, Vĩnh Ninh, Phường Đức, Thủy Xuân, Trường An, Phước Vĩnh, An Cựu, An Đông, An Tây, Xuân Phú, Vỹ Dạ, Thủy Vân, Phú Thượng, Thủy Biều, Thuận An và 06 xã: Phú Thanh, Phú Mậu, Phú Dương, Hải Dương, Thủy Bằng, Hương Phong.	Gồm các phường hiện hữu: Phú Hội, Phú Nhuận, Vĩnh Ninh, Phường Đức, Thủy Xuân, Trường An, Phước Vĩnh, An Cựu, An Đông, An Tây, Xuân Phú, Vỹ Dạ, Thủy Vân, Phú Thượng, Thủy Biều; - Thành lập phường Thủy Bằng trên cơ sở xã Thủy Bằng, Thành lập phường Hương Phong trên cơ sở xã Hương Phong; - Sắp xếp ĐVHC xã Hải Dương và phường Thuận An thành phường mới; Sắp xếp ĐVHC 03 xã: Phú Thanh, Phú Mậu, Phú Dương thành phường mới.		
1.2	Quận phía Bắc Sông Hương	Gồm 13 phường: Đông Ba, Gia Hội, Thuận Lộc, Tây Lộc, Thuận Hòa, Phú Hậu, Hương Vinh, Hương Sơ, An Hòa, Hương Long, Hương An, Kim Long, Hương Hồ và 01 xã: Hương Thọ.	Gồm các phường hiện hữu: Đông Ba, Gia Hội, Thuận Lộc, Tây Lộc, Thuận Hòa, Phú Hậu, Hương Vinh, Hương Sơ, An Hòa, Hương Long, Hương An, Kim Long. - Sắp xếp ĐVHC xã Hương Thọ và phường Hương Hồ thành phường mới.		
2	Thị xã Hương Thủy				

Phụ lục 3: Định hướng phát triển không gian hành chính đô thị Thừa Thiên Huế theo đơn vị hành chính đến năm 2045

TT	Danh mục	Hiện trạng	Dự kiến phạm vi hành chính		
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2045
2.1	Khu vực phường	Gồm 5 phường: Phú Bài, Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu, Thủy Lương	- Gồm các phường: Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu. - Thành lập phường Thủy Thanh trên cơ sở ĐGHHC xã Thủy Thanh; Thành lập phường Thủy Phù trên cơ sở ĐGHHC xã Thủy Phù. - Sắp xếp ĐVHC xã Phú Sơn và phường Phú Bài thành phường mới; Sắp xếp ĐVHC xã Thủy Tân và phường Thủy Lương thành phường mới.	Thành lập quận Hương Thủy gồm các phường: Thủy Dương, Thủy Châu, Thủy Phương, Thủy Thanh, Thủy Phù, Phú Bài + Phú Sơn, Thủy Lương + Thủy Tân.	
2.2	Khu vực xã	Gồm 5 xã: Thủy Thanh, Thủy Tân, Thủy Phù, Phú Sơn, Dương Hòa	Xã Dương Hòa	- Chuyển xã Dương Hòa về thị xã Hương Trà.	
3	Thị xã Hương Trà				
	Khu vực phường	Gồm 5 phường: Tứ Hạ, Hương Văn, Hương Chữ, Hương Xuân, Hương Vân	- Gồm các phường: Tứ Hạ, Hương Văn, Hương Chữ, Hương Xuân, Hương Vân. - Thành lập phường Hương Toàn trên cơ sở ĐGHHC xã Hương Toàn.	Gồm các phường: Tứ Hạ, Hương Văn, Hương Chữ, Hương Xuân, Hương Vân, Hương Toàn.	Thành lập Quận Hương Trà gồm các phường: Tứ Hạ, Hương Văn, Hương Xuân, Hương Chữ, Hương Toàn.
	Khu vực xã	Gồm 4 xã: Hương Toàn, Hương Bình, Bình Tiến, Bình Thành		Gồm các xã: Hương Toàn, Hương Bình, Bình Tiến, Bình Thành, Dương Hòa	- Thành lập phường Hương Bình trên cơ sở ĐGHHC xã Hương Bình. - Thành lập phường Bình Tiến trên cơ sở ĐGHHC xã Bình Tiến.

Phụ lục 3: Định hướng phát triển không gian hành chính đô thị Thừa Thiên Huế theo đơn vị hành chính đến năm 2045

TT	Danh mục	Hiện trạng	Dự kiến phạm vi hành chính		
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2045
					- Thành lập phường Bình Thành trên cơ sở ĐGHC xã Bình Thành. - Thành lập phường Dương Hòa trên cơ sở ĐGHC xã Dương Hòa
4	Huyện/thị xã Phong Điền				
		Gồm các 1 thị trấn và 15 xã: Điền Hương, Điền Môn, Điền Lộc, Phong Bình, Điền Hoà, Phong Chương, Phong Hải, Điền Hải, Phong Hoà, Phong Thu, Phong Hiền, Phong Mỹ, Phong An, Phong Xuân, Phong Sơn	Thành lập thị xã Phong Điền, gồm 06 phường: phường (Thị trấn Phong Điền + Phong Thu), phường (Phong Hải + Điền Hải), phường (Điền Lộc + Điền Hòa), Phong Hòa, Phong An, Phong Hiền và 06 xã: xã (Điền Hương + Điền Môn), Phong Bình, Phong Chương, Phong Sơn, Phong Xuân, Phong Mỹ		
5	Huyện Quảng Điền				
		Gồm 01 thị trấn Sịa và 10 xã: Quảng An, Quảng Công, Quảng Lợi, Quảng Ngạn, Quảng Phú, Quảng Phước, Quảng Thái, Quảng Thành, Quảng Thọ, Quảng Vinh. (Huyện Quảng Điền hiện có 02 đô thị loại V, bao gồm: Thị trấn Sịa và đô thị Thanh Hà (Quảng Thành))	Hình thành thêm các đô thị loại V, bao gồm: Vĩnh Tu (Quảng Công + Quảng Ngạn), Phú Thuận (Quảng Phú)		Đạt tiêu chí đô thị loại IV và phấn đấu trở thành thị xã Quảng Điền
6	Huyện Phú Vang				
		Gồm 01 thị trấn và 13 xã: Phú An, Phú Điền, Phú Gia, Phú Hải, Phú Hồ, Phú	Hình thành thêm các đô thị loại V, bao gồm: Phú Thuận, Phú An, Phú Mỹ, Phú Hồ.		Đạt tiêu chí đô thị loại IV và phấn đấu

Phụ lục 3: Định hướng phát triển không gian hành chính đô thị Thừa Thiên Huế theo đơn vị hành chính đến năm 2045

TT	Danh mục	Hiện trạng	Dự kiến phạm vi hành chính		
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2045
		Lương, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Xuân, Vinh An, Vinh Hà, Vinh Thanh, Vinh Xuân. (Huyện Phú Vang hiện có 02 đô thị loại V, bao gồm: Thị trấn Phú Đa và đô thị Vinh Thanh)			trở thành thị xã Phú Vang
7	Huyện Phú Lộc - Nam Đông và thành lập thành phố Chân Mây	- Huyện Phú Lộc: 02 thị trấn là Phú Lộc và Lăng Cô và 15 xã: Giang Hải, Lộc An, Lộc Bình, Lộc Bồn, Lộc Điền, Lộc Hòa, Lộc Sơn, Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Trì, Lộc Vĩnh, Vinh Hiền, Vinh Hưng, Vinh Mỹ, Xuân Lộc. (Huyện Phú Lộc hiện có 04 đô thị loại V, bao gồm: Thị trấn Phú Lộc, thị trấn Lăng Cô, đô thị La Sơn (Lộc Sơn) và đô thị Vinh Hiền) - Huyện Nam Đông: 01 thị trấn Khe Tre và 9 xã Hương Lộc, Hương Hữu, Hương Phú, Hương Sơn, Thượng Quảng, Thượng Long, Thượng Nhật, Thượng Lộ, Hương Xuân. (Huyện Nam Đông hiện có 01 đô thị loại V, bao gồm: Thị trấn Khe Tre)	- Sắp xếp ĐVHC cấp huyện là Phú Lộc và Nam Đông - Hình thành thêm các đô thị loại V bao gồm: Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Vĩnh, Vinh Hưng	Xây dựng đô thị Chân Mây (gồm Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và phần mở rộng đến thị trấn Phú Lộc, các xã ven biển huyện Phú Lộc hiện hữu) đạt tiêu chí đô thị loại III (dự kiến bao gồm: 02 thị trấn Phú Lộc, Lăng Cô và 9 xã hiện hữu bao gồm: Lộc Tiến, Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Bình, Lộc Trì, Vinh Hiền, Vinh Hưng, Giang Hải, Vinh Mỹ)	- Thành lập thành phố Chân Mây, bao gồm 07 phường: Phú Lộc, Lăng Cô, Lộc Tiến, Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Vinh Hiền, Vinh Hưng và 04 xã: Lộc Bình, Lộc Trì, Giang Hải, Vinh Mỹ. - Huyện Phú Lộc - Nam Đông, bao gồm các thị trấn: Phú Lộc, Lộc Sơn, Khe Tre và các xã: Lộc Bồn, Lộc Điền, Lộc Hòa, Lộc An, Xuân Lộc, Hương Lộc, Hương Hữu, Hương Phú, Hương Sơn, Thượng Quảng, Thượng

Phụ lục 3: Định hướng phát triển không gian hành chính đô thị Thừa Thiên Huế theo đơn vị hành chính đến năm 2045

TT	Danh mục	Hiện trạng	Dự kiến phạm vi hành chính		
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2045
					Long, Thượng Nhật, Thượng Lộ, Hương Xuân.
8	Huyện A Lưới	- Gồm 01 thị trấn A Lưới và 17 xã A Ngo, A Roàng, Đông Sơn, Hồng Bắc, Hồng Hạ, Hồng Kim, Hồng Thái, Hồng Thượng, Hồng Thủy, Hồng Vân, Hương Nguyên, Hương Phong, Lâm Đót, Phú Vinh, Quảng Nhâm, Sơn Thủy, Trung Sơn. (Huyện A Lưới hiện có 01 đô thị loại V, bao gồm: Thị trấn A Lưới)		Hình thành thêm các đô thị loại V: Hồng Vân, Lâm Đót	